

VĂN - HÓA

NGUYỆT - SAN

CƠ - QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHỔ - THÔNG
ca nghiên



*Thầy dạy
Báo Văn Hóa*

ĐẶC-SAN VỀ TINH-THẦN QUỐC-GIA

SAIGON

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN



GIÁ BÁN TOÀN QUỐC
1 số.
1 năm (10 số).

MỤC-LỤC

Số trang	Số trang
I.— Văn-hóa Việt-Nam	
— Nguyễn-công-Trứ với tinh thần quốc-gia (N.H.) . . .	1305
— Quốc-gia dân-tộc và Tô-Quốc (Nghiêm Toàn)	1315
— Chân-hưng đạo-đức (Nam-Hưng)	1312
— Học-đường trung-lập (Nghị-Tâm)	1327
— Tinh-thần quốc-gia với dân-tộc Việt-Nam (V.h.Chân).	1331
— Sông Hương (Ng-c-Huân).	1343
— Nguyễn-trung-Trực, vị anh hùng miền Nam (Đào-Viên).	1352
— Một danh-tướng nhà Tiền-Lý: Lý-phục-Man (Đỗ-bá-Yên).	1354
— Thi-ca: Anh-hùng non Lam. (Đào-Viên).	1357
— Xuân-thiên ngâm-khúc (Bút-Lương).	1358
— Nhân bạn (An-Khê sao-lục)	1359
— Đêm khuya cảm tác (An-Khê sao-lục).	1360
— Đập đá (An-khê sao-lục)	1361
— Bình Ngô đại-cáo (Nguyễn-Ấ-Tiêm dịch).	1362
II.— Văn-hóa Thế-giới.	
— Tô-Vô hay lòng nhớ đất nước (Hoài-Quang)	1368
— Đạo-đức-kinh quốc-văn-giải-thích (Nghiêm Toàn dịch-thuật).	1373
— Phụ-nữ Đông-phương với tinh-thần quốc-gia (Cao-Nhã)	1381
— Benjamin Franklin (Anh-Vinh)	1388
— Tư-tưởng quốc-gia (Nguyễn-Bình trich-dịch).	1399
— Mustapha Kémal (Anh-Nguyễn)	1395
— Thơ dịch: Cổ-hương (Hoàng-Khôt và Hoài-Quang dịch)	1407
— Quê nhà (H. Quang dịch)	1409
— Tông-quân hành (Ng-đ-Diệm dịch).	1410
— Bảy thước nam nhi (Bút-Q. Khánh dịch)	1411
III.— Tin-tức Văn-hóa.	
— Tin trong nước	1412
— Tin ngoài nước	1420



NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

VỚI TINH-THẦN QUỐC-GIA

của N.H.

TRONG cuốn « *Sự-nghiep và thi-văn của Uy-viễn tướng-công Nguyễn-Công-Trú* », ông Lê-Thước đã nhắc-nhở lời nghị-luận của cô nhân : « Ở đời có ba điều bất hủ, một là lập công, hai là lập đức, ba là lập ngôn », rồi tác-giả cho rằng Nguyễn-công-Trú đã thành công về cả ba phương-diện. Nhưng, thực ra, bậc kỳ tài Nguyễn-công-Trú không bao giờ nghĩ đến việc lập đức, hay lập ngôn. Cụ đã nêu cao gương trung-trực, trong khi tranh-đấu để có « danh gì với núi sông », và cũng đã ngâm vịnh để giải bày tâm-sự, trước những cảnh éo-le, trắc-trở ; song đó chỉ là những điều phụ-thuộc đối với kẻ anh-hùng. Mỗi hoài-bảo của Nguyễn-công-Trú, chí-khí của người đã gây nên sự-nghiep vé-vang, tám gương sáng, đáng cho hậu-thế muôn thuở noi theo, và sử-sách ngàn thu ghi chép, là lòng cương-quyết trả nợ tang bồng, làm tròn nhiệm-vụ của nam-nhi, đề đền công đất nước. Cụ đã lập công, nhưng lập công để thỏa chí cung tên, xứng đáng với non sông xứ sở. Thiết-tưởng đó mới là điểm, ta nên suy nghĩ và trình bày, để tâm, chú ý, nhất là trong khi giảng sơn dương tới một khúc quanh của lịch-sử, đương cần đến nhiều nghị-lyc và hy-sinh..

Nguyễn-công-Trú, tự là Tôn-Chất, hiệu là Ngô-Trai, biệt-hiệu, là Hi-văn, lại có tiêu-húy là Cung, vốn quê quán làng Uy-Viễn, huyện Nghi-

Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh, cách làng Tiên-Điền, hơn một cây số. Cụ sinh ngày mồng một tháng 11 năm Mậu-Tuất, tức là vào khoảng tháng chạp năm 1778 dương-lịch. Lúc đó, thân-sinh Cụ đương giữ chức tri huyện Quỳnh-Côi (tỉnh Thái-Bình ngày nay), và Nguyễn công-Trứ đã ra đời tại xã Địa-Linh, thuộc huyện đó. Thân-sinh cụ là Nguyễn-công-Tấn, một nhà Nho, học-vấn uyên-thâm, đã đậu hương giải (cử nhân) năm 24 tuổi, và được phong Đức-Ngạn-Hầu, Tham-Tán Quân-Sự xứ Sơn Nam (Nam-dịnh). Sau khi vua Quang Trung hạ thành Thăng Long, nhà Lê bỏ chạy, Đức-Ngạn-Hầu đã trở về quê hương mở trường dạy học.

Lúc thiếu thời, Nguyễn-công-Trứ đã đĩnh-ngộ khác thường, nhưng thành-dạt muộn, nên nhiều khi đã lâm vào cảnh quẩn-bách, gian-chuân. Song, tinh-thần phóng khoáng tự nhiên, cụ chỉ là thư-sinh mà đã có tinh-thần hào kiệt. Cụ đã làm câu đối dán ở phòng học :

*Mạc vị khốn hành phi ngọc như,
Cảm tương bản tiện cố kiều nhân.*

tức là :

*Vạn khố trời còn trau chuốt ngọc,
Lúc nghèo ta có lụy chiều ai.*

(Lê-Thước dịch)

Năm Gia-Long thứ hai, nhà vua ngự giá Bắc-tuần, qua Nghệ-An, Ngộ-Trai thừa dịp, đã tới Hành-Cung, dâng bài điều-trần nhan đề là « Thái-bình thập sách », được đình thần khen ngợi. Tương-truyền vì thế mà lúc mở khóa thi, Tà-quân Lê-văn-Duyệt đã dặn riêng quan trường phải lấy cụ đậu, đề thu-dụng, khỏi di hại về sau.

Thấy cụ là người lỗi-lạc, nhưng chí-khí hiên ngang, Triều-đình đã luôn luôn ngờ- vực, e-ngại, thành thử trong bề hoạn có lẽ từ xưa tới nay, không mấy ai đã bị thăng trầm như cụ, khiến hậu-thế còn ngậm-ngùi oán trách nền phong-kiến, đã bạc-đãi kẻ hiền tài, và đã mù-quáng nghi-ky người cương-trực không nghĩ đến quyền-lợi quốc-gia !

Bắt đầu lĩnh chức Hành-tầu Sử-quan vào năm Minh-Mạng nguyên niên (1820), chưa đầy chín năm, cụ đã thăng Hình Bộ Tham-Tri (1828).

Cũng năm Minh-Mạng thứ IX (1828), cụ đã xung chức Đĩnh-diên sứ, đề ra hai vùng Nam-Định, Ninh-Bình ngày nay, chiêu mộ dân-đình, khai-khẩn miền duyên-hải. Mới hơn một năm, cụ đã thiết-lập được hai huyện Tiên-Hải và Kim-Sơn cùng hai Tổng Hoành-thu, Ninh-nhất.

Cụ đã từng xếp bút nghiên, đề nhiều lần cầm quân dẹp giặc : năm Minh-Mạng thứ tám (1827), cụ đã hiệp lực với Thống-quan Phạm-văn-

Lý, đề tiêu trừ bọn Phan-bá-Vành ở vùng Nam-Định ; năm 1835, cụ đã dùng hỏa-công đốt phá quân Nông-văn-Vân, tại vùng thượng-du Bắc hà ; năm 1841, cụ lại giết được tên tướng giặc Phiên-tãng tại tỉnh An-giang (Nam-Việt ngày nay).

Song, " trên đường danh lợi vinh liền nhục ", cụ đã bị nhà vua nghi ngờ, truất trị nhiều phen một cách vô lý, bất công, nặng nhất là hai lần : năm 1830 (Minh-Mạng thứ hai) cụ đương ở chức Tham tri, bị triệu về kinh, giáng bđ tri huyện, vì đã đề cử viên Huyện-thừa Phi quý Trại ; năm 1843 (Thiệu trị thứ ba), đương làm Bình bộ Tham tri, cụ bị vu cáo, rồi cách chức, và phát vãng làm lính chơn ra tỉnh Quảng Ngãi ! Chung cục, sau bao nhiêu lượt thăng giáng, cụ chỉ còn lại cái hàm Thừa thiên phủ Doãn, cho tới lúc về hưu (năm 1848 - Tự Đức nguyên niên). Đứng 10 năm sau, (7-12-1858), tức năm Tự Đức thứ XII, ngày 14, tháng 11 âm lịch giờ Sửu, cụ đã mệnh chung tại chính quán, làng Uy viên.

Nhưng đối với hậu thế, chức vị chỉ là vang bóng một thời, có đâu đáng kể. Chí khí và hành vi của Cụ mới đáng đề ta tìm hiểu, mà rút kinh nghiệm trong việc phụng sự non sông.

I) Một lý-tưởng bất di bất dịch.— Suốt đời, cụ đã theo đuổi một lý tưởng thanh cao mà thiết thực : lập công-danh, bằng cách giúp ích quê hương, xứ sở. Ta hãy nghe cụ ngâm vịnh :

*Tang bồng hồ thi nam nhi trát,
Cát công danh là cát nợ lần.
Nặng nề thay đôi chữ quân thân,
Đạo vì tử, vì thân đâu có nhẹ.*

Cũng rắp điền-viên vui thú vị,
Trót đm thân thế hện tang bồng.

*Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung,
Hết hạt chữ trung, trình báo quốc.
Một mình đề vì dân, vì nước,
Tái kinh luân từ trước đề nghìn sau.
Hơn nhau một tiếng công hầu.*

Ta không nên thấy hai chữ công hầu, mà vội lầm tưởng cho cụ là nặng lòng danh lợi. Thực ra, đối với cụ, chức tước kia chỉ có giá trị, vì nó là biểu hiệu của sự thành công, trong việc tận tụy với dân, với nước. Ngoài ra, cụ đâu có tha-thiết với công danh, phú quý, vì cụ đã từng viết :

Chen chúc lợi danh đã chán ngắt,
Cúc tùng phong nguyệt một vuit sao.
Đám phồn hoa trót bước chân vào,
Sực nghĩ lại giật mình bao kẻ xiết l...

Cụ cũng chẳng lạ gì :

Làng khanh tướng xưa nay mấy mặt,
Cũng lắm phen nhục nhục, vinh vinh...

Hơn nữa, trong mọi hành động, cụ đã tỏ ra rất mực công minh, không màng tư lợi. Chứng cứ là năm Minh Mạng thứ XIII (1832), khi cụ được thăng Lang-trung Nội vụ, và bổ Bố chính Hải Dương, nhà vua đã dụ rằng : « Khanh nhà nghèo, trăm vẫn biết rõ. Nay ra tân.lý, cứ giữ lòng thanh liêm như thế. Nếu chi dụng không đủ, thì mật tấu về, trăm sẽ chu cấp cho.» Đến tinh lý được hai tháng, cụ tấu thiếu, bèn mật tấu theo như lời dụ. Vua sai thị vệ ban cho hai chục bánh thuốc trà (chè), trong mỗi bánh có gài một nén bạc.

Còn đối với nhà vua, thì Cụ sinh trưởng giữa một thời phong kiến, giữa lúc người ta còn lầm lẫn, coi trung quân với ái quốc chỉ là một, chưa hề nhận định rằng đó là hai quan niệm khác nhau. Trong thực tế, cụ không khỏi ngậm ngùi trước lòng nghi kỵ của kẻ trên, nhưng dưới chế độ quân chủ chuyên chế, cụ có đâu dám tỏ lời oán trách, hoạ chẳng chỉ gián tiếp nhấn nhủ người tri kỷ :

Sầu ai lấp cả vòng trời,
Biết chẳng, chẳng biết, hỡi người tình chung ?...

Và trong thâm tâm, cụ chỉ biết « trung trinh báo quốc, và một niềm vì nước, vì dân ».

Ngay lúc đi thi, cụ cũng mong tên chiếm bảng vàng, để rời ra khỏi lòng ưu ái, lưu lại danh gì với núi sông :

Đi không há lẽ trở về không,
Cái nợ cầm thư phải trả xong.
Rắp mượn điền viên vui tuổi nguyệt,
Trót đem thân thế hẹn tang bồng.
Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.

Trong cuộc trần ai, ai dễ biết,
Rời ra mới rõ mặt anh-hùng.

Lại nữa, nghe tiếng kêu của chim cuốc, cụ không khỏi bùi-ngùi, cảm động, vì tự thấy chưa đền nợ nước :

Khắc khoải sầu đưa giọng lẳng lơ,
Áy hờn Thực để thác bao giờ ?
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải ước xuân mà đáng gọi,
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ ?
Ban đêm rờn rã kêu ai đó ?
Giục khách giang hồ dạ ngân nga... (1)

Như vậy, Ngộ Trai đã có một tinh thần quốc gia rõ rệt. Sở dĩ, cụ ước mong thỏa chí tang bồng, lập nên công danh hiển hách, không chịu mai một với cỏ cây, tựu chung cũng là để đền ơn Tô Quốc.

2) Một tin-tưởng vô-biên.— Một điều đáng cho ta chú ý, một đặc tính khiến cho Ngộ Trai lúc nào cũng nhiệt-thành, háng-hái, bất chấp những trở ngại nhất thời, mà say sưa noi theo chí nguyện, là lòng tin-tưởng vô biên : tin tưởng ở tương lai đất nước, tin tưởng ở tài đức của mình, tin-tưởng ở sự thành công tất nhiên, dù chóng hay chầy.

Trong truyền, lúc còn hàn vi, cụ được một nhà văn Bắc-hà mời đến, đề xướng họa. Chủ nhân đem ra hai quyển giấy trắng, trao cho cụ một. Biết ý, cụ bèn đề ngay hai câu :

Cửa sấm lẽ đâu mang trống lại,
Đất người nên phải vác chuông đi.

Suốt đời, cụ nhất-thiết không chịu thua một ai, về bất cứ phương-diện nào, và trong mấy câu trên, cụ đã quyết : mang chuông đi đánh đất người, chẳng kêu cũng đấm một hồi lấy danh.

Dù là một thư-sinh nghèo túng, cụ cũng tin chắc ở ngày mai, và tự ví mình như Khương-công, Nghiêm-tử :

Chưa chán ru mà quấy mất đây,
Nợ nần dan diu mấy năm nay.

(1) Có người cho bài này là của cụ Tam-nguyên Yên-dò.

Mang danh tài sắc cho nên nợ,
Quen thói phong lưu hóa phải vay.
Quần tử lúc càng thêm thẹn mặt,
Anh hùng khi gặp cũng khoanh tay.
Còn trời, còn đất, còn non nước,
Có lẽ ta đâu mãi thế này ?

ooo

Có lẽ ta đâu mãi thế này ?
Non sông lần thân mấy thu chầy.
Đã từng tắm gội ơn mưa móc,
Cũng phải xênh xang hội gió mây.
Há quyết phen này xem thử đã,
Song còn luội trẻ chịu đâu ngay.
Xưa nay xuất xứ thường hai lối,
Mãi thế rồi ta sẽ tính đây.

o°o

Mãi thế rồi ta sẽ tính đây,
Điền viên vui thú vẫn xưa nay.
Giang hồ bạn lứa câu tan hợp,
Tùng cúc anh em cuộc tình say.
Tà đả Khương-công đời khóm trúc,
Áo xuân Nghiêm tử một vai cày.
Thất bình vũ trụ càng thông thả,
Chẳng lợi danh chỉ lại hóa hay.

o°o

Chẳng lợi danh chỉ lại hóa hay,
Chẳng ai phiền lụy, chẳng ai rầy.
Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp,
Trong thú yên hà mặt lính say.
Liếc mắt coi chơi người lớn bé,
Vènh râu bàn những chuyện xưa nay.
Của trời trăng gió kho vô tận,
Cầm, hạc tiêu giao đất nước này.

Đã-sử chép rằng : khi còn là học-trò, cụ đã chắc rồi ra sẽ thành đạt, nên một ngày kia, gặp một võ-quan qua đường, cụ cứ thân-nhiên đi thẳng không tránh. Võ quan vô tức-giận, truyền lệnh bắt hỏi, rồi thấy cụ tự xưng là thư-sinh, thì ra lệnh đặt một bài bát cú, lấy hai người làm đầu đề. Cụ liền ứng khẩu :

Đoạt xem văn võ cả hai hàng,
Bên văn sang, bên võ cũng sang.
Dù tía võng xanh, vẫn đứng đỉnh.
Giương vàng, thề bạc, vô nghênh ngang.
Văn đầu cánh phượng yên trăm họ,
Võ thét oai hùng dẹp bốn phương.
Gặp hội thái bình văn trước võ,
Võ đầu dám sánh khách văn-chương ?

Nghe xong, võ quan đánh cụ mấy roi, vì câu kết thiếu lễ-độ, nhưng lại thưởng cụ mấy nén bạc, vì tài-ba xuất-chúng.

Chí hiên ngang và lòng tự cường của cụ càng thấy rõ-rệt trong bài « vô cầu » dưới đây :

Người ta ở trong phù thế,
Chữ vô cầu là chữ thiên nhiên.
Đem bầm trời, trời cũng phải khuyên,
Khuyên khuyên chữ anh hùng yên sở ngộ.
Thơ rằng: Tạo hóa có ghen chi mạnh số,
Giang sơn nào oán với văn chương.
Phận tài hoa đành có lúc về vang,
Đường khoa mục xa nhau đã mấy bước.
Sóng vỗ lớp sau như lớp trước,
Chỉ vậy vũng ai có kếm ai đầu.
Thành thời thơ tút rượu bầu,
Trần ai ai biết công hầu là ai ?
Bao giờ rõ mặt mới hay

Cụ còn tin tưởng ở chính nghĩa, ở tương lai đất nước, nên dù là quan văn, cụ cũng ưa việc kiếm cung, và dù quen thói thi thư, cụ cũng chăm nom kinh tế...

3) Lòng nhiệt thành. — Đã có một mục-tiêu rõ rệt, lại giàu lòng tin tưởng, nên cụ đầy bầu nhiệt huyết, và đã hoạt động không ngừng. Khi

ra Bắc, khi vô Nam, khi tranh thủ ở trung châu, khi vây vùng trên sơn cước, cù đã bao phen trèo đèo, vượt suối, xông pha trên bãi chiến trường, để giữ yên bờ cõi. Cù không quản nhọc nhằn, vất vả, có chăng chỉ thương người thứ thiếp, đã theo cù giữa chốn kiếm cung :

*Đành nhẽ bút nghiên mà kiếm mã
Thương thay kim chỉ cũng phong trần !..*

Khi giữ chức Đình điền sứ (1828), để kinh lý tại miền duyên hải Bắc thành, cù đã ngày đêm chăm lo việc nước. Nào tụ tập dân đinh, và ngắm nhìn địa thế, nào họa đồ, nào trừ tính những chương trình cải cách, nào thúc giục mọi người, và an ủi các gia đình, cù đã bao phen tận tụy ở nơi góc bể chân trời, để biến đổi vùng hoang vu bát ngát thành hai huyện trù phú vào bậc nhất ở Bắc hà. Trong một thời-kỳ mà kẻ trí thức chỉ mãi miết từ chương, cù đã có tài kinh tế, đã nghĩ cách đi dân và dẫn thủy nhập điền, khiến công cuộc của cù, về sau, đã được coi là gương mẫu, chưa ai sánh kịp. Tuy giàu tình cảm, và thường mơ-màng tới những chuyện thanh cao, cù không hề quên thực tế, và luôn luôn tranh đấu cho lý tưởng của mình. Nghị lực và chí thực nghiệm ấy thật đáng cho hậu thế noi theo.

Cù vui thú ngay trong khi hoạt động, nên có khi không quan tâm đến kết quả sẽ thu hoạch được :

*Trót đã mang một tiếng anh hào,
Lại muốn chút cuộc nhân sao phải ?
Mặc xui khiến, dám nghĩ đâu thành bại,
Đem thông minh mà đền lại hóa-công...*

Cũng vì vậy, thi-văn của cù đã có một giọng thanh-cao, hùng-tráng, trái hẳn với những vần thơ ủy-mị của bao thi-gia khác, thật đáng cho ta ghi nhớ, để phần khởi tình thần :

ĐỪNG TRƯỢNG-PHU

*Vũ Trụ chức phận nội,
Đừng trượng phu một túi kình-luân.
Thượng vị Đức, hạ vị dân,
Sắp hai chữ quân, thân mà gánh vác.*

Có trung hiếu nên đứng trong trời đất,
Không công danh thời nát với cỏ cây.

*Chỉ tang bồng hồ thi, dạ nào khudy,
Phải hãm-hờ ra tài kình tế.
Người thế tả nợ đời là thế,
Của đồng lân, thiên hạ tiêu chung.
Riêng nhau hai chữ anh hùng.*

°°

CHÍ ANH-HÙNG

*Vòng trời đất, dọc ngang, ngang dọc,
Nợ tang bồng vay trả, trả vay.
Chỉ làm trai, nam bắc đồng tây,
Cho phi sức vẫy-vùng trong bốn bề.
Nhân sinh thế thượng thù vô nghệ,
Lưu đắc đan tâm chiếu hân thanh.
Đã chắc ai rằng nhục rắng vinh,
Mấy kẻ biết anh-hùng thời vị ngộ.
Cũng có lúc mây tuôn sóng vỗ,
Quyết ra tay buồm lái trận cuồng phong.
Chỉ những toan sè núi lập sóng,
Làm nên đứng anh hùng đầu đẫy tỏ.
Đường mây rộng thênh-thang cử bộ,
Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo.
Thành thời thơ túi rượu bầu...*

4) **Chí kiên nhân.**— Nhìn qua tiểu sử và sự nghiệp Nguyễn công Trứ, nhiều bạn đã ngạc nhiên về chỗ đã bao phen thăng trầm, đến nỗi đương ở chức tham tri giám, xuống làm lính thú, thế mà cù cũng gần như thân nhiên, không quá ư phần uất ru phiền. Song, đứng về phương diện tâm lý, ta có thể hiểu biết lý do. Thực vậy, lý tưởng của cù là lập nên những sự-nghiệp về-vang, để giúp dân, giúp nước, mà lưu danh muôn thuở, chứ có đâu là để chiến-những địa-vị cao sang, thỏa lòng vị kỷ. Như thế thì, dù có bị đẩy ai làm lính ở chốn xa-xôi, cù cũng đã thành công, cù đã khai thác công nghiệp cù không thể sao xóa-nhòa trong sử sách. Vậy lòng đố-kỵ nhỏ nhen của bọn vua-tôi mù quáng, chỉ có thể tăng uy-tín của cù, dưới con mắt nhân dân. Cù ngậm ngùi về số-phận, nhưng chẳng hề đầu chán nản. Và chẳng, như trên đã nói, cù tự tin, tự cường, dù trong cơn giông tố, vẫn tin tưởng ở mệnh Trời, ở ngày mai tươi sáng... Mà đức tin ấy có một hiệu-lực vô song. Theo phương-ngôn Âu Tây, nó có thể nhắc được cả những ngọn núi cao.

Hơn nữa, một triết-gia đã nói: Về tình cảm, cuộc đời là một tấn bi kịch; nhưng khi ta suy nghĩ, nó chỉ là một hy-trường. Nguyễn-công-Trứ đã

trải qua biết bao thử thách, thời có đâu lại quá ư đau-đớn trước cảnh
trở đời. Cụ chẳng lạ gì nhân-tình thế-thái ;

*Ăn ở sao cho trái sự đời,
Vui lòng cũng khổ, há rằng chơi.
Nghe như chọc ruột, tai làm điếc,
Giận đã cắn gan, miệng mỉm cười.
Bời số chạy đâu cho khỏi số,
Lụy người nên nổi phải chiều người.
Mặc ai chớ để điều ăn oán,
Chung cục thời chi cũng tại trời.*

Trước nỗi trở trêu của Tạo-hóa, cũng như của thế-nhân, cụ chỉ cho
đó là những màn hài kịch :

*Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy,
Cánh phù-du trông thấy cũng buồn cười...*

Nếu có buồn, thì cụ cũng buồn một cách tao-nhã thanh-cao, không
oán hờn, không chán nản, vì cụ chịu ảnh hưởng của triết-lý Á-Đông,
cho rằng người quân-tử không sờn lòng trước cảnh phong sương, chẳng
khác gì những cây tùng cây bách vẫn xanh tươi giữa trời đông giá lạnh :

*Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời cành lá (1) cheo leo,
Ai mà chịu rét thời trèo với thông.*

o o

Tóm lại, nguồn nghị-lực của Nguyễn-công-Trứ là lòng tự-tín, tự-cường, trong
khí theo đuổi một lý-tưởng thanh-cao thiết-thực, nên cụ đã suốt đời tranh-
đấu không ngừng, không cúi lòng nản chí trước những nỗi éo-le của nhân-
tâm, thế-sự. Lựa-chọn và tận-tụy với lý-tưởng quốc-gia, phải chăng đó là
một tấm gương trong sáng, chúng ta có thể nhận thấy, khi nhắc-nhở tới
sự-nghiệp của bậc kỳ-tài chốn Hồng-sơn Lam-thủy ?..

(1) Có nơi chép là : vách đá.



QUỐC-GIA DÂN-TỘC VÀ TÒ-QUỐC

của NGHIÊM TOÀN

I.— **M**Ộ T học-giả (1) đã xác định rằng quốc-gia dân-tộc có ba
thuộc tính. Trước tiên là sự tập hợp những dân chúng
định cư trên một thổ-vũ. Tuy không cần thiết tuyệt đối (Tỷ dụ : dân-tộc
Do-Thái và một phần dân-tộc A-Rập trước đây hằng sống trong tình trạng
dời dỗi không thường, nay đây mai đó), nhưng về phương diện phát triển
chính trị, đất-đai, địa-bàn vẫn là một yếu-tố quan-hệ vô cùng.

Thứ đến *giây liên lạc thân thuộc tình thân* thay thế vào mối thân
thuộc vật chất hư cấu của những đoàn thể cổ xưa.

Sau hết là công phu tự đào tạo liên tiếp không ngừng, đưa tới kết
quả là sự khai thông một tư tưởng, một ý chí quốc-dân thống nhất.

Quốc-gia dân-tộc vừa là một sự thực tự nhiên, một thể-thức cộng-
đồng sinh-hoạt, vừa là một sản phẩm của ý chí, do những cá nhân tự
lòng mình chấp thuận : dưới đây ta sẽ lần lượt trình bày hai trạng thái
hầu như đối lập ấy của một thực-thể phức-tạp trên thế-giới hiện giờ.

II.— Quốc-gia dân-tộc cổ nhiên là một đơn-vị tổ-chức đòi hỏi nhiều
điều-kiện tạo nên : như thống-nhất lãnh-thô, chủng-tộc, ngôn-ngữ, tôn-giáo
vân vân ; tất cả các điều kiện ấy đều cần, tuy không phải cần một cách đặc
chuyên tuyệt đối.

Riêng về thổ-vũ, một sử gia (2) đã nói : « không có nền tảng địa lý
vững chắc, một dân-tộc đóng vai trò lịch sử sẽ có vẻ đi trên không khí,
như trong những bức họa Tàu thiếu nền đất. Nền đất không những chỉ là
sân khấu làm cơ sở hoạt động ; nó còn ảnh hưởng về mọi phương diện :
« Tò nào chim-ấy ! Tò quốc nào, con người ấy ! » — Vì vậy nên quan
niệm *biên giới* trở nên hết sức quan hệ, nhất là khi chủ nghĩa quốc-gia
bành trướng mạnh như ở thế kỷ trước đây.

(1) Maurice Hauriou

(2) Michelet

Song ta đừng lầm tưởng rằng thờ vũ quyết định trực tiếp và máy móc đời sống dân-tộc quốc-gia; ta chỉ nhìn nhận đất đai đã cụ thể hóa quốc-gia, khiến cá tính và pháp-nhân-tính của nó trở nên rõ rệt trên trường quốc-tế.

Đến như chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo.... thì chỉ có giá trị tương đối. Nó giúp vào sự kiện-toàn nền độc lập và việc duy trì sự có mặt một nước trên vũ đài thế giới. Tuy nhiên, nếu nó không quyết định, thì ít nhất những yếu tố ấy cũng quy tụ lại và làm nguyên nhân cho một hiện tượng căn bản chủ yếu : sự cấu tạo một mối cộng thông tinh thần.

III.— Một nước đầu có thể bỗng nhưng đột xuất như dưới chiếc đũa phép Tiên! Nó là kết quả cả một một quá khứ lâu dài. Công trình xây dựng dài lâu này biểu hiện ra trong lòng mỗi người dân thành một trạng thái tâm lý toàn bộ nhất tề, một mặt quay về quá khứ, một mặt hướng về hiện tại và tương lai :

— Quá khứ : là sự cùng chung hương hỏa hồi ức phong phú đời dào

— Hiện tại và tương lai : là sự thỏa thuận, mong muốn sinh-sống với nhau, ý chí tiếp tục khai thác hương hỏa cộng hữu do ông cha để lại.

Như vậy « Quốc gia là một linh hồn, một nguyên lý tinh thần » trừu tượng. Song lời nói ấy của Renan cần phải xác định và bổ túc. Xã hội nào chả có tập tục, kỷ niệm truyền thống; nhưng không phải xã hội nào cũng trở nên một quốc-gia dân-tộc. Muốn thành « Quốc-gia », thì thực-thể tinh-thần căn bản cấu tạo ra nó phải đạt tới trình độ « Tự giác », nghĩa là sự gia nhập vào Lý-tượng chung, khởi đầu vô ý ngẫu sinh tự phát, về sau phải thành một chí nguyện sáng suốt rõ ràng.

Một học giả Anh, William Mac Douggall (1871-1938) nhận rằng : Tinh chất « tinh thần thuần nhất » là điều kiện cốt yếu gây dựng một quốc-gia. Tinh thần thuần nhất ấy có thể vừa do thiên nhiên tự thành vừa do cố gắng hậu thiên. Phân trên lệ thuộc vào các yếu tố vật chất như : chủng tộc, đường lối giao thông dễ dàng... Phân dưới thuộc vào một cấp bậc cao hơn : « Một quốc gia chỉ có thực-thể và thực-lực sinh-tồn tùy theo với sức Tự Nhận-Chân, Tự Giác của nó hoàn toàn sáng sủa và đời dào đầy đủ! ».

Đứng trên quan điểm Mac Douggall, « một quốc-gia dân-tộc nào đã cấu tạo và muốn tồn tại ắt phải có sức mạnh Tự Nhận-Chân, Tự Giác; sức mạnh ấy không mù quáng hay vô thức; trái lại nó là một Ý-Thức, một Chí-Nguyện trong đời sống tập thể cũng như Ý-Thức và Chí-Nguyện trong đời sống cá nhân.

Như vậy, ta sẽ không lạ gì khi thấy công cuộc Nhận-Chân, Tự-Giác này thường thực hiện trong đấu tranh, hoặc đối với các nước ngoài, hoặc đối với chính quyền thiết lập ở bên trong. Ý niệm Quốc-gia dân-tộc nổi bật lên trong mỗi sự biểu lộ tâm lý cộng-đồng, khi quần-chúng cần thấy tự mình phát hiện và xác-định nhân cách độc-lập của mình để đối chọi lại với các quốc-gia hay những lực lượng cừu-dịch nào có dã tâm muốn xâm phạm và làm cho bản thể ấy bị táng vong thương tồn.

IV.— Ta nhìn lại quá trình lập quốc của dân-tộc Việt sẽ thấy những nhận xét trên cực đúng. Ai có thể chối cãi được rằng từ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng cho tới công cuộc giải phóng dân tộc hiện tại, từ tình trạng bộ lạc cho đến cục diện toàn dân kháng chiến, từ từ tiên chúng ta trải qua bao nhiêu thế hệ, trong khoảng gần hai chục thế kỷ, cho tới chúng ta ngày nay, đã và còn đang tranh đấu không ngừng.

Song song với đã phát triển mạnh mẽ ấy, sự kiện dân tộc tự nhận-chân, tự-giác, còn biểu lộ trong quá trình tiệm tiến của người dân từ ý-thức bộ lạc (trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và Thi Sách) qua ý-thức quốc gia lệ thuộc vào triều-đại (Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn đời Lý chống Trần Thủ-Độ, Trần Thiêm-Bình, Lê Chiêu-Thống cầu cứu Trung-quốc, Nguyễn Du, Phạm Thái đánh Tây-sơn, mưu đồ khôi phục...) cho đến ý-thức quốc gia dân chủ hiện tại : « Tất cả bởi dân và chỉ vì dân »

V.— Hai trạng thái của Quốc-gia, ta đã phân tích ở trên này : một là tính chất thống nhất tự-nhiên « bán hữu-cơ », hai là tính chất thống nhất tinh thần, do chí nguyện con người, đã gây ra hai vẻ của lòng Ái-quốc.

Tổ-quốc là một đối-tượng thiêng liêng chúng ta thờ phụng. Căn bản của tình yêu-nước là lòng « biết ơn » và lòng « yêu mến ». Đây là một tâm tình vừa do tự nhiên, vừa do suy luận un đúc gây nên.

Không có một mối tình nào thiên nhiên tự phát mạnh hơn ! Nó quả thực là tình đại chúng bộc lộ tâm lý cộng thông sinh sống của toàn thể đồng bào, nhưng nó cũng có thể rất sáng suốt và tuân theo lý trí.

Ta đừng bao giờ quên phần ý-chí cương quyết, phần tư tưởng, suy luận, phần tận tâm trung thành thẳng thắn, tự do và siêu việt nằm sẵn trong ý-niệm Tổ quốc, khiến tự ngàn xưa muốn van công dân chiến sĩ đã dâng mình cho Nước, lớp này ngã, lớp sau tiếp tục, như lời một thi sĩ sau đây :

Ra đi ! Chiến sĩ ra đi !
Hiến thân thờ Nước quân chi đến Nhà !
Một ngày qua, hai ngày qua,
Giờng thời-gian chưa xóa nhòa lối đi.
Một người đi, bao người đi,
Lớp này ngã gục, thiếu gì lớp theo ?

Lòng Yêu nước mãnh liệt vô cùng. Khi ta rung cảm vì mỗi tình thiêng liêng này, ta thấy như mang trong mình một thực thể cao rộng, đẹp hơn ta mà ta có sứ mạng bảo vệ cho nó được vĩnh viễn trường tồn, không bao giờ suy giảm.

Những giá trị Triết-lý, Khoa-học... có thể bất diệt vì vô tư và vượt ra ngoài nhân bản; trái lại, ý-niệm Tô-quốc là một giá trị tinh thần ăn sâu vào đời sống dân tộc và lệ thuộc vào Thời-gian, Lịch-sử. Đã đành nó vượt lên cao, rộng hơn ta, nhưng lại tùy nơi ta mà tồn tại. Sự thực, nó có thể bị tiêu trầm.

VI.— Chỉ một phút quốc dân không nhất chí đồng tâm, chỉ một phút chênh mảng ơ hồ, chỉ một phút canh phòng lỏng-lẻo và kém đức hy-sinh đủ khiến cho Tô-quốc lâm nguy. Ta đừng quên Tô-quốc là do tất cả con dân sáng tạo hàng ngày. Mỗi người đều cảm thấy và có thể thí nghiệm trách nhiệm của mình đối với Non Sông, vì mỗi lúc ta có thể làm mất nước hay là cứu nước.

Tô-quốc chỉ đời-dào sinh lực khi ta vui lòng chịu đựng. Tô-quốc sẽ tiêu diệt khi người dân không muốn chết hay ruộng bỏ những kỷ niệm hy sinh quá khứ. Tô-quốc lại đòi hỏi ở ta những bổn-phận nhún-nhặn hơn trong khi ta làm công việc thường xuyên bình nhật, tóm lại giá trị Tô-quốc Việt-nam cao, thấp tùy theo giá-trị, năng-lực dân chúng Việt-nam (1).

(1) Sách tham khảo đề viết bài này :
Xã-hội học (Manuel de Sociologie) của Armand Cuvillier (nhà in : Presses Universitaires de France : 1949)



CHẤN-HƯNG ĐẠO-ĐỨC

của NAM-HUNG

N GÀY 8 tháng 5 dương-lịch vừa qua, Phái-đoàn Chấn-hưng Đạo-đức, cầm đầu là bác sĩ Frank Buchman, lãnh-tụ và người sáng-lập ra Phong-trào, đã từ Ma-ni, cưỡi phi-cơ qua thăm thủ đô nước nhà.

Giữa thế-kỷ nguyên-tử, mà nhiều thức-giả, học-bác uyên-thâm, tại các nước tối-tân, như Anh, Mỹ, Đức, đã tin tưởng ở sức mạnh của chí-khí, của lương-tâm, và cùng nhau hô-hào thế-nhân phải trau-dồi đức-dục, tái vô-trang tinh-thần để canh-tân quốc-gia, xã-hội, tạo nên những con người mới trong một nhân-sinh quan mới, — phải chăng đó là một điều đáng cho ta suy-nghĩ ?

Ta thấy ngay rằng : nền văn-minh vật chất, — với những phát-minh kỹ-diệu, đảo-lộn cả đời sống con người, hiến ta những tiện-nghì chưa từng có — không thể đủ, để gây hạnh-phúc cho cá-nhân hay đoàn-thể. Người ta còn cần phải có một chí-khí sáng-suốt, vững-vàng, để làm căn-bản cho cuộc nhân-sinh.

Muốn tìm hiểu chân-lý, ngõ hầu xét xem chúng ta nên áp-dụng việc chấn-hưng đạo-đức ra sao, thiết-tưởng nên lược-khảo vấn-đề tại các dân-tộc tiền-tiến, và ở ngay trên đất nước nhà.

o°o

A. — Tại các nước Âu-Mỹ

Về đầu thế-kỷ thứ XX, ở các nước Âu Tây, nhiều nhà giáo-dục, bác-học, và triết-học, đã nhận rõ sự nguy hiểm của nền văn-minh máy-móc, chỉ căn-cứ vào khoa-học và kỹ-thuật. Họ thấy nó gieo hại rất nhiều cho đạo-tư-tế của thế-nhân và sự tiến-triển của xã-hội. Bác-sĩ Alexis Carrel (1) và nhà học-giả Aldous Huxley (2) đều cho rằng : trong các nước tối tân, nhân-dân làm việc

(1) Nhà bác-học người Pháp, sinh năm 1873, mất năm 1944. Đã được tặng giải thưởng Nobel năm 1943.

(2) Văn-sĩ người Anh, sinh năm 1894, đã nghiên-cứu các vấn-đề xã-hội và giáo-dục. Đã chịu ảnh-hưởng của Ấn-độ giáo, Phật-giáo và Lão-giáo. Xem bài " Aldous Huxley, với vấn-đề tái-vô-trang tinh-thần ", của Nam-Hung, trong Văn-hóa nguyệt-san, số 6 và 7, tháng 10-11-1952.

« theo một đà cấp-tốc, luôn luôn chuyển-dịch bằng những cách giao-thông thuận tiện, lại có những cuộc giải trí liên tiếp, thành không có đủ thì giờ để suy xét, để ngẫm-nghĩ, để rèn luyện đức-tính. ». Trong cuốn « Con người, chưa ai biết », bác-sĩ Carrel đã viết : « Người ta (trong các dân-tộc tân-tiến) đã hân hoan ưng thuận chung sống với kẻ khác, không còn có lúc nào ngồi riêng lẻ một mình, hân hoan nhận những cuộc giải trí liên tiếp giữa chốn thị thành, hân hoan trà trộn vào những đám đông người, để không chịu suy nghĩ gì nữa... Trí tuệ đã chiến thắng, mang lại cho ta sự phú quý và mỗi tiện nghi ; nhưng các giá-trị luân-lý đã tự nhiên sút kém. (1) »

Cùng bắt mạch, thấy một căn bệnh giống nhau, các triết-nhân đã tìm ra mỗi người một linh-don, để hô-hào thế-nhân áp-dụng. Riêng Aldous Huxley đã sớm kêu gọi tái võ trang tinh thần, tức là trau-dội chí-khí của cá-nhân, để ai nấy biết đặt tinh-thần lên trên vật-chất, không tự để cuốn theo ngoại-vật ; như thế, cá nhân mới có thì giờ thành-thời suy-nghĩ, khiến tâm-trí được sáng-sủa nhẹ-nhàng, mà xã-hội được yên-vui, xa những cảnh tranh-giành, sầu-sé, những nỗi tang-tóc đau thương. Huxley muốn đào-tạo nên những người vô-lụy (2), — những người không quá tha-thiết về tiện-nghỉ, danh-lợi, và tất cả những điều cao-cà, công-bình và nhân-đạo. Theo ý ông, trí-dục và thể-dục cũng phải rèn tâm tính như đức-dục vậy. Ông đã lên án cách-thức giáo-huấn trong ít nhiều nước : ở đó, người ta tập luyện cho thanh-niên thành những trí-giả có nhiều kiến thức lý-thuyết, nhưng tỏ ra rất vụng-về trên trường thực-tế ; đã vậy, tuổi xanh lại thường chịu ảnh-hưởng tai-hại của ít nhiều báo chí trái hẳn với thuần-phong mỹ-tục, một số điện-ảnh xấu-xa, hoặc những cuộc truyền-thanh sai-làm, quá-khích. Vì vậy, ông cho rằng : cần phải mở-mang não phê-bình của tân thế-hệ, để ai nấy có trí sáng-suốt, không bị cám-dỗ bởi hoàn cảnh, mà thành những người vô-lụy. — Ta cũng phải chăm nom về thể dục, vì thể-xác có liên-quan mật-thiết với tinh-thần.

Cần đây, tức năm 1921, một phong-trào mới, phong-trào Chấn-Hưng đạo-đức (3) đã được bác-sĩ Frank Buchman khởi-sướng tại trường Đại-học Oxford, bên Anh-Cát-lợi.

(1) « Les hommes ont accepté avec joie la possibilité de ne jamais être seuls, de jouir des distractions continues de la ville, de faire partie des grandes foules, de ne jamais penser... Devant les triomphes de l'intelligence qui nous apporte la richesse et le confort, les valeurs morales ont naturellement baissé... »
L'homme, cet inconnu.

(2) L'homme sans attache.

(3) Moral rearmament group.

Nguyên ông Frank Buchman là người Mỹ, sinh ngày 4-6-1878, tại Pennsburg, xứ Pennsylvania. Ông đã theo học trường Đại-học Muhlenberg, và đã đỗ tiến-sĩ luật-khoa (M.A.) năm 1899. Đoạn, ông sang Anh du-học tại viện Đại-học Cambridge, và đã đỗ thạc-sĩ luật-khoa tại Oglethorpe.

Từ năm 1916 đến năm 1921, ông dạy học ở Đại chủng viện Hartford Theological Foundation, bên Mỹ, và đã có dịp thẩm-nhuần sâu-xa tinh-thần Gia-Tô Công-giáo. Cũng trong thời-gian ấy, và thừa dịp các ngày nghỉ, nhất là các kỳ tức-hạ, ông đã chu-du tại Á-châu và Âu-châu để khảo-sát tại chỗ, những tinh-hoa của hai nền văn-minh Âu-Á. Đã thấu được nhiều kinh-nghiệm trong cuộc khảo-sát khắp bốn phương trời, và hiểu biết tinh-thần phải đi đối với khoa-học, ông bèn từ-chức giáo-sư năm 1921, và từ đấy, đã đề hết tâm-trí vào một công-cuộc mới, mà ông coi là một sứ mệnh thiêng-liêng.

Ông tới Oxford hoạt-dộng, và phát-huy tại nơi đây, phong-trào Chấn-Hưng đạo-đức.

Mục-đích và chương-trình hoạt-dộng của nhóm này, đã được tóm-tắt trong bốn tiếng : liêm-chính, thanh-khiết, vị-tha và bác-ái. (1) Phong-trào cho rằng : muốn canh-tân xã hội, ta cần trước hết phải hoán-cải con người, và mỗi cá-nhân phải thực-thà, ngay-thắn, hơn nữa, phải rèn luyện sao cho có một tâm-hồn trong-trắng, thanh-cao. Đối với kẻ đồng-loại, ai nấy phải có lòng vị-tha, bác-ái, tránh xa những cảnh tranh-đấu nhỏ-nhen, khiến nhân-loại chung sống yên vui, mà nỗ-lực tìm chân, thiện, mỹ...

Bảy năm sau, ông Buchman cầm đầu một nhóm thanh-niên trong phong-trào, đã được rèn tập chu-đáo, để qua thăm phía nam Phi-châu. Phái-đoàn Oxford này (2) đã lần lượt tới Nam Mỹ-châu năm 1931, Gia-nã-đại trong lần ba năm 1932, 33 và 34, Na-uy và Thụy-điền năm 1934 và 1936, Hoà-lan năm 1937, Giơ-neo năm 1938.

Sau đó, hàng năm, ông đã triệu-tập Hội-nghị của Phong-trào, tại Caux bên Thụy-sĩ. Có hai cuộc Hội-nghị quan-trọng hơn cả, là các buổi nhóm-hợp năm 1949 và 1954 : buổi thứ nhất có 8.000 Đại-biêu đại-diện cho 82 xứ ; buổi thứ hai có 5.500 Đại-biêu, trong đó, có 207 vị đại-diện cho các xứ Phi-châu, và có cả Đại-diện của hai nước Diên-Điền và Thái-Lan.

(1) Honnêteté, pureté, altruisme, amour du prochain.

(2) Oxford group.

« theo một đà cấp-tốc, luôn luôn chuyển-dịch bằng những cách giao-thông thuận tiện, lại có những cuộc giải trí liên tiếp, thành không có đủ thì giờ để suy xét, để ngắm-ngẫm, để rèn luyện đức-tính. » Trong cuốn « Con người, chưa ai biết », bác-sĩ Carrel đã viết : « Người ta (trong các dân-tộc tân-tiến) đã hân hoan ưng thuận chung sống với kẻ khác, không còn có lúc nào ngồi riêng lẻ một mình, hân hoan nhận những cuộc giải trí liên tiếp giữa chốn thị thành; hân hoan trà trộn vào những đám đông người, để không chịu suy nghĩ gì nữa... Trí tuệ đã chiến thắng, mang lại cho ta sự phú quý và mọi tiện nghi ; nhưng các giá-trị luân-lý đã tự nhiên sút kém. (1) »

Cùng bắt mạch, thấy một căn bệnh giống nhau, các triết-nhân đã tìm ra mỗi người một linh-đơn, để hô-hào thể-nhân áp-dụng. Riêng Aldous Huxley đã sớm kêu gọi tái võ trang tinh thần, tức là trâu-đòi chí-khí của cá-nhân, để ai nấy biết đặt tinh-thần lên trên vật-chất, không tự để cuốn theo ngoại-vật ; như thế, cá-nhân mới có thì giờ thành-thời suy-nghĩ, khiến tâm-trí được sáng-sủa nhẹ-nhàng, mà xã-hội được yên-vui, xa những cảnh tranh-giành, sâu-sé, những nỗi tang-tóc đau thương. Huxley muốn đào-tạo nên những người vô-lụy (2), — những người không quá tha-thiết về tiện-nghi, danh-lợi, và tất cả những điều cao-cả, công-bình và nhân-đạo. Theo ý ông, trí-dục và thể-dục cũng phải rèn tâm tinh như đức-dục vậy. Ông đã lên án cách-thức giáo-huấn trong ít nhiều nước : ở đó, người ta tập luyện cho thanh-niên thành những trí-giả có nhiều kiến thức lý-thuyết, nhưng tỏ ra rất vụng-về trên trường thực-tế ; đã vậy, tuổi xanh lại thường chịu ảnh-hưởng tai-hại của ít nhiều báo chí trái hẳn với thuần-phong mỹ-tục, một số điện-ảnh xấu-xa, hoặc những cuộc truyền-thanh sai-lầm, quá-khích. Vì vậy, ông cho rằng : cần phải mở-mang não phê-bình của tân thể-hệ, để ai nấy có trí sáng-suốt, không bị cám-dỗ bởi hoàn cảnh, mà thành những người vô-lụy. — Ta cũng phải chăm nom về thể dục, vì thể-xác có liên-quan mật-thiết với tinh-thần.

Gần đây, tức năm 1921, một phong-trào mới, phong-trào Chấn-Hung đạo-đức (3) đã được bác-sĩ Frank Buchman khởi-sướng tại trường Đại-học Oxford, bên Anh-Cát-lợi.

(1) « Les hommes ont accepté avec joie la possibilité de ne jamais être seuls, de jouir des distractions continuelles de la ville, de faire partie des grandes foules, de ne jamais penser... Devant les triomphes de l'intelligence qui nous apporte la richesse et le confort, les valeurs morales ont naturellement baissé... » L'homme, cet inconnu.

(2) L'homme sans attache.

(3) Moral rearmament group.

Nguyên ông Frank Buchman là người Mỹ, sinh ngày 4-6-1878, tại Pensburg, xứ Pennsylvania. Ông đã theo học trường Đại-học Muhlenberg, và đã đỗ tiến-sĩ luật-khoa (M.A.), năm 1899. Đoàn, ông sang Anh du-học tại viện Đại-học Cambridge, và đã đỗ thạc-sĩ luật-khoa tại Oglethorpe.

Từ năm 1916 đến năm 1921, ông dạy học ở Đại chủng viện Hartford Theological Foundation, bên Mỹ, và đã có dịp thẩm-nhuần sâu-xa tinh-thần Gia-Tô Công-giáo. Cũng trong thời-gian ấy, và thừa dịp các ngày nghỉ, nhất là các kỳ tức-hạ, ông đã chu-du tại Á-châu và Âu-châu để khảo-sát tại chỗ, những tinh-hoa của hai nền văn-minh Âu-Á. Đã thấu được nhiều kinh-nghiệm trong cuộc khảo-sát khắp bốn phương trời, và hiểu biết tinh-thần phải đi đối với khoa-học, ông bèn từ-chức giáo-sư năm 1921, và từ đây, đã để hết tâm-trí vào một công-cuộc mới, mà ông coi là một sứ mệnh thiêng-liêng.

Ông tới Oxford hoạt-động, và phát-huy tại nơi đây, phong-trào Chấn-Hung đạo-đức.

Mục-đích và chương-trình hoạt-động của nhóm này, đã được tóm-tắt trong bốn tiếng : liêm-chính, thanh-khiết, vị-tha và bác-ái. (1) Phong-trào cho rằng : muốn canh-tân xã hội, ta cần trước hết phải hoá-nổi cái con người, và mỗi cá-nhân phải thực-thà, ngay-thẳng, hơn nữa, phải rèn luyện sao cho có một tâm-hồn trong-trắng, thanh-cao. Đối với kẻ đồng-loại, ai nấy phải có lòng vị-tha, bác-ái, tránh xa những cảnh tranh-đấu nhỏ-nhen, khiến nhân-loại chung sống yên vui, mà nỗ-lực tìm chân, thiện, mỹ...

Bảy năm sau, ông Buchman cầm đầu một nhóm thanh-niên trong phong-trào, đã được rèn tập chu-đáo, để qua thăm phía nam Phi-châu. Phái-đoàn Oxford này (2) đã lần lượt tới Nam Mỹ-châu năm 1931, Gia-nã-đại trong luôn ba năm 1932, 33 và 34, Na-uy và Thụy-điền năm 1934 và 1936, Hoà-lan năm 1937, Giơ-neo năm 1938.

Sau đó, hàng năm, ông đã triệu-tập Hội-nghị của Phong-trào, tại Caux bên Thụy-sĩ. Có hai cuộc Hội-nghị quan-trọng hơn cả, là các buổi nhóm-hợp năm 1949 và 1954 : buổi thứ nhất có 8.000 Đại-biểu đại-diện cho 82 xứ ; buổi thứ hai có 5.500 Đại-biểu, trong đó, có 207 vị đại-diện cho các xứ Phi-châu, và có cả Đại-diện của hai nước Diến-Điền và Thái-Lan.

(1) Honnêteté, pureté, altruisme, amour du prochain.

(2) Oxford group.

Hiện thời, Phong-trào đặt trụ-sở ở Hays News, London W 1, và xuất-bào hàng tháng một tập-san, viết bằng nhiều thứ tiếng, nhan-đề là : "Tin-tức một thế-giới mới" (1). Phong-trào lại có một trung-tâm huấn-luyện tại Caux, bên Thụy-sĩ. Ngày nay, đã có tới 60 nước, hội-viên, hầu hết là các nước trong khối tự-do dân-chủ, như Mỹ, Anh, Đức, Ấn, Pa-kít-tăng, Thái-Lan, Diên-Điền. Quý-hội đều do các cá-nhân và đoàn-thề ủng-hộ.

Chỉ nhận xét các nhân-viên trong Phái-đoàn chấn-hưng đạo-đức, vừa qua thăm nước nhà ngày 8 tháng năm mới rồi, ta đủ biết phong-trào gồm có những phần-tử đầy bầu nhiệt-huyết. Không kể ông Frank Buchman, đã 76 tuổi, ta thấy có hoàng-thân Richard de Hesse, cháu nữ hoàng Victoria ; ông bà H. W. Austin, chồng đã chiếm giải vô-địch quần vợt, vợ vừa là một nữ kịch-sĩ, vừa là một ngôi sao màn bạc ; ông bà Morris Martin, triết-học gia tại Đại-học đường Oxford ; giám-mục West, người mà Tổng-Thống Unu đã gán cho 80% kết quả, đã hái được, trong công-cuộc thống-nhất lãnh-thò Miến ; ba anh em Caldwell (Stève, Paul và Ralpt), nghệ-sĩ đài vô-tuyến truyền hình Hollywood, — mỗi vị đã từng thu được mỗi tuần lễ, 12.000 đô-la, thế mà đã không ngại hy-sinh, để gia-nhập Phong-trào. Các đoàn viên đều tự-ràng : Phong-trào là cơ-quan duy-nhất có cơ thực-hiện một nền dân-chủ linh-động và cao-cả, vì người ta chỉ có thể xây-dựng thế giới bằng đức-tính con người.

B — Tại nước nhà:

Trông người lại nghĩ đến ta. Nay, thử hỏi ta có nên chấn-hưng đạo-đức như các nước Âu-Mỹ chẳng, và chấn-hưng ra sao. Muốn hiểu biết, thiết nghĩ không gì bằng phân-tách vấn-đề thành mấy nguyên-tắc dưới đây :

1 — Khoa-học và tinh-thần.

Trước hết, ta thấy rằng : các nước tân-tiến Âu Mỹ đã đi sâu vào khoa-học và kỹ-thuật, nay tự xét có sự chênh-lệch quá đáng giữa vật-chất và tinh-thần, đến nỗi con người hầu như ở vào tình-trạng một phú-ông có nhiều dụng-cụ, mà không biết cách dùng sao cho phải đường, khiến tâm-thần hoang-mang, bối-rối...

Trước sự trầm trọng của căn bệnh, các thức-giả bèn tìm cách điều-trị bằng sự cố gắng chấn-hưng đạo-đức, những mong thay đổi nhân-tâm thế sự mà ngăn ngừa làn sóng vật-chất đang rồn-rập khắp nơi. Phải chăng vì vậy,

(1) *New World News.*

mà Ngô Tổng-Thống, trong bản diễn-văn đọc ngày 9-5-1956, khi tiếp Phái đoàn Chấn-hưng Đạo-đức, đã nói : « Từ lâu, các dân-tộc Á-Đông vẫn chờ đợi ở Tây-phương, một sự thay đổi về tình cảm ».

Ở nước nà, nền khoa-học đã có đầu được tiến-triển như kia. Chúng ta còn cần phải tăng-tiến nhiều về kỹ-thuật và kỹ-nghệ. Nhưng không phải vì thế, mà ta có thể sao-lãng được tinh-thần. Ta cũng cần chấn-hưng đạo-đức, không kém gì các dân tộc Âu-Tây, và vì nhiều lẽ :

— Trong tám mươi năm đô hộ, lòng yêu nước và chí quật-cường, — những đức-tính đã phát-huy mãnh-liệt trong các thời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, — bao nhiêu nho-phong, sĩ-khí, bao nhiêu tính hiên-ngang, can-đảm, tranh-đấu, và cần-cù, vẫn tiềm tàng trong tâm-trí, — đã bị kim-hãm, và lồi cuộn theo trào-lưu vật-chất tầm thường, hầu như đã tiêu-tán ra mây khói. Trần-tế-Xương than thở :

« Sĩ-khí rụt-rè gà phải cáo »

Trần-tuấn Khải nhân nhủ khách qua đò :

Thuyền ai đậu bến Tuân-Trần,

Có về Nam Định cho anh nhân-nhờ.

Nhấn cô hàng sách ngày xưa,

Năm xe kình sử bấy giờ đáng bao ?

Rồi, Nguyễn-khắc-Hiếu gay-gắt hỏi :

Văn-minh Đông Á, trời thâu sạch,

Ngày buổi cương thường, đảo-ngược ru ?

— Lại nữa, vết xe của người đấng cho ta xa tránh. Ngay trong khi rèn luyện về khoa-học và kỹ-thuật, phải chăng ta cần thức-tỉnh và giữ vững tiết-tháo của giống nòi, ngõ hầu phòng ngừa sự khủng-hoảng tinh-thần, mà các nước tiền-tiến đã mắc phải, như trên đã nói ? Tinh-thần mà thiếu khoa học, thì không đủ để canh-tân ; nhưng học-thức mà chẳng có lương-tâm, thì chỉ là sự bại-hoại của tâm-hồn (1)

Vì trường-hợp riêng-biệt, và bởi các lý-do vừa kể, chúng ta càng cần phải chấn-hưng đạo-đức, hơn bao giờ hết.

2 — Đức-tính tích-cực.

Tuy nhiên, một vài học-giả ngoại-quốc đã nhận thấy : Đồng bào ta có phần quá thiên về các đức-tính tiêu-cực. Dù sao, lời phê-bình kia cũng rất đúng, đối với thời-kỳ đô-hộ. Vẫn biết những nét hay, như : lễ-độ, nhu-mĩ, kiên-nhẫn, hiên-hậu, khiêm-tốn, nhường-nhịn, chín-chắn, thực-thà... đều

(1) *science sans conscience n'est que ruine de l'âme.*

là cần-thiết, và rất hay, rất quý, nhưng chưa thể đủ, giữa một cuộc nhân-thế, đầy-rẫy những nỗi éo-lẻ, và những sự cạnh-tranh phức-tạp. Ta còn phải triệt để rèn-tập trí sáng-kiến, óc tiến-thủ, tính tự-lập, can-dảm và quyết-cường, tài tháo-vát và lanh-lẹn giữa những cơn giông-tổ, sự cương-quyết tin-tưởng ở chính-nghĩa, chí tang bồng ưa hoạt-động và mạo-hiêm, tinh-thần trách-nhiệm, lòng yêu giống thương nòi, sự sáng-suốt và hiểu biết — những đức-tính tích-cực không thể không có, trong bước tiến hiện-thời của cá-nhân và đoàn-thể.

3. — Đạo tu-tề. — Một điều đáng cho ta chú ý, là mới đây, một tỉnh, vừa thiết-lập ở Nam-Việt, đã được mang tên là Tam-cần. Phải chăng, Chính-phủ đã dùng danh xưng này, để ai nấy hiểu rằng : một khu-vực, cũng như một quốc-gia, chỉ có thể tiến-triền, nếu mỗi cá-nhân biết thay đổi chính bản thân của mình, bằng cách áp dụng ba nguyên-tắc : cần lao, cần đạo, và cần chính ? Cần lao là mỗi người phải cố gắng học-hỏi để hiểu biết, cố gắng làm tròn nhiệm-vụ hàng ngày ; cần đạo là ta phải chăm nom đức-dục, để ngăn cản những sự cần-gỗ bên ngoài, mà noi theo lễ phải ; cần chính là ai cũng phải tập-luyện tề-chức và điều-khiển, vì nhiệm vụ bé nhỏ đến đâu, ta cũng có dịp chỉ-huy, xếp-đặt, và ngay ở chốn gia-đình, ta đã phải quán-xuyến biết bao công việc. Cũng vì vậy, một nhà Văn Âu Tây đã soạn cả một cuốn sách khảo-cứu về cách cai-quản, nhan-đề là : « *Hãy tập làm thủ-lĩnh* » (1).

Tới đây, ta không khỏi ngậm-ngùi nhớ lại rằng : dưới thời đô hộ, người ta chỉ cố rèn cho thanh-thiếu niên thành những nhâm-viên thừa hành, những tiêu công-chức ngồi « cạo giấy », chứ có đâu kêu-gọi chí kinh-luân. Càng nhận rõ ác-ý của ngoại-tộc, ta càng thấy việc « cần-chính » quan-hệ tới chừng nào ! Dám chắc các thức-giá đã thừa hiểu như vậy, và tất cho đó là một trong những phương-châm, đáng ghi bằng chữ lên trong công-cuộc canh-tân nền giáo-dục nước nhà.

Tuy nhiên, ta không thể quên rằng : bí-quyết của thành công trong sự cầm cân nảy mực, dù ở các nơi tân-tiến, cũng vẫn là lòng công-minh cương-trực. Sách Luận-ngữ đã có câu : « kỳ chính dã bất lệnh nhi tòng ; kỳ bất chính dã, tuy lệnh bất tòng », tức là : nếu người ta chân chính, thì dù không ra lệnh, kẻ khác cũng theo, nhưng nếu bất chính, thì dù có ra lệnh, kẻ khác cũng chẳng nghe. Phải chăng vì thế, mà khi qua Boun-ma-Thuật, Ngô Tổng-Thống đã nhắc tới câu : « Đạo học vi tiên » ?... Mới hay,

(1) *Deviens un chef*

muốn chấn-hưng đạo-đức, muốn canh-tân xã-hội, con người ta bắt đầu, phải tự sửa đổi bản thân của mình trước đã. Mình có tự giác ngộ, thì mới có thể giác ngộ được người.

4. — Tinh-thần quốc-gia.

Một trong những phương-sách có hiệu lực nhất, để giúp ích công cuộc chấn-hưng đạo-đức, là phát-huy tinh-thần quốc-gia dân-tộc. Khi người ta đã tha-thiết với non sông, hy-sinh cho Tổ-quốc, đặt quyền lợi tối cao của xứ sở lên trên hết, thì có lo gì chẳng nên được lòng vị-kỷ, chống lại các cám dỗ bên ngoài, mà noi theo chính đạo ?

Ngày nay, biết bao học-thuyết, thường có tính cách mâu-thuần, đương jan trần trên thế giới. Song, xét ra, lý-tưởng quốc-gia vẫn có tính cách vững chắc hơn cả, vì nó phù hợp với tâm-lý con người, phù hợp với các khuynh-hướng vị-ngã, vị-tha và vô-ngã, mà không ai là không có. Muốn phụng-sự giang-sơn, người ta tất phải tự trau-dồi tâm-trí, để có đủ khả năng gánh vác việc non sông ; và chẳng, nước có mạnh thì mỗi công dân mới an-cư lạc-nghiệp. Vậy giúp nước là tự giúp mình. Đồng thời, biết yêu giống thương nòi, tức là đã nghĩ đến kẻ khác, vượt ra ngoài vòng vị ngã ; lúc đó, người ta sẽ ước mong có một nền thái-bình thịnh-trị trên khắp năm châu bốn bề ; vì hiện thời, không một quốc-gia nào có thể sinh sống một cách lẻ loi riêng biệt, và một biến-thiên, chỉ xảy ra ở một nơi, cũng có thể vang dội sâu xa trên hoàn-hải. Nhân đây, tinh thần quốc gia đưa thế-nhân từ sự yêu thương đồng bào tới lòng ưa chuộng chân, thiện, mỹ, từ khuynh hướng vị-tha tới khuynh hướng vô ngã.

Ta cần thêm rằng : riêng ở nước ta, hoàn-cảnh rất thuận-tiện cho sự phát-huy lòng ái-quốc, và công-cuộc chấn-hưng đạo-đức.

Thật vậy, qua bao nhiêu nỗi tang thương, đồng-bào ta vẫn giữ được dân-tộc tính, không hề thay đổi. Dù trải mấy ngàn năm Bắc-thuộc, và ngót một trăm năm đô-hộ, xứ-sở vẫn có một bản-sắc riêng biệt, một nền văn-học, mỹ-thuật và phong tục cổ-truyền, không thể lẫn với những quan-niệm ngoại-bang. Một đặc-điểm đáng cho ta tin-tưởng, là quốc-dân có một cá-tính vững-chắc, nên đã luôn luôn Việt-hóa hầu hết các tư-tưởng và hình-thức ngoại-lai. Người Việt học Hán-tự, nhưng vẫn có một cách và một giọng đọc khác hẳn người Trung-quốc, và hơn nữa, đã sáng-kiến ra chữ nôm. Thi-sĩ Nguyễn-Du đã phỏng-thuật cuốn « Thanh-tâm tài-nhân », nhưng đã sửa-dời, để từ một văn-phẩm rất tầm-thường, đã thảo-soạn thành một áng văn tuyệt-tác... Đồng-bào ta theo-học Pháp-ngữ,

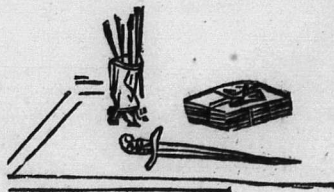
nhưng đã biết biến-hóa cách đặt câu lập ý, để đem áp-dụng vào quốc-văn, viết bằng quốc-ngữ. Ta đã bắt chước thuần-phong, mỹ-tục của người, song đã thay đổi, châm-chước, để nó phù-hợp với tâm-tính của giống-nòi.

Thế mà, nước ta còn có dịp tiếp-xúc với tất cả các phong-trào tu-trưởng, đặc-tắc nhất trên hoàn-hải. Trước đã thấm-nhuần các tinh-hoa của hai nền văn-học Hoa, Ấn, sau lại lĩnh-hội những cái hay các đẹp của Gia-tô công-giáo và văn-minh Hy La, gần đây, dân ta lại đã chọn-lọc những phần tinh-t túy trong các phong-trào xã-hội và khoa-học, từ khắp bốn phương đưa tới. Thiết-tưởng, không có mấy nơi trên thế-giới đã được rực-tiếp, nhận-xét biết bao học-thuyết nổi danh trên năm châu, bốn bề như vậy.

Sau nữa, nước Việt ở một vị trí thuận-tiện trên bờ Thái-bình-dương, giữa các dân-tộc quan-trọng tại Đông Nam-Á, như Nhật-bản, Trung-hoa, Phi-lật-tân, Nam-dương quần đảo, Ấn-độ, Thái-Lan... Nhân đó, đồng-bào ta càng dễ hiểu biết các tân-tào, để nhận định những điều đặc sắc của người mà trau-dồi đức-dục.

o°o

Tóm lại, phong-trào Chấn-hưng Đạo-đức đương nổi dậy tại Âu Mỹ, rất đáng cho ta lưu tâm, chú ý. Nó là tiếng chuông cảnh tỉnh, thúc-giục ta rèn-luyện tâm-tính, và bảo-tồn chí-khí của giống nòi, ngay trong khi theo đòi khoa-học. Ta lại hân hoan nhận thấy vị-trí ưu-tú của nước nhà, vị-trí đã khiến cho khí thiêng sông núi chung-đức biết bao anh-hùng liệt-nữ, biết bao bậc đại-đức kỳ-tài, mà danh thơm còn lưu-truyền muôn thuở. Riêng về phương-diện đạo-đức, chưa kể tới những thành-công rực-rỡ tên trường chính-trị, Ngô Tông-Thống, — người đứng trên cả những trần-ai tục-lụy, để chỉ biết có Tổ-quốc và nhân-dân, — đã là tấm gương sáng cho ai nấy noi theo. Chính Bác-sĩ Frank Buchman, đã hằng công-nhận Ngô Tông-Thống là người của định mệnh, đang thực-hiện một lý-tưởng cao-cả cho nước Việt tự-do, cho Á-châu, và cho thế-giới, đó sao ?



HỌC-ĐƯỜNG TRUNG-LẬP

của NGHI-TÂM

MỘT trong những vấn-đề quan-trọng nhất của một Quốc-Gia tự-do dân-chủ, là tính cách trung-lập của học đường. Đặc-tính này đáng cho ta lưu-tâm, chú-ý, mà thận-trọng, vì nó thường bị xuyên-tạc hoặc dễ gây nên ngộ-nhận. Thực vậy, trong tám mươi năm đò-hộ, người ta đã lấy có là học đường trung lập, để ngăn cản không cho nền giáo-dục nhắc-nhở đến non sông, xứ sở, hay kêu gọi lòng ái-quốc của tuổi xanh.

Vậy, thế nào là học đường trung-lập ? Thi đây. Điều 39 trong Quy-trình cấp tiểu học, do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục ấn-định, đã giải thích rõ ràng : «Giáo chức không bao giờ lại tỏ rõ thái-độ về khuynh-hướng tôn-giáo hoặc chính-trị, và phải hết sức tránh những hành-động cưỡng-ép học-sinh và gia-đình chúng làm những việc có tính-cách vi lý-tài, vi tôn-giáo hay vi chính-trị. Như thế là học đường phải giữ trung-lập về tôn-giáo và chính-trị. Nay, ta thử nhận định rõ ràng về hai phương diện đó, rồi chứng-minh rằng : nguyên tắc kia không hề và không thể động chạm đến tinh-thần quốc-gia của học đường. Thiết-tưởng đó là một vấn-đề chung, không phải chỉ để dành riêng các nhà giáo, mà còn cần phải nêu ra, cho chúng ta cùng suy nghĩ.

I. — Học đường thế-tục. — Thế nhân được tự-do tín-ngưỡng, vậy các trường công lập được mở ra, là để nhận các trẻ em đến tuổi đi học, không phân-biệt màu sắc tôn-giáo.

Trong một Hội-nghị giáo-dục quốc-tế, Ferdinand Buisson đã tuyên bố : « Một Quốc-gia tự-do có thể và phải có nhiệm-vụ kiến các trẻ em, đến trường công-lập, một nền đức-dục đầy đủ, chỉ căn cứ vào khả-năng của lý-t trí và của lương-tâm, không kể gì các tín-ngưỡng có thể thêm vào đó, hay không. Trường công thế tục không cần biết các trò đã theo hay sẽ theo tôn-giáo nào. Học đường chỉ cốt rèn luyện sao cho con em thành người ; và muốn đạt mục-

đích ấy, sẽ cố gắng trau-dồi tâm tình, để chúng tha-thiết với chân, thiện, mỹ ». (1)

Lẽ tự nhiên là ông thầy cần phải giữ-gìn, tránh xa các cử chỉ, và lời nói, có thể động chạm đến tín-ngưỡng của học-sinh hay của các gia-đình. Để giữ mực thân trọng, thiết tưởng ta có thể ghi nhớ các lời khuyên sau đây, do một chính khách Âu Tây đã nhân-nhủ các giáo-chức ; « Lúc phát biểu với học sinh một quy tắc, một châm ngôn, các ông hãy tự hỏi xem có một gia trưởng nào, — tôi chỉ nói một người thôi — ngồi trong lớp nghe ông, dạy, có thể thành thực mà bất đồng ý kiến với những lời ông nói không ? Nếu có, thì ông đừng nói, nếu không thì ông cứ mạnh dạn tuyên bố, vì những điều ông chuyên đạt cho trẻ, chẳng phải là những điều lịch-duyệ, của riêng ông, mà là của nhân-loại ; đó là một trong những ý tưởng phổ-thông, mà bao nhiêu thế kỷ văn minh đã xung vào tài-sản của nhân-loại ». (2)

II. — **Trung lập về chính-trị.** — Điều 39 trong Quy trình, đã nêu cao nguyên tắc ; « Phải hết sức tránh, không dính-lu vào những bè đảng đối lập nhau ở địa phương ».

Thực ra, ông thầy có nhiệm-vụ giao thiệp với phụ huynh học-sinh, để thắt chặt dây đoàn-kết giữa học - đường và gia - đình. Mỗi giáo-chức nên chung sống với các người xung-quanh, cảm thông với dân chúng, giúp đỡ họ trong việc giao dịch hằng ngày, làm cố vấn cho mọi nhà, không khác gì các cụ đồ Nho thuở trước. Được như thế, không những nhà giáo có nhiều uy-tín, khiến công việc dễ dàng mà còn có dịp khảo-sát hoàn cảnh, nhận định phong-tục và nhân-tâm, rút thêm kinh-nghiệm cần phải có trong việc giáo huấn con em, vì theo khoa sư-phạm tối tân, nhà trường phải lấy việc đời để sửa soạn cho trẻ ra đời. Hơn

(1) — Une nation libre peut et doit donner à tous ses enfants, dans les écoles publiques, une éducation morale complète par les seules ressources de la raison et de la conscience, quelles que soient d'ailleurs les croyances religieuses, qui s'y ajoutent ou ne s'y ajoutent pas... L'école publique laïque ne s'inquiète pas de savoir si l'enfant est ou sera de telle ou telle religion ; elle ne songe qu'à en faire un honnête homme, rien de plus. Et, pour cela, elle s'efforce de développer son cœur, son caractère, en lui faisant aimer le vrai, le bien et le beau. »

(2) — « Au moment de proposer à vos élèves un précepte, une maxime quelconque, demandez-vous si un père de famille, — je dis un seul — présent à votre classe et vous écoutant, pourrait de bonne foi refuser son assentiment à ce qu'il vous entendrait dire. Si oui, abstenez-vous de le dire, si non, parlez hardiment car ce que vous communiquez à l'enfant, ce n'est pas votre propre sagesse, c'est la sagesse du genre humain, c'est une de ces idées d'ordre universel que plusieurs siècles de civilisation ont fait entrer dans le patrimoine de l'humanité. — Lettre aux instituteurs. J. F.

nữa, giáo chức cũng như các công dân khác, có quyền theo đuổi một lý tưởng chính trị chân chính. Nhưng, quan niệm ấy, cũng như các sự giao-thiệp ngoài học đường, đều là việc riêng của cá nhân, không thể và không nên mang phổ bày với các học-sinh.

Và chẳng, ông thầy vốn là kẻ cầm cân nảy mực, luôn luôn gần gũi tư tưởng của thánh hiền, tất phải đứng trên cả các điều tranh chấp, để chỉ biết phụng-sự chân, thiện, mỹ.

III. — **Tinh-thần quốc-gia.** — Tóm lại, tôn giáo và chính trị, không có chỗ trong các học đường. Các nhà giáo dục Âu Tây đều công nhận rằng : những sự tranh dành về chính-trị và tôn-giáo phải ngừng lại ở ngưỡng cửa nhà trường, dù một tiếng vang nhỏ bé cũng không nên để có dư âm giữa đám tuổi xanh. . .

Nhưng có phải vì thế mà học đường không có quyền nhắc tới giang sơn, đất nước chăng ? Không. Con cái không thể thờ-ơ, lãnh-dạm, với tổ tiên, cha mẹ, thì công dân cũng không thể thờ-ơ đối với quê hương, xứ sở. Cổ nhân đã nói : quốc gia có sự khó khăn, thì dù là kẻ thất phu cũng có phần trách nhiệm. Yêu nước là một nhiệm vụ thiêng liêng, một quyền hạn bất khả xâm phạm của con người. Yêu nước không phải là làm chính-trị.

Nghiệm xét thực tế, người ta đã thấy rõ rằng : ngay các sư gia, và các nhà chuyên môn, trong khi biên khảo hay nghiên cứu, cũng thường luôn luôn nghĩ đến quyền lợi tối cao của xứ sở. Pasteur đã một niềm tha-thiết với gia-đình, tổ-quốc, và đã bao lần khuyên nhủ đệ tử nỗ lực hy-sinh cho giang sơn yêu dấu. Từ Hérodote, Tacite, đến Michelet, Lavise, các nhà làm sử vẫn ngâm ngùi hay hàn hoan trước sự thăng trầm của tổ tiên đất nước. Phổ-thông như cuốn tự vị Larousse, mà lúc ghi chép hình quốc kỳ của mọi xứ, theo quốc hiệu và thứ tự a, b, c, cũng in riêng cờ nước Pháp lên tận đầu số.

IV. — **Lý-tưởng quốc-gia.** — Ngẫm ra, giữa trăm nghìn học-thuyết đương lan tràn trên thế giới, và thường luôn luôn mâu thuẫn, ta thấy lý tưởng quốc-gia vẫn là vững-chắc hơn cả, vì phù hợp với tâm lý con người. Thực vậy, mỗi cá-nhân đều có ba loại khuyh hướng : khuyh hướng vị ngã, vị tha và vô ngã, tức là ai nấy cũng nghĩ tới mình, tự bảo vệ để sinh sống cho ra sống, nhưng đều biết thương người và còn mơ tưởng tới chân thiện mỹ, tới những điều cao cả, siêu hình. Nhân đây, ta thử xét qua tư tưởng của Maurice Barrès, một học giả Âu Tây, mà quan niệm quốc gia có nhiều điểm tương-tự với nền triết lý Á Đông. Đầu tiên, với sự bông bột của tuổi xanh, Barrès thấy thế sự đều là ảo-mộng, chỉ có cá-nhân của mỗi người mới là một thực-tế đáng kể, và như thế, đã đi đến chỗ tôn thờ

cái tôi. (1) Nhưng, dần dần ông nhận rõ sự ích kỷ không bờ bến, của ý niệm ấy, biết đó là một ngộ nhận, nhưng chưa tìm nổi một đường lối mới, nên sinh ra vô cùng buồn sầu, chán nản. Ông đã viết : « Oï ! muốn vãn chán ngán !... Nghĩ-lực trong tâm hồn tôi đương tiêu tán như mấy giọt dầu sáng rỏ trên tay... » (2). Mãi về sau, ông mới tỉnh ngộ hiểu biết rằng : sở dĩ có mình, là nhờ có tổ tiên, cha mẹ, nhờ có xứ sở là nơi hằng ngày nuôi nấng ta, nhờ có hoàn cảnh gây cho ta cả một đời sống tinh-thần. Thế là đương phụng sự cái tôi, ông đã chuyển sang sự tôn sùng Tổ quốc, và từ đấy, đã nhất thiết lấy quốc-gia làm lý tưởng... Trong đạo Khổng cũng vậy, bốn chữ tu, tề, trị, bình cũng đi từ cá nhân đến gia-đình, tề-quốc, rồi suy rộng ra tới chỗ đại-đồng. Riêng ở nước nhà, chúng ta ngày nay đã tin tưởng vững chắc rằng : mọi công dân có quyền được làm nầy nọ và phát huy các tài năng và cá tính của mình, nhưng muốn đạt mục đích kia, thời cần có sự giúp đỡ rõ rệt hay tiềm tàng của tổ-tiên, đất nước, vậy cần có một quê hương, xứ sở. Song, một nước tức là một phần nhân loại, nên lòng ái quốc tất sẽ đưa ta đến lòng yêu nhân loại, hai tính tình ấy không có gì là trái ngược, là mâu thuẫn. Hơn nữa, nhân dân lại mở rộng một xã-hội đầy công bình, bác ái, và vui tươi. Với hình ảnh này, tinh-thần quốc-gia của ta, thật là phù hợp với tâm lý, với ba loại khuynh hướng vĩ ngã, vĩ tha và vô ngã kể trên. Lý tưởng quốc-gia, hiểu biết như vậy, là một quan niệm hợp lý, hợp tình, và vô cùng vững chắc, không có sức gì phá nổi.

Cũng vì các lẽ đó, tinh thần quốc-gia phải là tinh thần của học đường tân tiến, nó đáng được tiềm tàng trong tất cả các môn học, hợp thành một mối liên-lạc giữa các lời giảng dạy, một chủ đề làm nền sự thống nhất trong nền giáo huấn. Ngoài các giờ sử địa, đức dục và công dân giáo dục, lòng ái quốc có thể được nhắc nhở tới trong bất cứ một giờ nào, dù là bài khoa-học, thể bầy sự trừ phú của non sông, hay là bài chính tả khêu gợi tình đoàn kết.

o o

Ngày 11 tháng 4 năm 1956, tới chủ tọa lễ khánh thành Học viện Quốc gia, Hành chính, tại thủ đô Saigon, Ngô Tổng Thống đã kêu gọi thanh niên « cương quyết ly khai thái độ lừng chừng », đề « thông cảm với dân chúng, mà tuyệt đối hy-sinh cho Tổ-quốc ». Ngài còn nhấn mạnh rằng : Các ngành chuyên môn, dù tài giỏi đến đâu, mà thiếu « tinh thần phục vụ sáng suốt và nhiệt thành », thì cũng không thể làm tròn sứ mạng.

Học đường phải đứng trung lập trên bình diện chính trị, và tôn-giáo, nhưng có nhiệm vụ thiêng liêng tôn sùng Tổ-quốc.

(1) *Le culte du moi.*

(2) *oh ! le bêttement universel !... L'énergie fuit de moi eomme trois gouttes d'essence sur la main..*

TINH-THẦN QUỐC-GIA

VỚI DÂN TỘC VIỆT-NAM

của VŨ-HUY-CHÂN

A) Nguyên-nhân của tinh-thần quốc-gia

GI ẶNG theo nghĩa hẹp thật sơ-dãng, thì nhiều nhà học thành làng, nhiều làng học thành nước. Nhưng một nhà ít ra cũng đã có hai dòng máu của cha mẹ học thành. Đến như một nước thì còn có nhiều sự hỗn-hợp phức-tạp. Một quốc-gia có thể có nhiều dân-tộc hoặc nhiều bộ-lạc. Thêm vào đó, còn những dân lai và một số dân di-chúng nhập tịch.

Nhưng tình thương yêu đồng-loại cộng với tình lưu-luyến đất-dai mình ở, vẫn học thành tinh-thần quốc-gia.

Đối với dân-tộc ta, tinh-thần này đã do nhiều nguyên-nhân gây thành.

1) *Do khí thiêng non-sông gây nên.*— Về thiên-nhiên, thì nước ta là một nước đẹp. Rừng, núi, biển vây quanh bốn mặt. Nhiều rừng núi có vẻ long bàn hồ cứ. Ngoài thì cảnh Hạ-long hùng-vĩ. Trong nước có tới 72 cái động. Nước sông thì có nhiều đặc-biệt về màu sắc. Lại có con sông cùng một dòng, mà bên đục bên trong. Biết bao là một kỳ-quan đã tô-diềm nên cõi non-sông gấm vóc. Vua nhà Thanh xưa, khi khen tài ông Thám Đãng-Cào của ta, đã phải kết luận : « *Đất thiêng, người giỏi bao giờ mà không có.* »

Đất thiêng ấy đã cấu-tạo nên những bậc anh-hùng liệt-nữ. Đất thiêng ấy đã khiến người ta tin tưởng ở một bài thơ truyền tụng :

Nam-quốc sơn-hà, Nam đê cr.

Và người ta đã cố-kết với quê-hương bằng bất cứ giá nào.

2) *Do phong-tục gây nên.*— Phong-tục của ta, mỗi mỗi đều có khác với những nước cùng văn-hóa. Ở đây, tôi chỉ xin kể qua vài nhận xét về sự ăn ở hằng ngày.

Về ăn uống :

*Thịt cá là hoa, tương cà gia bảo.
Nhà em có vai cà đầy,
Có ao rau muống với vại chính tương.
Dầu không mỹ-ớt, cao-lương,
Ngày đôi ba bữa lệ thường đủ no.*

Thực vậy, những người nặng tình với dân-tộc đã nói : « Không biết muối cà muối dưa, làm tương làm mắm, dầu phải là đàn-bà Việt-Nam. Không biết thưởng-thức những món ăn đó, lại cũng không là người Việt-Nam. »

Về phục-sức thì quần sồi áo vải hay quần lĩnh áo the, miễn sao cho y-phục xứng kỳ đức. Lịch sử còn ghi chép rằng :

« Trong lúc người Minh sang cai trị ta, chúng bắt dân ta cài-trang theo Tàu, nhưng chúng đã không uy-hiệp nổi cái tinh-thần dân-tộc ta : thà chết chứ không một ai chịu bỏ quốc-phục. »

Về quan, hôn, tang, tế, dù theo văn-hóa Tàu, nhất nhất đều có sự đổi khác cả.

Nhân việc bảo-vệ phong-tục, dân-tộc Việt-Nam ta càng mạn-mà gần-bỏ với xứ-sở quê-hương.

3) *Do tôn-giáo gây nên.*— Trong thời Bắc-thuộc, các tôn-giáo (Nho, Đạo, Thích) truyền sang nước ta. Nhân đấy, ta đã kiêm-nhiệm được nền luân-lý căn-bản của đạo Khổng, cái nghị-lực và sự tinh-tiến của đạo Phật lòng cao-thượng của đạo Lão. Phàm phong-tục và chính-trị của ta một phần bắt nguồn từ các đạo ấy. Trong ba đạo, thì đạo Phật thịnh về đời Lý. Người thời ấy noi gương Thích-ca lấy chủ nghĩa vị tha làm phương-tram xử-thế. Con người biết trọn đạo sửa mình. Từ trên chí dưới, ai ai cũng tôn thờ đức-tính liêm-khiết và chỉ nghĩ đến ích quốc lợi dân. Tinh-thần ái-quốc của họ thật là một lợi-khí, khiến cho khoảng hơn hai trăm năm triều Lý, lúc nào nước ta cũng được yên-trị và hưng-vượng.

Sang đời Trần, đạo nho thịnh thì kẻ sĩ lại học được ở Khổng từ cái quan-niệm về quốc-gia như sau : « Nước suy thì mình nhục, nước nhục thì mình chết, và : khi nước có việc thì kẻ thất-phu cũng có trách-nhiệm. Một chữ trung là gồm cả hiếu, tiết, nghĩa. Kẻ gánh vác việc non-sông thì không được bỏ một tấc đất nào cho nước ngoài. Thành-trị có liên-hệ đến thân-mệnh kẻ làm tướng. Thà chết chứ không để nhục quốc-thê. » Nhờ đó mà nhiều người đã giữ được tiết-tháo, coi nghĩa nước là trọng nhất trong luân-lý Á-đông.

4) *Do học-thuật gây nên.*— Về học-thuật ta đã gây tinh-thần bằng hai điều đáng chú ý :

a) về thời Lý, Trần, người học Nho biết lọc lấy cái tinh-hoa của đạo Khổng mà áp-dụng vào việc trị nước, an dân, chứ không như một số hủ-nho về sau chỉ chuyên-nghiệp thơ văn phù-phẩm.

b) các bậc tiền-bối ta đã tránh đọc theo giọng Tàu, và còn có ý cải-hóa chữ Hán thành thứ chữ Việt mà ta thường gọi là chữ nôm.

5) *Do giáo-huấn gây nên.*— Hồi đầu nhà Lý, những bậc học-giả phần nhiều là tăng-dồ. Những người này kiêm cả Phật-học lẫn Nho-học và là những phần-tử ưu-tú của quốc-gia. Họ có tinh-thần quốc-gia rất cao, nên, là tăng-dồ, họ lại tận tụy với công-việc truyền-bá Khổng-học. Từ đời Trần trở về sau, nói đến ông thầy là nói đến một sự hy-sinh tuyệt-đích. Lợi-lộc không đáng kể, mà trách-nhiệm thì lớn-lao. Nhất cử nhất động đều khiến cho người chung quanh dòm ngó tới cả. Thầy phải là gương mẫu, Thầy phải chịu trách-nhiệm về sự rèn-đúc nhân-tài. Sĩ-tử mà làm bài bất thông, thầy bị liên-can truy-tố. Học-trò làm loạn, thầy cũng mắc tội lây. Nhận việc giáo-huấn tức là làm một việc nghĩa cao-cả hơn các việc nghĩa khác. Quốc-gia mai sau hay dở điều do nơi kẻ lĩnh việc giáo-huấn có tinh-thần quốc gia hay thiếu tinh-thần ấy.

Vì giáo-huấn gây tinh-thần quốc-gia, nên với đám người không được học, tiền-hiền ta lại tìm cách dạy-dỗ họ bằng những câu ca-đao tục-ngữ. Chỉ đọc những câu ấy, mà nhiều khi lòng ta thấy sôi-nổi lên vì nghĩa-vụ làm dân :

*Anh ơi, phải lĩnh thì đi,
Cửa nhà đơn chếch đã thì tôi đương.*

o°

*Làm trai cho đáng nên trai,
Ra đồng đồng tñnh, lên đồi đồi yên.*

o°

*Làm trai quyết chí tang-bồng,
Sao cho tỏ mặt anh-hùng mới cam.*

o°

*Trâu ta ăn cỏ đồng ta,
Đồng người làm cỏ, nhưng mà cỏ hôi.*

o°

Ta về tắm nước ao ta,
Dù trong, dù đục ao nhà vẫn lớn.

o o

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Nào ai vun sỏi, cho mày mày ăn.

Thật là dung-dĩ, nhưng mà dễ kích - thích những tâm-trạng hèn-hạ, vì thế mà chúng ta đã có biết bao là anh-hùng áo vải, biết bao là liệt-sĩ không tên, xuất thân ở đám bình - dân.

6) *Do sĩ-khí gây nên.* — Kẻ sĩ ở nước ta xưa nay vẫn xếp vào hạng đầu trong tứ dân. Một phần, họ được thầy đức hóa. Một phần, họ cảm thông tính-tình của những bậc hiền-nhân, quân-tử thời xưa, khiến họ sở dĩ rèn luyện được nhiều đức-tính tốt : cương-trực, thanh-bạch, liêm-khiết, hiên-ngang, bất-khuất, tự-lập v.v... Tất cả những đức-tính ấy đã đúc nên, trong tâm trí họ, một khí-tiết riêng gọi là sĩ-khí. Cái sĩ-khí ấy thường nổi dậy ở họ, mỗi khi phải đối phó với những việc nghiêng-ngửa có hại đến thanh-danh họ, hoặc trái với đạo thường mà họ đã được thấm-nhuần. Khi mà sĩ-khí đã nổi dậy, thì gương sáng không đủ uy-hiệp họ, máu đỏ thịt rơi không đủ làm cho họ ngã lòng. Sĩ-khí ấy nhiều khi đã gây hiệu - quả cho việc tái võ-trang tinh-thần dân-tộc. Mấy cái lực-lượng hùng mạnh nhất tiêu-biểu cho sĩ-khí là phong-trào Cần-vương, phong-trào Đông-kinh nghĩa-thục và đoàn thể sinh-viên học-sinh tranh đấu cho chính-nghĩa vừa đây.

7) *Do nữ-hạnh gây nên.* — Trời đã phú cho phụ-nữ Việt-Nam cái thiên-tính đảm-dang mà lại biết lo tròn bổn-phận : lấy chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng. Vì thế, nhiều người thật là cái thân cò lặn lội bờ sông. Lúc chồng chưa thành đạt thì đã từng gánh gạo đưa chồng, cố lo cho chồng ăn học. Đến khi chàng đã nên danh, thì nàng, tuy có mừng vui thật, nhưng lại không nhiệm chí-hướng đời thay thân-thể. Vẫn an thân thủ phận, ở chốn đất tổ quê cha. Vẫn sớm khuya bầu bạn với lúa gạo, nong tằm, gủng tơ, khung cửi. Có lẽ trong ý nàng, không muốn vương vấn chốn trong khi chồng phải dầy bác mai đồng, đem thân giúp nước. Có lẽ trong ý nàng, không muốn gửi thân vào hồng-lộc của chồng để mong cho chồng giữ mãi lấy cái danh thanh-bạch. Quên mình để giúp cho chồng được trọn tiết, xã-hội Việt-Nam thật không thiếu gì những bậc thoa-quần biết trọng đại-nghĩa như thế. Vài câu truyện tôi kể sau này sẽ chứng tỏ nước ta có lắm bậc kỳ nữ :

Truyện I. — Bà Phan-thị-Thuần là vợ lẽ ông Ngô-cảnh-Hoàn đời Lê mạt. Ông Hoàn phò Lê-chúa chống nhau với Tây-sơn bị chết trận ở sông Thúy-đế (nên nhận xét tình thế nước ta lúc ấy là hai nước).

Đến ngày làm lễ chiêu hồn ông trên sông, bà cất cao giọng nói cùng mọi người : « Làm trai được chết ở nơi chiến-trận là một cái vinh, vậy kẻ thân-thuộc chỉ nên mừng, chớ sao lại khóc-lóc, chửi hùa ra làm nhẹ cái khí tiết của người trượng-phu yêu nước ư ? Tuy tôi chỉ có danh phận lẽ mọn, tôi cũng xin làm cho sáng tỏ cái đại tiết của chàng. » Nói xong bà nhảy xuống sông tự-tử.

Truyện II. — Bà Đào-nương tục danh là gì không rõ, chỉ biết bà là người thôn Đào-xá, huyện Ân-thị, tỉnh Hưng-yên. Đào-xá là nơi phát-tích của nghề hát Ả-dầu, và bà là một đào-nương lừng danh về thanh-sắc. Lúc ấy, quân Minh đang chiếm nước Nam. Chúng đua nhau đến tìm thú vui tại nhà bà. Không thể từ khước được, bà phải làm mặt vui vẻ tiếp đãi. Nhưng bà đã mưu với người làng may nhiều bao gai để sẵn. Khi đã đỡ rượu cho chúng thật say rồi, lấy có là nhà nhiều muối, bà bảo chúng vào trong bao tải. Đợi khi chúng ngủ, bà khâu đầu bao gai lại và khiến người khiêng chúng quàng xuống sông. Trong thời gian mấy năm, bà cũng đã trừ-khử được một số khá lớn kẻ thù gian-ác.

Chỉ là người thường, bà Đào-nương cũng như bà Phan-thị-Thuần đã có khí-phách của những bậc liệt-sĩ, hiệp-khách. Cái khí-phách ấy tiêu-biểu cho tinh-thần quốc-gia bất diệt.

8) *Do văn-chương gây nên.* — Tôi đã tách riêng văn-chương với học-thuật vì lẽ sau này : Khác với các đời trước, văn-chương gây nên tinh-thần quốc gia, mà tinh thần quốc-gia lại gây nên văn-chương.

Văn-chương gây nên tinh thần quốc-gia đại khái như bài :

Nam-quốc sơn hà Nam-đế cư
Tiết nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm-phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Dịch :

Người Nam mình ở nước Nam,
Phận riêng định đoạt muôn năm bờ cõi.
Bằng ai phạm đến giống-nòi,
Đánh cho thua cưỡng một lời biết tay.

Hoặc như bài :

Ngồi mà ngắm năm châu trên trái đất,
Bề văn-minh dào-dạt nổi phong-trào.
Kìa như ai, người thời khôn, sức thời mạnh, đất thời rộng,
của thời nhiều.

Nào có phải trời thương yêu riêng một cõi.
Sao ta cứ đã-man quen thói,
Đem thân nô mà luồn cúi dưới cường quyền.
Hủ ba hồn các chú thanh-niên,
Vì gắng sức phải nên động-lực.
Tuệ - não tận tòng - tân-học đặc,
Phương-trâm tu tự nhiệt-thành lai.

Giắt tay nhau lên chốn vũ-đài,
Ngồi mà ngắm nhân-tài trong A-hải.
Người ưu thắng mà ta đừng liệt bại,
Năm nhân-quyền kéo lại giữa phương đông.
Tạo thời mới gọi anh-hùng!

(Đông - kinh nghĩa-thực).

Trái lại, tinh thần quốc-gia gây nên thơ văn, đại khái như bài :

Hoành sáo giang-sơn cấp kỷ thu.
Tam quân tì hồ khí thôn Ngưu.
Nam-nhi vị liễu công - danh trái,
Tu chính nhân-gian thuyết Võ-hầu.

Dịch ;

Vung giáo non sông trải mấy thu.
Quân như thú mạnh nuốt sao Ngưu.
Công danh còn nợ, trai đầu xướng,
Luống thẹn tai nghe truyện Vũ-hầu.

Hoặc như bài sau này của Lê-Kỳ :

Mang mang sóc mạc tuyết hòa yên.
Tiêu tụy mưu xa tống Phụng thiên.
Cổ-chúa phong trần thiên vận lý,
Cổ thần huy tuyết thập dư niên.
Hồng nhan giải đặc sầu tương bạn,
Thương hải na kham hận vị điền.

Tịch tịch đấng tiền hoài cổ sự,
Hương-sơn hồi thủ diệc sấm nhiên.

Bản dịch của Tao-trang :

Cõi Bắc mệnh-mạng tuyết lẫn mây,
Xe về đất Phụng xót trâu gầy.
Vua xưa muốn đậm thân mưa gió,
Tôi mọn mòi năm kiếp đoạ đầy.
Má đỏ tạn khuây sầu khó giải,
Biền xanh còn giận lấp chưa đầy.
Đền tàn cỏ-quạnh mờ ngày cũ,
Quay phía Hương-sơn dạ ngàn-ngây.

Ở thời-đại ông, có ngay vua mới là yêu nước, vậy ta không nên thắc-mắc về ý nghĩa «quân vương với quốc-gia» mà bắt bẻ cái thành-kiến của ông, vì thời nào kỷ-cương ấy. Thế rồi ta sẽ suy đến nghĩa bài thơ này. Thật là nỗi buồn man-mác mệnh-mông. Chí lớn không đạt, tâm thân đoạ đầy. Việc nước, việc nhà, việc mình ngòn-ngang trăm mối, luôn luôn quấy rối tâm-hồn.

Quay phía Hương-sơn dạ ngàn-ngây.

Đó lòng yêu nước thấm-thía thốt ra ở lời văn nào-nùng.

Văn-chương là hình ảnh của tinh-thần quốc-gia. Cứ xem văn thơ của một thời-đại thì biết quốc-gia lúc ấy mạnh hay yếu. Theo nhận xét của ông Phạm-dinh-Hồ thì văn-thơ đời Lý rộng-rãi mà hùng-hồn, phảng-phất như văn đời Hán. Văn đời Trần thì nhã-nhặn chải-chuốt cũng trong-tự như văn đời Đường. Từ năm Thuận-thiên đời Lê trở về sau, văn-chương đã hơi kém, nhưng còn khả dĩ theo gót được người xưa. Đến đời Mạc thì văn-chương xốc-nổi phù-phiếm, đã kém xa buổi đầu nhà Lê. Còn từ Lê Trung-hưng trở về sau thì văn-chương mới thật suy đồi. Người ta thiên về lối văn cử-nghị, kiến-thức hẹp-hòi, mất hết căn-bản của nền học xưa.

Tiếc rằng ông đã không đưa ra một vài thí-dụ và dẫn giảng để chúng ta có thể nhận rõ sự biến-chuyển của tính-cách thơ-văn từng thời đại. Nhưng đại-lược, chúng ta cũng đã nhận thấy một loại văn có bề ich cho tinh-thần và một loại văn chơi. Loại thứ nhất, gồm những văn-thơ

về học-thuật tự-tướng và văn-thơ thời-thế. Loại thứ hai, nếu dùng để chơi riêng, thì là một lối giải trí có thú vị. Nhưng khi đem nó phổ-biến trong dân chúng, thì nó trở thành một mớ độc. Nó làm tiêu-tán tinh-thần quốc-gia. Nó là lối văn vong-quốc. Cái sự-nghiệp gây nên văn-chương về loại ấy đâu có đủ để bù tội lỗi, và sự-nghiệp ấy cần phải được chôn sâu.

Đến đây, tôi đã bày tỏ tám nguyên-nhân gây nên tinh-thần quốc-gia. Bây giờ tôi lại thử truy-tầm trong lịch sử xem cái tinh-thần ấy của chúng ta đã có từ hồi nào.

B— Dân-tộc Việt-Nam trước hồi có tinh-thần quốc-gia.

Theo một vài sử-gia, nước Việt-Nam ta lập quốc vào khoảng năm 2879 trước Tây-lịch kỷ-nguyên. So với sử Trung-quốc thì vào khoảng đời Hoàng-đế Hiên-viên-thị. Lúc đầu có lẽ tổ tiên ta chỉ hợp thành bộ-lạc. Trước là bộ-lạc Xích-qui, tiếp sau là bộ-lạc Văn-lang. Những tiếng Xích-qui, Văn-lang đều do người Tàu đặt ra để gọi ta về hồi ấy. Do nơi tổ-tiên ta có họ là Hồng-bàng mà chúng kêu ta là Xích-qui. Do tục vẽ mình của ta mà chúng kêu ta là Văn-lang, vì Văn-lang không ngoài ý-nghĩa là chàng vẽ mình.

Theo sử chép thì về đời Hồng-bàng, nước ta có 15 bộ, nghĩa là dân-tộc ta lúc ấy phân thành 15 bộ-lạc, mà Văn-lang chỉ là một bộ-lạc, có lẽ lớn hơn hết, ở vào khoảng Bạch-hạc, Vĩnh-yên cho đến Phú-thọ ngày nay. Những bộ-lạc ấy đều có quyền hành riêng, nên mới có sự người Việt-thường (bộ này ở vào khoảng Quảng-bình, Quảng-trị bây giờ) sang cống vua Đế-Nghiêu đời Ngũ-đế một con rùa lớn, rồi đến đời Thành-vương nhà Chu lại cống con bạch-tri. Nếu bộ Việt-thường mà thuộc quyền vua Hùng thì đã không thể có sự ấy được. Có hai giả-thuyết để bàn nói về tình-trạng nước ta lúc ấy :

1º) Có thể nói rằng tất cả 15 bộ-lạc đã suy-tôn dòng lang của bộ Văn-lang lên làm chúa-tề ở phương Nam. Nhưng vua Hùng chỉ có danh-vị vua chúa, chứ không có quyền cai-trị các bộ-lạc bạn. Vì thế mà khi người Việt-thường giao hảo với người Trung-quốc, cả nhà Hùng lẫn họ Việt-thường không nhận thấy sự thiếu tinh-thần và phạm luật quốc-gia.

2º) Vua Hùng có thể được mọi bộ-lạc suy-tôn và cũng có uy-quyền đấy. Nhưng với thời-gian, uy-quyền ấy không còn mấy ảnh-hưởng đến một vài bộ-lạc xa như Cửu-đức, Hoài-hoan, Việt-thường, và vì thế mà vua Hùng đã phải làm ngơ trước những hành-động của những bộ-lạc này.

Lại xem người Tàu lúc ấy gọi ta là phương (Qui-phương) thì đủ thấy cái nghĩa nhiều nhóm ở một phương. Nếu sử-gia ta sau này chép là Văn-lang quốc gồm 15 bộ, thì cũng do vì phương-diện quốc-gia mà chép như thế. Nhưng đúng thì lúc ấy dân-tộc ở phương chúng ta chưa có ý-niệm về quốc-gia, và tinh-thần quốc-gia lúc ấy chưa có.

Đến như họ Thục, hoặc ở bộ Vũ-dĩnh (Cao-bằng), hoặc ở sát biên-giới Văn-lang (khoảng Văn-nam) lúc đầu cũng chỉ là một bộ-lạc, sau hợp thu tất cả các bộ-lạc ở trong cõi vua Hùng mà lập thành một quốc-gia gọi là Âu-lạc. Nhưng Âu-lạc cũng mới có hình-thức quốc-gia chứ chưa hẳn có tinh-thần quốc-gia. Muốn có tinh-thần ấy thì phải có văn-hiến. Văn-hiến là gồm chỉ tất cả những điều mà tôi đã nói ở mục 8 nguyên-nhân kể trên. Nếu không được chu toàn như thế thì ít ra cũng phải có một nền học-dù chưa sâu rộng lắm, để lãnh-hội được ít nhiều văn-minh. Nhà Thục mới thoát thai ở bộ-lạc ra, lập quốc chưa được bao lâu đã mất, nên chưa có thời-cơ gây nên tinh-thần quốc-gia, mà cũng vì thiếu thời-cơ gây tinh-thần quốc-gia nên nhà Thục mới chóng mất.

C.— Thời-kỳ tinh-thần quốc-gia phát-động

Khi nhà Triệu làm vua ở nước ta thì ở bên Tàu, Hán Lưu-Bang đã tóm thủ Trung-quốc. Uy-thế nước Tàu lúc ấy đã vang động bốn phương. Do lòng tham-lam, họ đã muốn biến các phiên-quốc xa-xăm thành những quận huyện trực-thuộc. Nhưng nước Nam-Việt của Triệu Vũ-đế đã được xây dựng với một tinh-thần quốc-gia, dù chưa hẳn vững mạnh, cũng đủ để chống chọi với ngoại-xâm. Vì thế lần đầu tiên sang ta, cuộc xâm-lăng của Hán Vô-hậu bị thất bại. Hán Văn đế đã phải nhún-nhưng dùng chính sách bang-giao để thoát cảnh sa lầy, mà vẫn bảo-tồn được uy-thế.

Tôi nói tinh-thần quốc-gia của ta đã có từ đời Triệu không phải là lời nói mơ-hồ. Tôi không có ý vin lấy cái mạnh nhất thời của Triệu Vũ-đế, để làm bằng chứng vu-vơ cho tinh-thần quốc-gia hồi đó. Triệu Vũ-đế vốn là người Tàu đã già nửa đời người sống ở đất Tàu. Triệu-thần của ông cũng phần lớn là người Tàu, đã được rèn luyện học-thức như quan lại nhà Hán. Lại nên nhớ rằng trong ba phần dân của nhà Triệu thì hai phần gốc ở bên Tàu, vì đất của nhà Triệu bấy giờ gồm cả lưỡng Quảng. Tuy đám dân ấy không hẳn là dân Hán, song thường được giao dịch với người Hán, tiếp-nhiệm được văn-hóa của Hán-tộc và không khác Trung-quốc là bao. Đến lúc này, cả một đoàn-thề vua tôi quan đem văn-minh Tàu truyền-bá sang ta như một làn sóng ào-ạt thì

làm gì mà dân ta không mạnh tiến. Cứ xem văn-thư đi lại với nhà Hán, cái nghi-lễ ở chốn triều-đình, việc sinh hoạt của dân chúng thì biết rằng văn-minh của ta hồi ấy không kém xa Tàu.

Nếu bảo chúng có vin ra đây mới chỉ là việc suy luận chớ chưa hẳn là thực hiện-nhiên, thì tôi xin đưa ra một bằng chứng khác có lẽ thiết-thực hơn. Về cuối đời Triệu, nhà Hán đòm-dở Nam-Việt, sai Thiệu-Quf sang ta dụ Triệu-Ai-Vương dâng nước cho Tàu. Lòng yêu nước đã thúc đẩy triều-thần ta, đứng đầu là Lã-gia, làm cái việc thí quân để giữ lấy nước. Đến sau quân Hán sang, Triệu Kiến Đức, Lã-gia và cả bọn triều-thần, vua tôi đành chịu một chết, chớ không ưng nhận cái sống thừa để ngồi nhìn nước mất. Đó chẳng phải là tinh-thần quốc-gia sao ?

Tiếp rằng sau Triệu Vô-đế, Triệu Văn-vương vô tài lại quá u nhu-nhược. Vì tin-tưởng vào nghĩa quân-thần giữa ta với Tàu, mấy vua nhà Triệu về sau đã lo-đăng, để cho tinh-thần của mình mỗi ngày một lu-mờ. Đến lúc này, ông Lã-gia có muốn cứu-vớt lại cũng không kịp nữa.

D. — Thời-kỳ tinh-thần quốc-gia hưng-vượng

Sau thời Bắc-thuộc, chúng ta đã thấm lượm được văn-hóa của Tàu. Chúng ta lại biết lựa lọc tinh-hoa của học-thuật Trung-quốc, áp dụng nó vào việc mở-màng trí-thức và việc trị nước an dân. Nhờ thế, tinh-thần quốc-gia của ta đã hồi phục, và phát triển một cách không ngờ. Mới trong vòng bảy mươi năm, nó đã vững mạnh không kém gì tinh-thần của người Tàu hun đúc trong vài mươi thế kỷ. Ta có thể so-sánh như thế, vì từ đời Lý trở đi, nghĩa lúc mà người Tàu gây chiến với ta là những hồi họ tự lượng hùng-mạnh nhất, thế mà vẫn bị ta đánh đuổi. Như đời Tống, Vương-an-Thạch vừa đánh xong nước Hạ, định vào cướp nước ta, thì bị ngay Lý-thường-Kiệt sang hạ ba châu, và giết quân dân Tống tới hàng mươi vạn. Đời Nguyên, quân Mông-cổ đánh từ Đông sang Tây, chưa bao giờ chiến bại, thế mà lại chịu khuất-phục trước tinh-thần bất-khuất của Hưng-Đạo-Vương. Đời Minh, Thành-Tô nổi tiếng là ông vua anh-hùng, lấy thiên-hạ của cháu, bình định cả nước Tàu để như trở bàn tay, thế mà mấy chục vạn quân sang ta bị Lê-Thái-tô trừ-diệt gần hết. Qua đời Thanh, bốn phương đều khiếp phục võ-công của Càn-long, thế mà gặp vua Quang-Trung, 20 vạn quân Thanh sang ta, không còn được mấy nghìn trở về đất Bắc.

Nếu tinh-thần của ta không vượt tinh-thần kẻ địch, thì ta khó tránh được một vài cuộc đô-hộ khác chưa biết lâu chóng là bao.

Nhưng, quốc-gia nào chẳng qua những buổi tang thương. Đã có những thời kỳ oanh-liệt, thì nước nhà tất cũng không tránh được những nỗi đau thương. Chúng ta quên làm sao được cái nhục nghìn năm Bắc-thuộc. Chúng ta cảm thấy như-nhuộc khi mà Chế-Bồng-Nga ra vào cõi ta như vào chỗ không người, còn Trần-khát-Chân của ta thì đã khóc mếu khi phải đem quân chống giặc. Chúng ta không khỏi buồn lòng về cuộc Trịnh Nguyễn giao tranh; chúng ta càng lại hồ người với ngoài tám mươi năm đô hộ. Song chúng ta đã hàn gắn được những vết thương đau lòng ấy. Nhưng nào đã hết đau. Với chủ-nghĩa cộng-sản vô-thần, tinh-thần quốc gia của ta đã có phần lay chuyển. Muốn thoát khỏi tình-thế ấy, phải chăng chúng ta có bổn-phận tái vô-trang tinh-thần, triệt-đề tin-tưởng và bảo-vệ chính-thê Cộng-hòa của nước Việt tự-do ?

E. — Những câu nói lịch-sử biểu-dương tinh-thần dân-tộc

Lời nói là một phương-tiện để diễn đạt tư-tưởng, hay để bày tâm-sự. Một lời nói có thể loạn thiên hạ hay an thiên hạ. Những lời nói hay thường là những cách-ngôn được truyền tụng. Bên cạnh những cách-ngôn, ấy lại còn những lời nói lịch-sử đầy ý nghĩa.

Ta có cảm tưởng rõ rệt rằng : những lời nói quả cảm sau đây, của các nhân vật nhà Trần, đã do lòng ái-quốc gây nên :

1) Nếu bệ-hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã. (Trần-quốc-Tuấn)

2) Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ-hạ đừng lo. (Trần-thủ-Độ)

3) Thà làm quỉ nước Nam, chớ không thèm làm vương đất Bắc. (Trần-bình-Trọng)

4) Trận này không phá xong giặc Nguyên thì thề không về đến sông này nữa. (Trần-hung-Đạo)

5) Nói sang lập họ Trần, mà lại đặt ra quận huyện. Chúng mày chỉ là quân ăn cướp. (Nguyễn-Biêu)

Đến khi nhà Trần không còn có cơ cứu vãn, ta còn được nghe những lời bất hủ :

1) Kẻ làm trai nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn thuở, chớ sao lại bo-bo làm đầy tớ người (Lê-Lợi)

2) Con phải trở về lo trả thà cho cha, rửa thẹn cho nước, chớ đi theo khốc mà làm gì. (Nguyễn-Phi-Khanh)

hai câu ấy, thì lại có câu sau này :

Ta phải giữ gìn cẩn-thận, đừng để ai lấy mất một phần núi, một tấc Lê-tư-Thành tức Thanh-tông)

Trên này là những câu gọn gàng, mãnh-liệt giống như các cách - ngôn, Trong Việt-sử, còn có nhiều lời khác, giải-thích dài hơn, nhưng cũng đầy chí-khí. Bà Triệu đã nói : — Tôi muốn cưới con gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng-kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đẫm-đuối, chớ không thèm bắt-chước người đời cúi đầu cong lưng để làm ti-thiếp người ta. »

Lý-Thánh-Tông Nhật-Tôn đã khen hoàng-hậu rồi thêm rằng : « Người đàn-bà trị nước còn được như thế, mà mình đi đánh Chiêm-thành không thành công, chẳng hóa ra đàn ông hèn lắm à » ? và ngài đã chứng tỏ cái không hèn ấy, khi quay binh lại dẹp xong Chiêm-thành và gây được một chiến-công rực-rỡ.

Ông Ngụy-Thức thì bảo Hồ-quí-Ly : « Nước đã mất, làm ông vua không nên để cho người ta bắt được xin bệ-hạ tự dốt mà chết đi còn hơn »

Ông Mạc-ngọc-Liền đã nghĩ đến quốc-gia hơn quyền-lợi của họ Mạc trong câu : « Nay họ Lê lại trung-hưng lên được, ấy là số trời đã định. Còn dân ta thì có tội tình gì, mà ta nỡ để cho dân khổ về chiến-tranh. Vậy ta nên đành phận lính mình ở nước ngoài, chớ đừng có đem lòng cạnh-tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước nhà ».

Vua Quang-Trung khi sắp ra thu-phục giang sơn đã bảo cùng tướng sĩ : « Ta ra chuyến này đánh đuổi quân Tàu chẳng qua mười ngày là xong. Nhưng rồi ta hãy tạm giảng hòa, đợi trong mười năm nữa, đủ sức phú cường, ta lại sẽ nói chuyện với chúng ».

Cô thế như ông Nguyễn-văn-Quyên mà ở giữa Yên-kinh, dám nặng lời sỉ mạ quân Tàu : « Lũ Ngô kia, sao chúng bay được làm nhục nước ta » thật là đã coi thường cái chết.

Đó là những lời còn ghi chép trong sử sách. Ngoài ra còn biết bao lời tâm-huyết, của những bậc liệt-sĩ gần đây.

Lại có lời hịch dạy bảo tướng-sĩ của Hưng-Đạo-Vương, bài đất nước Việt thiêng-liêng của Lý-tể-Xuyên, bài bia tụng sông Đàng của Trương-hán-Siêu, bức thư muôn lời của Lê-cảnh-Tuân, lời báo-cáo việc Bình Ngô của Nguyễn-Trãi. Rồi còn có âm-hưởng, để cảm động, là những văn thơ của nhiều bậc vĩ-nhân, mà tôi đã nhắc tới trong « Văn-thơ và thời-thế... »

Núi Tân chưa mòn, sông Hồng còn chảy, thì tinh-thần quốc-gi: vẫn phát-huy trên đất Việt, bằng lời nói và việc làm...



**PAGES
MISSING**

Nội ngày đó, Parfait đem binh tiếp viện đến chỗ tàu bị đốt, chỉ gặp ba tên da đen bị ứng nghĩa binh bắt đặng, song thừa lúc tàu nổ đã trốn thoát, chui xuống một cái bầu, đứng dưới nước, ngấp tời miệng.

Còn quân ta thì đã rút lui tự bao giờ, chỉ có dân làng Nhựt-Tảo bị vạ lây, cả làng đã bị Pháp quân đốt sạch.

Bảy năm sau....

Ngày 17 tháng 6 năm 1868, thủy-sư đô đốc Ohier trong một cuộc kinh lý miền tây Nam-Kỳ, được người điềm-chi cho hay rằng Nguyễn-trung-Trực sẽ tấn công đồn Rạch-giá.

Làm thế nào cho binh-sĩ Rạch-giá hay kịp vì ngày 16, hồi bốn giờ sáng, đồn đã bị tấn công.

Giờ ấy, binh trong đồn đang mê-man giấc điệp. Trực cùng nghĩa binh đột nhập vào đồn, tha hồ chém giết.

Trung-úy Sauterne, cai-quản đồn, bị giết thác, và đội binh đồn thú gồm ba mươi người cũng không thoát khỏi lưới kiếm của nghĩa-quân, trừ tên lính Dupleissis thoát khỏi đồn, băng đồng lội ruộng, được hai vợ chồng một ông già cho trú-ngụ.

Hay tin Rạch-giá thất thủ, hải-quân trung-tá Ansart ở tại Vĩnh-Long đem một toán lính qua Rạch-giá, lấy lại đồn.

Trực và bộ-tướng phải cắt lên ần mình tại Hòn-chông và Phú-quốc.

Nhưng trời không giúp kẻ anh-hùng, Trực bị bắt, lãnh binh Huỳnh-công-Tấn dụ Trực đầu, Trực chỉ cười mà thọ tử-hình tại Rạch-giá ngày 2 tháng 10 năm 1868.

Về sau, nhà văn Nguyễn-dình-Chiều đã ngợi khen Nguyễn-trung-Trực, bằng đôi câu đối như sau :

Hỏa hồng Nhựt-Tảo oanh thiên địa,
Kiếm bạt Kiên-Giang khắp quí thần.

tạm dịch :

Lửa thiêu Nhựt-Tảo vang trời đất,
Gươm sát Kiên-Giang khắp quí thần..



Một danh tướng nhà Tiền Lý :

LÝ-PHỤC-MAN

ĐỖ-BÁ-YÊN

ĐỜI Tiền Lý (543-601), nước ta bị quân Tàu đô hộ tàn sát nhân dân, Tiền-Lý Nam-Đế là Lý-Bí (Lý-Bôn) đã cùng danh tướng là Lý-phục Man, nổi lên đánh đuổi quân Tiêu-Từ. Nhưng trong nước vẫn chưa yên, phương Nam giặc Lâm-Áp tới quấy nhiễu, phương Bắc lại có quân nhà Lương bên Tàu sang xâm chiếm. Lý-Bôn phải tạm trốn sang Lào, rồi chết ở đấy. Một viên tướng của Ngài là Triệu-quang-Phục lên thay thế. Ngay bấy giờ cũng có người anh em của Lý-Bí tự xưng vương, lấy hiệu là Đào-Lang, nhưng chẳng bao lâu đã mất. Rồi có người họ là Lý-phật-Tử được tôn lên kế vị. Khi Phật-Tử lên làm vua, thì đã đánh lừa Triệu-quang-Phục mà trừ đi (571). Song Phật-Tử lại bị quân Tàu tràn sang đàn áp, phải xin quy thuận (602) và bị đưa sang Tàu rồi chết ở đó.

Thời kỳ độc-lập của nước ta bấy giờ thực là ngắn ngủi, vì chưa đầy 60 năm mà đã phải thay đổi những 4 vị vua :

- 1 — Lý-Bôn (Tiền-Lý Tam-Đế) có danh tướng là Lý-phục-Man.
- 2 — Triệu-quang-Phục có tướng Trương-Hồng và Trương-Hát là hai anh em.
- 3 — Đào-Lang.
- 4 — Lý-phật-Tử, có con là Nhã-Lang.

Đó đều là những người có công trong lịch-sử vào thế kỷ VI, và đều được tôn làm Thành hoàng của nhiều làng ở hai bên bờ sông Đáy thuộc Bắc-Việt. Danh tướng Lý-phục-Man được thờ tại 19 làng trong các tỉnh Hà-dông, Sơn-tây, Hà-nam và Hưng-yên. Nhưng nơi thờ chính là hai làng Yên-sở và Đắc-sở thuộc huyện Đan-phương, tỉnh Hà-dông.

Theo tài liệu ghi trong thần phả và văn bia, Lý-phục-Man là một dũng tướng, tóai trung của vua Tiền-Lý Nam-Đế, lập được nhiều công trong khi giúp vua đánh giặc, bởi vậy, ông đã được vua trao cho toàn quyền chỉ

huy quân-dội Đổ-Đổng và Đường-Lâm. Uy thế ông vang rẩy, những giặc cỏ sợ không dám tới quấy rối hoặc xâm chiếm đất đai nên dân cư đã được an cư lạc nghiệp.

Tục truyền giặc Lâm-Áp hay tới quấy nhiễu, ông phải nhiều lần đi dẹp và sau thu phục được. Vì vậy vua Lý-nam-Đế mới đặt cho ông biệt hiệu là Phục-Man, và cho sửa đổi họ ra họ Lý của hoàng gia. Ông lại được vua trọng đãi cho phép bàn về các công việc triều đình từ quân sự đến hành chính. Ông đã tỏ ra là người xuất sắc và liêm chính.

Sau ông được cử ra trấn các biên giới, đề phòng thủ giặc già.

Ít lâu sau có giặc Chăm đến xâm lấn và vây hãm chỗ ông đóng binh. Khí thế của giặc quá mạnh, ông không đánh lui được, đành phải tự vẫn, không chịu hàng. Quân-sĩ đã mang thi hài ông về quê hương của ông để an táng ở làng Cổ-sở (tức là làng Yên-sở ngày nay) trên bờ sông Hồ mã (bây giờ là sông Đáy). Nhân dân đã nhớ công ơn, bèn lập đền thờ ông.

Tục truyền thời Lý thái Tông (1010-1026), một hôm, vua ngự thuyền qua làng Yên sở thấy cảnh nên thơ, có đủ sơn thủy hữu tình, mới ra lệnh ngừng giây lát để thưởng thức. Đoạn Ngài rót rượu đổ trên mặt nước mà nói : “ Ta tới đây, cảm thấy cảnh thiên-nhiên đẹp để dị thường, lãnh thổ tươi tốt, dân cư đông đúc ; vậy thế nào chẳng có thần minh chứng nhận cho ta chén rượu này » Rồi Ngài nằm mộng thấy một người to lớn, khuôn mặt nở nang, hiền hậu, chèo thuyền đến trước long-nhan mà tâu rằng : “ Tâu bệ hạ, theo mệnh trời, thần được giữ nơi đây để bảo vệ nhân dân. Thần biệt hiệu là Lý-phục Man. Trước đây, thần là một dũng tướng của Tiền Lý Nam Đế. Sau khi thần qua đời, Ngọc Hoàng thương thần trung trực, liêm chính mới ban cho giữ chức cũ, đề trừ những giặc cướp làm hại dân gian. Đến nay Thần lại được hạnh phúc thấy long nhan, xin Người mở lòng thương, ban cho thần an vị ». Rút lời vị thần biến mất.

Vua Thái Tông chợt tỉnh mới cho hỏi ý kiến quan ngự sử Lương nhiệm Văn. Quan ngự sử tâu vua xin lập tượng theo như trong mộng để dân thờ phụng và phong cho làm “ phúc thần ». Đến đời nhà Trần (1225-1257), vua Thái Tông cũng ngự thuyền đi qua làng Cổ sở (Yên sở), vì trời tối mới cho đậu lại nghỉ trên sông Hồ mã, gần làng. Trong thuyền, Ngài cũng mộng thấy một người to lớn xưng là Lý-phục Man. Vua thấy thế mới ra lệnh cho trùng tu ngôi đình và gia phong cho vị thần, sắc hiệu mới.

Đã sử còn chép rằng cũng đời nhà Trần, giặc Thát đát lan tràn sang nước ta. Khi tiến đến làng Yên sớ, ngựa của giặc bị tê liệt ; dân làng bèn đồ ra đánh chém và đuổi tan được quân thù ra khỏi địa phận. Tin phá giặc truyền đến kinh đô, vua lại phong cho thần là Trùng An Quốc Công và xá thuế cho dân làng.

Năm Trùng hưng (1285), bên Tàu nhà Nguyên lại sai quân sang xâm chiếm nước ta nhưng làng Yên sớ vẫn được yên lành, giặc không qua tới. Sau đó, vua lại gia phong cho thần là Trùng An Vương ; đến năm thứ 4 (1288), sắc phong cho hai chữ Minh Ứng và năm thứ hai Hưng Long (1313), lại được đổi hai chữ khác là Hữu Quốc.

Đề ghi công ơn của Ngài, dân sớ tại làng Yên sớ và Đắc sớ họp nhau lại phân chia làm tế lễ, mở hội hàng năm ngày mồng 10 tháng 3 đến mồng 10 tháng 4 thì giã đám.

Năm 1945, những nơi thờ tự của Ngài đã bị Việt-Cộng phá hủy, thật đáng tiếc là chừng nào !

Những tài liệu về Lý phục Man. — Cuốn « Việt điện u linh tập » đã ghi chép :

« Dưới triều Tiền Lý Nam Đế, danh tướng là Lý phục Man lập được nhiều công giúp nước, lợi dân. Sau được làm Thành hoàng làng Yên sớ, Đắc sớ thuộc tỉnh Hà-dông trên ven bờ sông Đáy. Nhân dân còn tin rằng : Lý phục Man đã là phò mã, làm bạn với công chúa hiệu là Lý Nương.

Theo một ông đồ nho ở làng đã chép được thần phả thì có các chi tiết như sau :

« Lý phục Man là một dũng tướng, được vua Tiền Lý Nam Đế triệu ra đánh dẹp giặc Chăm và thắng được giặc ở Chu đức. Ông lập được nhiều công trạng và có lòng trung tín, vua mới cử ra trấn biên giới ngăn cản quân giặc Lâm Ấp. Dưới sự điều khiển của ông, nhân-dân đã có một nền an ninh thịnh vượng.

Nhưng tiếc thay nhà Tiền Lý bấy giờ bắt đầu suy. Vua nhà Lương bên Tàu cử Trần bá Tiên sang xâm lấn nước ta. Vua nhà Lý vì tình thế, phải lánh nạn tại Khuất - liêu, còn tướng Phục Man yếu thế đã phải tuân quốc. Thấy vậy, quân sĩ bên rước thi hải Ngài về an táng tại nơi quê hương tức làng Cổ sớ trên bờ sông Hồ-mã, tức làng Yên sớ, sông Đáy, huyện Đan phượng thuộc tỉnh Hà-dông ngày nay).

Như thế thì Lý phục Man đã mất trước cuộc chiến thắng của Triệu quang Phục (546-548).



ANH-HÙNG NON LAM

*Nhớ thuở quân Tàu tựa hồ-
lang,
Vô-song tham-nhúng, lú hung-
tàn !
Thần sấu, qui khốc, người rên
siết ?
Chỉ muốn vạch Trời khiêu nổi
oan*

o°o

*« Danh lợi nan di chí-sĩ tâm »
Nực cười Minh-tướng tính sát
lãm.
Gươm thần ba thước nguyên
Thiên-địa,
Rửa nhục giống nòi, thác cày
cam.*

o°o

*Nguy-hiềm gan-lao dạ chẳng
sờn,
Anh-hùng tuốt kiếm cõi Lam-
Sơn.
Ngon cờ khởi-nghĩa tung oanh-
liệt,
Cùng với muôn dân quyết rửa
hòn.*

Thập niên lao-khổ tướng cùng quân.
Thành bại bao phen chiến chông dưng.
Lắm bận tròng vây thân cận tử,
Quên nhà vì nước lại vì dân.

o°o

Đông-đô phong-tỏa bọn Vương-Tiông,
Mấy trận iher hùng rạng chiến công.
Tuy-động, Chí-lãng, ta sát lặc,
Thây năm như rạ, máu thành sông.

o°o

Quét sạch quân thù, khét lửa tan,
Vấn hồi Độc-lập, nước huy hoàng,
Lầu-lầu, Thái-Tổ gương muôn thuở,
Đại-Việt oai hùng, tiếng sấm vang.

Đào-Viên

XUÂN-THIÊN NGÂM-KHÚC

Xuân sang, xuân cả một trời,
Nước non đời vẻ, cõi người mừng vui.
Tưng-bừng cảnh vật đua tươi,
Thảo-hoa còn muốn đến-bồi ơn xuân.
Thử đem so-sánh xa gần,
Nước nhà tương-tự như xuân mấy phần.
Tò-tổng gây-dựng lao-cần,
Bốn nghìn năm lẻ lần-lần đến nay.
Công ơn tích-lũy cao-dầy,
Chúng ta mới có ngày nay sinh tồn.
Biết bao chánh-khí, anh-hồn,
Các vì tiên-liệt vẫn còn xét soi.
Sao cho vang-vẻ giống-nòi,
Chúng ta, con cháu phải noi gương người.
Tinh-thần vững chắc vẹn mười,

Hành-vi chánh-đại mặt trời sáng soi.
Một lòng khấn-khấn chớ đời,
Quốc-gia là gốc, tài-bồi hôm mai.
Đối cùng chủ-nghĩa ngoại-lai,
Ta nên sáng-suốt một hai đề phòng.
Cùng nhau đức chữ « Tâm-đồng »,
Tạc trên non nước Lạc-Hồng muôn thu.
Hưởng chung hạnh-phúc dài lâu,
Đền-xuân, cốt-thọ ngô-hầu tiên lên.
Công-ơn nước tổ báo đền,
Rạng màu cầm-lú, vững nền trị yên.
Gốc già đại-thụ lâu-bền,
Sinh-sôi hoa vạn, quả nghìn tốt tươi.

Cử-nhân BÙI-LƯƠNG

NHÂN BẠN

Năm Quý-sử (1913), cụ Phan-Sào-Nam bị viên Đô-đốc Lương Quảng Long-tế-Quang bắt giam ở Quan-Âm-Sơn. Nguyên Long-tế-Quang, đồng-đang của Viên-thế-Khải, lúc đó, muốn dùng đường xe lửa qua Bắc-Kỳ lên Vân-Nam, để đem quân đánh Đường-Kế-Ngiêu. Long-tế-Quang bên giao thiệp với người Pháp, và hứa rằng : nếu được mượn thiết lộ kia, thì tức khắc sẽ bắt hộ nhà cách-mạng họ Phan. Sự dùng người làm mối hàng ấy đã không thành.

Tuy nhiên, trong khi âm-mưu được sửa-soạn, cụ Phan đã bị giam cầm với một đồng-chí theo Công-giáo là cụ Mai-Lão-Bạng ; và nhân đó, cụ đã làm bài bát-cú bằng chữ Hán, tặng bạn.

Nhờ tài vận-động của các chính-khách; và sự can-thiệp của Tổng-lý Đàm-kỳ-Thụy, lúc đó, ở Bắc-Kinh, hai nhà cách-mạng đã không bị thủ tiêu.

Tới tháng ba năm Bính-Thìn (1916), Long-tế-Quang bị thua chạy về Quỳnh-Châu, cụ Phan mới được trả lại tự-do. Và sau này, cụ Mai cũng đã được phóng-thích.

Phiêu bồng ngã bối các tha hương.
Tân khổ thiên quân phận ngoại thường.
Tinh mạng ký hồi tảo tử địa.
Tu-mi tam độ nhập linh đường.
Kinh nhân sự nghiệp thiên đào chú,
Bất thể phong-vân để chủ trương.
Giả sử tiền đồ tận di thân,
Anh-hùng hào-kiệt giả dung thường.

DỊCH

Bơ vơ đất khách bác cùng tôi,
Riêng bác chua cay nếm đủ mùi.
Tinh mạng bao phen gần chết hụt,
Mây râu ba lượt bị giam rồi.
Trời toan đại dụng nên rền chí,
Chúa giúp thành công tất có hồi.
Nếu phải đường đời bằng phẳng hết,
Anh-hùng hào-kiệt có hơn ai ?

(lời dịch của Lưu-Trần-Thiên.—
Phan-Bội-Châu. tiêu sử và văn thơ)

ĐÊM KHUYA CẢM-TÁC

Khi chu-du hải-ngoại, cụ Phan-Sào-Nam có làm nhiều bài cảm-hứng,
trong đó mấy vần dưới đây, đã được các thức giả Trung-Hoa tán thưởng :

Ý lâu Nam vọng nhật bởi hồi,
Tâm tự như vân uất bất khai.
Sơ vụ thâm tiêu nhân ám khốc,
Tà dương sơ nguyệt nhận cô hồi.
Khả vô đại hòa thiêu sấu khứ,
Thiên hữu trường phong tống hận lai.
Cổ ảnh tự lân hoàn tự tiêu,
Đồng bào như thử ngã hà ai !

Chính cụ đã dịch ra quốc-âm như sau :

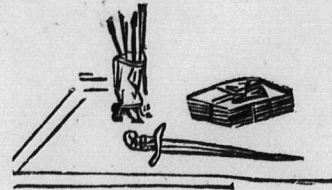
Tựa lâu Nam dề ngóng phương trời,
Tâm sự tơ vương ruột rối bời.
Lác-đác đêm trường, mưa diêm giọt,
La-đà bóng nhạt tít ra khơi.
Đốt sấu, nhưng kiếm không ra lửa,
Rước giặc, ai xui gió thổi hoài.
Ngó bóng gấm mình cười lẫn khốc.
Đồng bào như thế, dạ sao người !

ĐẬP ĐÁ

Cụ Phan Tây-Hồ, khi bị phát-vãng ra đảo Côn-lôn bắt phải đập đá,
cũng có bài dưới đây :

Làm trai đứng giữa đất Côn-lôn,
Lùng lẩy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập vỡ mấy trăm hồn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian-nan chi kể chuyện con-con.

An-Khê sao lục



BÌNH-NGÔ ĐẠI-CÁO

(nguyên văn chữ Hán của Nguyễn-Trái)

PHIÊN ÂM

Đại-Thiên hành hóa,
Hoàng-Thượng nhược viết :
Nhân nghĩa chi cử, vụ tại an dân,
Điều phạt chi sự, mạc tiên khừ bạo.
Duy ngã Đại-Việt chi quốc,
Thực duy Văn-Hiến chi bang.
Sơn-xuyên chi phong-vực ký thù,
Nam-Bắc chi phong tục diệc dị.
Việt, Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triều,
Tạo ngã quốc.
Dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên,
Nhi các đế nhất phương.
Tuy cường-nhược thời hoặc bất đồng,
Nhi hào-kiệt thế vị thường pháp.
Cổ Lưu-Cung tham công nhi thủ bại,
Triệu-Tiết hiếu-dại nhi súc vong.
Toa-Đô ký cầm ư Hàm-Tử-Quan,
Mã-Nhi hựu ế ư Bạch-dăng Hải.
Kê chư vãng cô,
Quyết hữu minh trung.
Khoảnh nhân Hồ chính chi phiên hà,
Trí sử nhân tâm chi oán bạn.
Cuồng Minh tý khích,
Nhân dĩ độc ngã dân.
Ngụy đảng hoài gian,
Cánh dĩ mãi ngã quốc.
Phiến thương sinh ư ngược diếm,
Hãm xích-tử ư họa khanh.
Khi Thiên vớng dân,

DỊCH NGHĨA

của Đông Chương Nguyễn sĩ-Thiên

LỜI CÁO VỀ VIỆC DỆP NGÔ

Thay trời trị nước an-dân,
Nặng lòng ưu-ái, xa gần truyền ban :
Việc nhân-nghĩa, cốt an dân-chúng,
Dấy hùng-binh, trừ giặc bạo-tàn.
Nước nhà Đại-Việt giang san,
Vốn dòng văn-hiến bảo toàn bấy nay.
Sông núi họ, riêng bày bờ-cối,
Bắc-Nam họ, lẽ thói khác nhau...
Triệu, Đinh, Trần, Lý bắt đầu,
Lập thành Việt - quốc trước sau vẹn tuyền.
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên so ví
Đều có vua thông-trị một phương.
Thịnh - suy thời-vận nhược-cường,
Mà nòi hào-kiệt chưa thường kém đâu.
Nên Lưu-Cung tham sâu mua bại,
Triệu-Tiết thì hiếu-dại chuốc vong :
Toa-Đô, Hàm-tử bắt xong,
Mã-Nhi lại giết ở sông Bạch-Đằng.
Khảo tiền-cổ hay rằng sự-thê,
Gương sáng phò hậu-thế noi theo.
Đảng Hồ ác-chính cheo leo,
Khiến người chán ghét lòng reo căm hờn.
Bọn giặc Minh nhằm con nội-hạ,
Mới bày ra tai vạ hại dân.
Bao dung tà-đảng loạn thần.
Âm mưu bán nước tránh phần giàu sang.
Đầy trăm họ vào ngang ngọn lửa,
Giám đàn con xuống cửa vực sâu.
Đối trên lửa dưới xiết đau,

Quý kẻ cái thiên vạn trạng.
Liên binh kết hãn,
Nhắm ác đài nhị thập niên.
Bại nghĩa thương nhân,
Cần khôn cơ hồ dục tức.
Trọng khoa hậu liêm,
Sơn trạch mỹ hữu kiệt di.
Khai kim trường tác mạo lam chướng,
Nhi phủ sơn, đào sa,
Thái minh châu tắc sức giao long,
Nhi căng yêu nhập hải.
Nhiều dân thiết huyền lộc, chi hạm tịnh,
Điển vật chức thúy cầm chi vông la.
Côn trùng thảo mộc/hàm bắt đặc dĩ toại kỳ sinh.
Quan quả điền liên câu bất đắc dĩ an kỳ sở ?
Tuần sinh linh chi huyết dĩ nhuận kiệt liệt chi vẫn nha.
Cực thổ mộc chi công dĩ sùng công tư chi giải vũ.
Châu lý chi chính đao trọng khốn,
Lư diêm chi trữ trực giai không.
Quyết đông hải chi ba bất túc dĩ trạc kỳ ô,
Khánh Nam sơn chi trúc bất túc dĩ thư kỳ ác.
Thần nhân chi sở cộng phần.
Thiên địa chi sở bất dung.
Dư phần tích Lam-Sơn,
Thê thân hoang dã.
Niệm quốc thù khởi khả cộng đại.
Thệ nghịch tặc nan dĩ cầu sinh.
Thống tâm tật thủ giả thù thập dư niên.
Ngoạ tảo thường đáng giả cái phi nhất nhật.
Phát phần vong thực,
Mỗi nghiên đàm thao lược chi thư.
Tức cò nghiệm kim,
Tế suy cứu hưng-vong chi lý.

Bày ra muôn thắm nghìn sâu chứa chan,
Kéo binh mã tràn lan biên-giới,
Hai mươi năm gây mối hiềm-thù.
Thương nhân bại nghĩa đủ trò,
Đất gòir nhường cũng đồ xô phen này !
Sưu thuế nặng chứa đầy tham túi,
Đến núi đăm nhân-nhụi còn chi.
Tim vàng lam-chướng cũng đi,
Đục non lọc cát, khốn nguy nhường nào !
Kiếm châu báu lăn vào bề rộng,
Chạm thân hình với giồng giao-long.
Bắt dân dào hổ cấm chông,
Săn đàn hươu đại tận trong núi rừng.
Lại bày đặt các tầng lưới vông,
Đề tiêu trừ hết giồng chim muông.
Côn trùng cũng chịu tai ương,
Cỏ cây đều phải tang thương cuộc đời !
Kẻ góa chồng người thòi góa vợ,
Nổi lao-lung chẳng chỗ an thân.
Chan hòa máu đỏ trong dân.
Vuốt nanh hãm-hại chẳng cần nhìn trông.
Thu đất gỗ ép công làm-lụng.
Đề tôn-sùng xây dựng lầu sang.
Khốn thay đến cả châu làng.
Cửa nhà khùng cửt tan hoang hao mòn.
Nước Đông-Hải rủa còn bản vết,
Tre Nam-Sơn chưa hết tội biên,
Thần nhân cũng phải bức phiền,
Đất trời có nhẽ dễ yên được nào.
Núi Lam-Sơn ta vào ăn-dấu,
Chôn hoang-vu nương nấu chân-dung.
Quốc thù không đợi trời chung
Tuốt gươm thề chẳng sống cùng giặc kia.
Mười năm lẻ chẳng hề mệt - mỏi,
Năm cò gai gan phôi chua cay.
Quên ăn quên ngủ đêm ngày,
Nghiên-dàm thao-lược mưu hay chước dưng.
Rút kinh-nghiệm suốt trong kim cò,
Suy cứu rành vận-số hưng vong.

Đồ hồi chi chí.
Ngụ my bất vong,
Đương nghĩa binh sơ khởi chi thời,
Chính tắc thể phương trượng chi nhật.
Nại dĩ nhân tài thu diệp,
Tuấn kiệt thần tinh.
Bôn tấu tiên hậu giả ký phạp kỳ nhân,
Mưu mô duy ác giả hựu quả kỳ trợ.
Đặc dĩ cứu dân vi niệm.
Mỗi uất uất nhi dục Đông,
Cổ ư đãi hiền chi sa.
Thương cấp cấp nhi hư tả.
Nhiên kỳ đắc nhân chi hiệu.
Mang nhược vọng dương.
Do kỹ chi tâm thậm ư chủng nịch
Phản hung đồ chi vi diệt.
Niệm quốc bộ chi do truân.
Linh-Sơn chí thực tận kiêm tuần.
Côi-Huyện chi chúng vô nhất đề.
Cái thiên dục khốn ngã,
Dĩ ráng quyết nhâm.
Cổ dư ích vạn chí dĩ tế tử nan.
Yết can vi kỳ,
Manh lệ chi đồ tứ tập.
Đầu giao hưởng sỹ, phụ tử chi binh nhất tâm.
Dĩ nhược chế cường, hoặc công chi bất bị.
Dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ xuất kỳ.

Chi mưu xếp đặt đều xong,
Không giờ phút dè nháng lòng độ sinh.
Đương giữa lúc nghĩa-binh nổi dậy,
Chính là khi giặc dấy khắp nơi.
Nhân-tài như lá thu rơi,
Mà người tuấn-kiệt sao mai khác nào.
Kẻ sau trước cậy trao đã thiếu,
Bạc mưu-hiền định liệu lại thua.
Cứu dân nghĩ-ngợi sớm trưa,
Uất cảm cũng muốn đánh bừa sang Đông.
Xe sắp sẵn đợi mong hiền-sĩ,
Thường dăm-dăm bỏ phía bên không.
Chờ người mới mắt ngóng trông,
Như nhìn bề rộng nênh - mông im-lim.
Lòng cứu vớt dân chìm thảm thiết,
Giận hung-đồ chưa diệt cho xong.
Bước đường Tô-quốc long-đong,
Linh-Sơn lương hết đã trong hàng tuần.
Quân Côi-Huyện tan dần cơ-dội,
Trời thù ta bao nổi khó khăn.
Đề trao sứ mệnh nhọc-nhân,
Cứu dân chí chẳng ngại-ngàn gian-nguy.
Dựng gậy làm nghĩa kỳ chiêu-tập,
Khắp bốn phương lấp-nập theo về.
Quân cha con nặng chén thề,
Đồng-tâm quét sạch mọi bề tối-tăm.
Lấy sức yêu chống cầm thế mạnh,
Hoặc phục-quân đón đánh hờ cơ.
Lắm phen bố-trí bất ngờ,
Nhiều mà thua ít cũng nhờ mẹo hay,

(Kỳ sau đăng tiếp)



TÔ-VÔ

(HAY LÒNG NHỚ ĐẤT NƯỚC)

của HOÀI-QUANG

Ở Việt-Nam và ở Trung-quốc, những bậc anh-hùng nghĩa sĩ đời nào cũng sẵn, và nhất khi quốc-gia hữu-biến, khí-tiết của các vị ấy càng thêm rõ-rệt chói-lọi khác thường. Trong số đó, xin lược-thuật sau đây tiêu-truyện và hành-vi một vị danh-thần đời Tây-Hán, đã từng làm quân địch phải kính phục chí kiên-nhẫn và lòng khảng-khái của mình. Đó là truyện Tô-Vô đã phải chẵn đẽ ngót 20 năm ròng ở miền Bắc-Hải thuộc đất Hung-nô, mà khăng khăng không chịu hàng giặc, lúc này cũng nhớ đến quê hương đất nước.

Tô-Vô, sinh dưới triều Vũ-đế nhà Tây-Hán, quê ở quận Đổ-Lãng, tên tự là Tử-Khanh. Ngay từ bé, ông đã có chí-khí, nhưng tính hay nóng-nảy và nhãng quên. Học-hành thường biếng nhác, nên hay bị cha trách mắng.

Năm mười lăm tuổi, cũng vì biếng học, bị cha thống-trách nặng lời, ông hối-hận, cúi lạy xin lỗi, và hứa với cha nhất-định từ nay xin chừa. Tâm-sự ông lúc này có lẽ không khác mấy tâm-sự Bàng-nhôn Lê-quí Đôn, lúc thiếu-thời sao nhãng việc học, đã làm bài thơ ứng-khâu, đề tạ lỗi mình:

*Chẳng phải lưu-đầu, vẫn giống nhà...
Rắn mà chẳng học, chẳng ai tha.*

1368

*Thẹn đèn hồ lửa, đau lòng mẹ,
Nay thét mai găm, rất cô cha.
Ráo rếp chỉ quen nghề nói láo,
Lăn lừng cam chịu vết doi tra.
Từ nay Châu-Lỗ chăm nghề học,
Kéo hồ mang danh tiếng thế-gia.*

Nói sao làm vậy, Tô-Vô nhất-quyết phấn-dấu không để cho ma lười ám-ảnh. Hơn nữa, hàng ngày xong việc học tập, Tô-Vô tự-y vào các lò nung, để giúp người nhà đun lửa. Giữa mùa hè viêm-nhiệt, hơi lửa cùng hơi nắng bốc ra như nung nấu lòng người, để mấy ai đã chịu nổi được lâu. Thế mà Tô-Vô vui vẻ cặm cụi ngồi hàng giờ, không chán-nản, lại còn chuyện trò bông đùa để khuấy khỏa người chung quanh. Mùa đông tới, thường ngày có mưa tuyết. Trời rét như cắt ruột, Tô-Vô vẫn trần mình ra đứng giữa sân, luyện tập võ nghệ, ham đến nỗi quên cả giá lạnh. Bà mẹ thương con, thường khuyên ngăn. Tô-Vô thưa: « Xin mẹ cho phép con tự bắt buộc hàng ngày chịu vất vả, chịu nóng rét cho quen; có thế, con mới trừ tuyệt được tính sơ-suất phóng-đăng, đã này mằm hồi trước.»

Chính cũng vì sự khổ công rèn luyện cho tâm-trí và thân-thể quen nổi gian-lao ngay từ thuở nhỏ, nên không bao lâu Tô-Vô trở nên kiên nhẫn cương-quyết khác thường. Hai đức-tính quý giá này về sau đã giúp Tô-Vô thành-danh, vì đã biết ứng-phó dễ-dàng trong lúc quốc-gia hữu-sự.

Ngoài tính kiên-cường, Tô-Vô còn giàu lòng khảng-khái và rất trọng nghĩa khinh tài. Năm mười ba tuổi, trong miền, có tên cường-đạo đã dùng kế lừa bắt Tô-Vô đem về sào-huyệt. Y cố dụ Tô-Vô làm người đưa đất đến cướp và bắt cóc con gái một nhà giàu. Nếu thành sự, y sẽ thưởng cho nghìn vàng; nếu trái lời, y sẽ giết chết. Tên cường-đạo đạ-y thế, y biết rõ Tô-Vô có họ ngoại với nhà giàu kia, và được nhà này rất yêu quý tin cậy, vẫn đón đến nhà chơi. Không hề sợ hãi, Tô-Vô trả lời: « Mi cướp của hại người, quen làm việc bất-nhân bất-nghĩa, nay lại còn chực mượn tay ta để giúp sức mi chẳng? Đừng khinh ta nhỏ tuổi mà coi thường, và đừng tưởng đem chuyện ngàn vàng lừa dối, để làm tối mắt ta. Ta đây nhỏ tuổi chưa cần gì đến vàng bạc; dù đến lúc cần có, mà có bằng lối bất-nhân bất-nghĩa, đâu ta có thèm! Lừa bắt được ta, muốn giết thì giết, chứ không thể lay chuyển được lòng ta đâu. Ta dù còn bé chưa giết được mi, nhưng trời đất sớm chày đâu có dung tha những kẻ tàn ác như mi». Thấy dụ không nổi lại còn bị mắng nhiếc thậm tệ, tên cường-đạo nổi giận bắt giam Tô-Vô vào một buồng tối.

1369

ngày ngày chỉ cho ăn một nắm cơm. May sao, một người lão-bộc của tên cường-đạo, sẵn lòng hào-hiệp, và cảm tấm lòng trọng nghĩa của Tô-Vô, bèn lập mưu cứu Tô-Vô thoát khỏi sào-huyệt, và đem về giao trả tận nhà.

Lớn lên, Tô-Vô đã gặp cơ-hội tốt, đề tỏ rõ tài-trí của mình. Vua Hán-Vô-đế chí muốn mở-mang đất nước, nên ham chuyện đánh dẹp, thường phải cho quân ra trấn biên-thùy. Riêng về phía tây-bắc nước Tàu, có nước Hung-Nô (thuộc hai xứ Nội Ngoại Mông-Cô ngày nay) hay quấy nhiễu bờ cõi, làm cho Vô-đế phải đề ý đến luôn. Nhà vua đã nhiều phen hao binh tổn tướng, song không chiến thắng được quân giặc. Hơn nữa, hai viên mãnh-tướng Vệ-Luật và Lý-Lăng thất trận bị bắt, và phải đầu hàng quân Hung-nô. Dùng võ-lực không xong, Vô-đế đổi chiến-lược, dùng ngoại giao may có kết-quả chẳng. Vì vậy, nhà vua tính giảng hòa với Hung-nô, cho sứ đi lại để dò xét nội-tình, sau chờ dịp tốt sẽ cử đại-binh sang chiếm đất nước. Vô-đế chủ-tâm kén một vị triều-thần đủ tài-đức cơ-mưu và sau cùng đã chọn Tô-Vô. Lúc đó, Tô-Vô làm trung - lang trung, tuổi còn trẻ, song tài-trí mưu-lược có thừa. Tuân mệnh vua, ông giữ chức chánh sứ, cầm cờ tiết, đem theo hơn một trăm tùy-viên sang nước Hung-nô.

Một bên, vua Hán dụng-tâm giả ý cầu hòa đề sau này sửa soạn một cuộc xâm-lược lớn, một bên chúa Hung-Nô, rất tinh khôn xảo trá, cũng có dã-tâm muốn lợi-dụng người Hán đề mong có ngày xưng đế tại Trung-nguyên. Bởi thế, khi bắt được Lý-Lăng Vệ-Luật, chúa Hung-nô khéo dụ khiến hai tướng ấy đầu hàng. Được quan cao bằng hậu, hai tướng này quên hẳn Tô-quốc và coi nước giặc làm nước mình, cúi đầu sống trong vòng thao-túng của ngoại-bang.

Tới khi Tô-Vô sang tới nước địch, hai tên hàng-tướng nói trên đã giữ quyền cao, chức trọng lắm rồi. Tô-Vô coi như không biết, cứ việc đưa chúa Hung-Nô xem bức quốc-thư của Hán Vô-đế, ứng đối hoạt bát, cử chỉ đường hoàng, đề giữ tròn quốc-thê.

Chúa Hung-Nô trọng tài-trí của Tô-Vô, lại muốn thu dùng làm tay chân, tưởng dễ-dàng như đã thu dùng trước kia hai tướng Lý-Lăng và Vệ-Luật.

Chúa Hung-Nô hết lời khuyên-dụ, còn Tô-Vô cũng hết lời biện-bạch và khước-từ. Về sau, không biết làm thế nào, chúa Hung-Nô sai Vệ-Luật mời Tô-Vô ra ở riêng tại công-quán, cung đãi rất hậu, nhưng thực ra có ý giam cầm. Vệ-Luật lại nhận được mật-lệnh tìm đủ cách dụ Tô-Vô đầu hàng, nếu thành công sẽ được hậu-thưởng. Vì thế, Vệ

Luật năng lui tới công-quán, cố dùng ba tác lưởi khuyên Tô-Vô qui-thuận; nhưng lần nào cũng bị Tô-Vô cự-tuyệt và lấy chính-nghĩa khuyên Vệ-Luật sớm hối-cải và quay về Tô-quốc. Hần vẫn không tỉnh-ngộ. Một đêm trời rét, mượn cớ đến thăm và giải khuây Tô-Vô, hẳn còn dùng lời đường-mặt : « Tô-quân nên nghe tôi, dùng cố-chấp nữa. Nếu không, sẽ thiệt đến tính-mệnh. Chịu chết như thế, ai biết đến mình và phòng có ích gì ? Chỉ bằng qui-thuận ngay đi. Tài hèn như tôi còn được trọng dụng, huống hồ Tô-quân là bậc đại-tài, tất thế nào cũng được đại-dụng. Nhất-dịnh Tô-quân sẽ cầm chắc trong tay chức vương-hầu... »

Tô-Vô không đợi cho nói hết lời, chỉ vào mặt Vệ-Luật mà trách mắng : « Ta không ngờ mi táng tận lương-tâm đến thế. Đã quên hẳn đất nước, quỳ gối cúi đầu thờ kẻ thù chung đề cầu vinh, tưởng không còn mặt nào trông thấy ta nữa. Ai ngờ mi lại còn mặt dày mày dạn, luôn luôn tới đây đề khuyên ta bán nước theo giặc. Sống nhục như mi cũng bằng thừa, nên sớm đi ngay, và đừng nhận ta là người cùng đất nước, vì nói giương tô-tiên ta đâu có hạng bất cố-liêm-si như mi! »

Vệ-Luật đỏ mặt rút lui, rồi về trình với chúa Hung-Nô rằng Tô-Vô quyết chết không chịu đầu hàng, và xin đem giết đi là hơn. Chúa Hung-Nô mỉm cười phán : « Nếu thế, đầu ta đã cho nó chết ngay. Ta còn phải bắt nó chịu trăm ngàn sự khổ nhục, đề xem gan nó to đến chừng nào! »

Rồi truyền lệnh giam Tô-Vô vào một cái hầm đất tối tăm, suốt ngày không cho ăn uống gì. Bị giam trong hầm, chấn chiếu không có, ngày đêm thường có mưa tuyết, bụng đói cát rét, biết tìm cách gì cho qua cảnh này. Tô-Vô đành phải nhặt những miếng tuyết rơi, và vật những lông áo chiến tạm nhá cho đỡ đói khát.

Sau năm sáu ngày, chắc chắn là Tô-Vô đã mệt hoặc chết vì đói rét, chúa Hung-nô sai người đến dò xem hư thực. Lại thay ! Tô-Vô vẫn diêm-nhiên ngồi trong hầm, nét mặt không có gì sợ hãi mệt nhọc.

Chúa Hung-Nô rất đỗi ngạc-nhiên, ngỡ là thần-nhân, song vẫn tìm cách hành-hạ Tô-Vô, bèn hạ-lệnh đẩy ông lên Bắc-Hải, một miền giá lạnh quanh năm, và ít bóng người qua lại. Ngoài ra, lại còn giao cho một đàn dê đực, bắt phải chăn nuôi, và ra lệnh sẽ tha cho về nước, khi nào đàn dê kia đẻ ra dê con ..

Tô-Vô biết rõ dã-tâm của chúa Hung-Nô, nên chỉ mỉm cười và diêm-tĩnh theo một toán lính lên Bắc-Hải.

Miền này rét lạnh vô cùng, đất ít người thưa, kiếm được cơm gạo ăn rất khó, nhưng Tô-Vô cũng coi thường. Ngày ngày, Tô-Vô thả đàn dê ra một bãi cỏ, mặc cho chúng tự ý đi lại kiếm ăn, còn ông dành tìm những con chuột đồng giết thịt, và bứt cỏ non ăn tạm cho nhớ bữa. Trời tối, ông lại đờn đàn dê về nghỉ trong nhà hầm.

Ở Bắc - Hải, Tô-Vô sớm tối lấy đàn dê làm bầu bạn (1). Ngoài ra, còn một bảo-vật rất quý, không mấy khi ông rời tay: đó là một lá cờ tiết mao, hình-ảnh của Tô-quốc xa-xăm và biểu-hiệu về sự-mệnh của ông. Rồng-rã bao năm tháng, râu-rãi bao tuyết sương, ông luôn luôn cầm trong tay lá cờ thiêng-liêng ấy đêm ngày, mỗi lần nhìn lá cờ ông lại khắc-khoải nhớ tới non sông. Nhưng tua trên lá cờ dần dần theo ngày tháng trút rụng hết, sau chỉ còn trơ lại chiếc cán không.

Tháng lụn ngày qua, thắm thoát đã được 19 năm trời. Bấy giờ, chúa Hung-Nô suy yếu, phải khàn khoản cầu hòa. Vua Hán bắt buộc phải tha ngay Tô-Vô về nước mới nhận lời và có sai sứ-giã sang tìm. Chúa Hung-Nô nói dối là ông bị bệnh chết từ lâu. Một viên quan là Thường-Huệ sui-sứ-giã nói bịa rằng: « Vua Hán sẵn trong vườn Thượng-Lâm, bắt được con chim nhạn ở chân có buộc bức thư bằng lụa của Tô-Vô gửi về ». Chúa Hung-Nô sợ không dám giấu quanh, phải sai một đạo quân hộ-tống tới biên-tành để đưa bọn Tô-Vô về nước.

Vua Hán cảm kích và ngợi khen vô hạn lòng trung-dũng và chí kiên-cường của Tô-Vô. Nhà vua phong thưởng cho ông chức Điền-thuộc-quốc và hạ lệnh vẽ tượng ông tại gác Kỳ-Lân.

Dù được tha về và được vua Hán phong thưởng rất hậu, Tô-Vô không khỏi có điều thương-tâm. Trong hơn một trăm tùy-viên xưa theo ông đi sứ, nay trông lại chỉ còn sống-sót 9 người, còn bao nhiêu đều bỏ mình nơi đất khách. Riêng phần ông, nhớ lúc vàng mệnh ra đi còn là bậc thanh-niên tuấn-tú, cường-tráng, nay trở lại đất nước nhà, dù tuổi mới ngoài năm mươi, mà râu tóc đã bạc phơ!

Song thực ra, có làm sao đâu! Trong thâm-tâm, ông vẫn tự-hào rằng: « Các người theo ông, dù ai đã vì Tô-quốc bỏ lại năm xương khô nơi đất khách, nhưng hậu-thế vẫn còn ghi công mãi: những bậc anh hùng vô-danh đó tuy mệnh có yểu mà danh vẫn thọ. Còn ông, dù râu tóc đã thêm sương, song tấm lòng son của ông đối cùng nhật nguyệt, cùng non sông, vẫn giữ trọn màu tươi thắm như xưa. Không ai có thể khinh ông được, nếu đời còn biết trọng khí-tiết, biết trọng quốc-gia dân-tộc...»

(1) Có sách còn chép: trong lúc phải chân dê nơi Bắc-Hải, ông có lấy làm vợ một người vợ, một lòng trung thành với ông và đã tử-tiết, vì đã không kíp theo ông về nước,



LÃO TỬ ĐẠO ĐỨC KINH

quốc-văn giải-thích
(tiếp theo V. H. N. S. số 11)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

XVII

遂	馬	侮	而	太	
百	悠	之	譽	上	十
姓	兮	信	之	不	七
皆	其	不	其	知	章
謂	貴	足	次	有	
我	言	馬	畏	之	
自	功	有	之	其	
然	成	不	其	次	
事	信	次	親		

DỊCH ÂM

THẬP THẤT CHƯƠNG

Thất thượng, hạ tri hữu chi. Kỳ thứ, thân nhĩ dự chi. Kỳ thứ, úy chi. Kỳ thứ, vũ chi. Tín bất túc yên, hữu bất tín yên, Du hề kỳ quý ngôn, công thành sự tại, bách tính đại vị ngã tự nhiên.

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

Bạc Thánh trên nhất, kẻ bên dưới biết rằng có mình. Bạc dưới, họ yêu, gần mà ngợi khen. Bạc dưới nữa, họ sợ, Bạc dưới nữa, họ khinh nhờn (1).

Không đủ tin nên họ không tin.

Lo nghĩ chừ, quý lời nói ; công nên, việc thỏa, trăm họ đều bảo rằng : « tự nhiên bởi ta ».

CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản

Hạ tri hữu chi 下知有之 :

Theo Hồ Thích, các bản Vĩnh Lạc 永樂, Đại Điền 大典 và bản của Ngô Trùng 吾澄 đều chép : « Hạ bất tri hữu chi 下不知有之 ». Bản Cờ đặt từng thư 古逸叢書 của Nhật cũng chép : « Hạ bất tri hữu chi », lấy nghĩa rằng : « Bạc trên nhất theo dùng chính sách vô vi một cách tuyệt đối, nên kẻ dưới không biết có mình. » Nhưng trái lại, theo Trần Trụ thì trong thiên Thuyết Nan 說難 của Hàn Phi tử 韓非子 và thiên Chủ Thuật huấn 主術訓 của Hoài Nam tử 淮南子 đều chép « Hạ tri hữu chi », cũng giống như bản cũ, vậy chắc bản cũ đúng.

Thân nhi dự chi 親而譽之

Bản của Phó Dịch đổi ra là : « Kỳ thứ thân chi 其次親之, kỳ thứ dự chi 其次譽之 »

Tín bất túc yên, hữu bất tín yên 信不足焉有不信焉

Bản của Hà thượng công không có chữ yên 焉 dưới.

Vương Niệm Tôn 王念孫 cũng chủ trương như thế và nói : Trong câu : « Tín bất túc, yên hữu bất tín 信不足焉有不信 », chữ yên 焉 có nghĩa như chữ Nãi 乃 (=bèn) hay như chữ 卮 thì 於是 (=ở chuyện ấy)

(1) Phần trên này, hoặc có thể dịch là :

Ở đời rất cổ xưa, kẻ bên dưới biết rằng có đấy.

Rồi sau, họ yêu, gần mà ngợi khen.

Rồi sau, họ sợ

Rồi sau nữa, họ khinh nhờn...

Bản của Mã Kỳ-Sưởng 馬其昶 chép không có cả hai chữ yên 焉.

Du hề kỳ quý ngôn 悠兮其貴言

Bản của Phó Dịch chép là : Do hề kỳ quý ngôn tai 猶兮其貴言哉

Mã Kỳ Sưởng rằng : Chữ kỳ 其 đọc làm chữ khởi 岿

Công thành sự toại, bách tính dai vị ngã tự nhiên 功成事遂百姓皆謂我自然

Mã Tự Luân rằng : Mười một chữ này nên đặt xuống chương XXXVII

Thái thượng 太上 : 1— Tối thượng : trên rất mực, trên hết, trên nhất.

Trong thiên Khúc Lễ, kinh Lễ, có câu : « Thái thượng quý đức kỳ thứ vụ thi báo : 太上貴德其次務施報. Lời số rằng : Thái thượng là nói đời Tam Hoàng, Ngũ Đế. Cũng viết là 大上

Trong Tả truyện (Tương công năm thứ 24 : Mục Thúc tôn Báo khi đi xứ Tấn, đáp lại một câu hỏi của Phạm Tuyên tử), có câu : « Thái thượng hữu lập đức 大上有立德 »

Lời chú rằng : 大 âm thái.— Hai chữ Thái thượng trở Hoàng-Đế, Nghiêu, Thuấn.

Lời số rằng : Thái thượng là nói người trên hết, bậc người « rất thánh », bậc Thánh trên nhất.

2— Nói ở ngôi trên, ngôi tôn quý.

Trong Hán-thư truyện Khuông Hành, có câu : « Ngôn Thái thượng dã, dân chi phụ mẫu : 言太上者民之父母. »

3— Thái cổ, rất xưa.

Trong Tấn-thư, truyện Ứng Trinh 應貞 có câu : « Du du thái thượng, nhân chi quyết sơ 悠悠太上民之厥初. »

Thân 親 : 1— Thân gần, gần.

2— Mến yêu

Dự 譽 : khen

Ú 畏 : sợ

Vũ 侮 ; khinh nhờn

Thái thượng hạ tri hữu chi, kỳ thứ thân nhi dự chi, kỳ thứ úy chi, kỳ thứ vũ chi.

Câu này có thể giảng theo hai lối, tùy hai nghĩa của chữ *thái thượng*.

A— *Thái thượng* là bậc người trên hết, rất có thánh đức.— Bạc nhân chủ, bậc Thánh cao nhất, ở trên « làm cái việc không làm ».

thực hiện « *cát dạy dỗ không lời nói* » khiến muôn vật đều sinh ra hợp với Mệnh chính đáng, nuôi dưỡng thuận theo bản tính tự nhiên; cho nên còn thiết lập chính trị, thi hành giáo hóa để làm gì ? bên dưới, người dân tự họ thích thẳng noi theo, tùy tiện an hành và cũng chỉ biết rằng có bậc nhân chủ ở trên thôi đó mà thôi vậy.

Bậc dưới là bậc nhân chủ theo đạo Hữu vi, thi ân bố đức, đem điều lành làm cho dân chúng, khiến dân chúng cảm động, thân gần, yêu mến, ngợi khen.

Bậc dưới nữa là bậc người không dùng đức, dùng ơn, chỉ uy hiếp lẽ thứ bằng pháp quyền, khiến ai nấy không yêu mà lại sợ.

Rồi đến bậc dưới nữa, phép tắc, mệnh lệnh không thi hành được, đến đối: « *Hiệu lệnh không ra khỏi cửa quách* », hèn chi mà chúng chẳng khinh nhờn !

B— *Thái thượng là đời rất dễ xưa.*— Dân đời rất dễ xưa chỉ biết rằng có người nhân chủ ở theo lẽ đương nhiên như ta hút thở khí trời; xuống đến đời sau, họ thân gần yêu mến ngợi khen; xuống đến đời sau nữa, họ sợ sệt e dè, lại xuống đến đời sau nữa, họ khinh thường rộng rãi.

Tuy câu Hán văn nghĩa không rõ rệt nhưng ta cũng thấy được đây nói về mối liên quan giữa vị nhân chủ và dân chúng. Theo Lão-tử, Vô vi trên nhất, Hữu vi ở dưới, và càng hữu vi thì sự cảm hóa của dân chúng càng kém: trước họ còn yêu, rồi họ sợ, rồi họ rộng rãi khinh nhờn.

Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

Tại sao bên dưới sinh ra rộng rãi khinh nhờn ? ấy chỉ vì người trên chính lệnh không nghiêm minh, cư xử không lấy thành thực làm đầu, nên dân chúng mất lòng tin tưởng, eay trông, chẳng qua là lẽ thường gieo gì gặt nấy.

Du 德 : 1 — Lo

2 — Nghi

Hai chữ: Du 德 兮 ở đây dùng để hình dung về quý trọng lời nói.

Quý ngôn 貴言: Coi lời nói là có giá đắt, là đáng trọng.

Sự toại 事遂: Nói: công việc đã làm được vừa như ý mong muốn của mình.

Đu hề kỳ quý ngôn, công thành sự toại, bách tính dai vi :
« *ngã tự nhiên* »

Tốt hơn cả, cao quý nhất là « *không làm mà được sửa sang* » (vô vi trị) nên bậc nhân chủ lo, nghĩ, dăm dăm không nói, hoặc rất thận trọng giữ gìn, ít nói, không gượng ép tranh cường, đặt bày nhiều truyến, không muốn rồi bời, ra nhiều mệnh lệnh, cốt sao cho dân an cư lạc nghiệp, ấy là phép *Thái thượng chi trị* 太上之治 (phép sửa trị cực cao) .

Kìa ta chẳng xem : « ... Bốn mùa cứ xoay vần, trăm vật cứ sinh ra, Trời có nói gì chẳng ? » (1) cho nên mới bảo rằng : « Lo nghĩ chừ ! quý lời.. » Công thành rồi ! việc xong rồi ! Trăm họ không cảm thấy có nhân chủ, có nhà cầm quyền can thiệp vào đời sống nhân dân ; trái lại, họ cho rằng sự thành tựu ấy do *chính bất ngay lực lượng tự nhiên của họ*.

Thật vậy. « tự nhiên » nghĩa là gì ? nghĩa là không thấy đầu mối tại đâu mà tới, « làm cái việc không sửa sang, dạy dỗ không cần lời nói », *không lấy hình dạng vật* (2) thế mà công thành, việc xong theo lòng mong ước, nhân dân không hề biết « *bất có làm sao ?* »

ĐẠI Ý KIỂM TÔNG BÌNH

Chương này nói rõ cái hay của phép « *Trị vô vi* ». Lão-tử chủ trương rằng kẻ cầm chính quyền càng theo phép Hữu-vi, đường lối sửa sang ngày càng thêm xấu, dở.

Có bậc nhân chủ thi ơn bố đức, tự nhiên tỏ rõ có nhân dân khổ sở khốn nạn ; có bậc nhân chủ xây dựng uy lực quyền thế, tự nhiên tỏ rõ có nhân dân sợ hãi lánh xa.

Phép luật ngày một nghiêm, kẻ phạm phép ngày một nhiều, hiệu lệnh ngày một phiền phức lồi thối, kết quả thảm hình hơn hồ dữ, rắn dài, khiến trăm họ khôn nẻo đặt tay chân, âu cũng là cái thế tất nhiên, nên Lão-tử mới đề xướng thuyết « *Vô vi nhi trị* »

1) *Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên, Thiên hà ngôn tai* :
四時行萬物生萬天何言哉 (Hạ Luận : Dương Hóa).

2) *Bất dĩ hình lập vật* 不以形立物 (Lời chú của Vương Bật).

臣	家	和	大	義	大	
昏	有	偽	慧	道	十	
亂	孝	六	智	廣	八	
有	慈	親	出	有	章	
志	國	不	有	仁		

DỊCH ÂM
THẬP BÁT CHƯƠNG

*Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa. Tuệ trí xuất, hữu đại nguỵ.
Lục thân bất hòa, hữu hiếu từ. Quốc gia hôn loạn, hữu trung thân.*

DỊCH NGHĨA
CHƯƠNG MƯỜI TÂM

Đạo Lớn bị bỏ đi, nên có nhân nghĩa. Trí khôn sáng suốt linh mẫn sinh ra nên có đối đãi lớn. Sáu "thân" không hòa thuận yên vui, nên có kẻ thảo, người lành. Nước nhà tối tăm lộn xộn rối ren, nên có bề tôi hết lòng hết dạ.

CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản

Trí tuệ xuất 智慧出: Bản của Hà-thương công và nhiều bản khác thường đổi ra "trí huệ" 智慧. Theo tự điển Khang-Hi, chữ tuệ 慧 và chữ huệ: 惠 đời xưa dùng thông nhau.

Hiếu từ 孝慈 trung thân 忠臣: Bản của Phó Dịch chép là Hiếu tử 孝子 trình thân 貞臣.

Trong bản Quảng-Minh (niên hiệu Đường Hy-Tông 880 sau J.C.), dưới các chữ phế 廢, xuất, 出, hòa 和, loạn 亂, đều có chữ yên 焉

Phế 廢: Bỏ đi

Tuệ 慧: Trí sáng láng, lanh lẹ

Trí 智: 1-khôn.

2-năng khiêu hiệu thấu sự lý

Ngụy 偽: Đối đãi

Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa. Tuệ trí xuất, hữu đại nguỵ

Nhân nghĩa là tiếng tốt, làm điều nhân nghĩa, là việc tốt; nhưng khi Đạo Lớn chưa bị bỏ, thì nhân nghĩa chưa cần thiết quan trọng; kịp đến khi thiên hạ quý chuộng nhân nghĩa, ấy là lúc tính chất thản hậu của xã hội đã mất đi.

Trí khôn sáng láng mau lẹ là điều hay; người có trí tuệ là người thông minh hơn đời; nhưng lẽ thường, những việc đối-dãi, lọc lừa chính do trí tuệ mà sinh ra; như vậy đủ biết khi trí tuệ được tôn sùng, ấy là lúc xã hội đã trùng trùng đen tối.

Thật vậy, ở đời Thái Cồ, Đạo còn nguyên vẹn, người trên theo phép "vô vi trí", dân chúng ăn với đất, vui với trời, (1) cùng nhau giao tiếp, hòa thuận mà không hề xâm phạm nhau hay trái lẽ, hỏi Nhân và Nghĩa còn hiện hiện cách nào? chỉ từ khi Đạo bị bỏ đi, con người ghen ghét nhau, hóa ra giành giật tranh đua, hoặc gây rối loạn làm mất trật tự công bằng, lúc ấy Nhân Nghĩa mới có đất phát sinh và đáng đề cao vì trở nên thiết yếu.

Có trí khôn sáng láng mới có dả dối lường gạt; người cầm quyền theo phép "hữu vi" càng đặt bày ra luật lệ nghiêm ngặt để phòng ngừa tra xét, trừng trị, kẻ dưới lại càng đem trí tuệ ra thi triển, càng nghĩ ra những thủ đoạn quỷ quyệt để tìm cách lọt khỏi lưới hình.

Lục thân 六親: sáu người thân: cha mẹ, anh em, vợ chồng.

Hiếu 孝: Thảo; nói con thờ cha mẹ hết lòng.

Từ 慈: Lành, yêu rất mực. Cha mẹ yêu con gọi là từ.

Có bản đổi Hiếu từ 孝慈 ra làm hiếu tử 孝子 để đối với Trung thân 忠臣 ở dưới.

Hôn: 昏 Tối tăm, hồ đồ.

Loạn: 亂 Bối rối không yên

Trung: 忠 Thực dốc lòng hết bòn phận.

Lục thân bất hòa, hữu hiếu từ; quốc gia hôn loạn, hữu trung thân.

Từ 慈, hiếu 孝, trung liệt 忠烈 đều là những danh từ đẹp; người cha lành, người con thảo, người bề tôi hết lòng vì vua vì nước

1— *Giao thực hồ địa, giao lạc hồ thiên* 交食乎地交樂乎天
(Trang tử: Nam-hoa kinh.— Canh Tang sớ)
(Xem phần phụ lục, cuối chương X)

đều là người ăn ở tốt; nhưng nếu xét qua mặt trái, ắt hẳn phải sâu thẳm không hòa thuận, kẻ lành kẻ thảo mới rõ rệt; nước nhà loạn lạc, hắc ám, người bề tôi dốc tâm thờ nước mới phơi giải được niềm trung. Vì phòng trong gia đình trên thuận dưới hòa, vì phòng trong một nước chính trị nghiêm minh, hỏi ta còn làm sao phân biệt được ai thảo ai lành? ai trung-thần, ai nịnh tặc?

Vua Nghiêu không phải không là con thảo, nhưng người đời chỉ ca ngợi đức hiếu của vua Thuần, ấy bởi vì vua Thuần có cha là Cồ Tâu; Y Doãn, Chu công không phải không là bề tôi gương mẫu, nhưng người đời chỉ tán dương đức tốt của Long Bàng, Tỳ can, ấy bởi vì hai ông có vua là Kiệt. Trụ; cho hay cái danh thật đẹp sinh ra từ cái Ác cực lớn; Mỹ, Ác cùng « một cửa » và chỉ xuất hiện khi Đạo đã phân chia.

ĐẠI Ý KIỂM TÔNG BÌNH

Trong chương này Lão-tử thở than trước những hiện tượng bất lương khi Đạo lớn không còn. Đời thái bình làm gì có bày tôi trung? nhà yên vui làm gì có con hiếu cha từ? Nay đã thấy trung thần đáng quý ắt bởi nước lâm vào cảnh loạn ly; con thảo đáng trọng ắt bởi gia đình không hòa thuận.

Đời biết lấy Nhân Nghĩa làm đáng sùng thượng tức là thiên hạ đầy rẫy bất nhân bất nghĩa, khác nào cá biết trọng nước vì đã biết có cái lo thiếu nước, tóm lại ý Lão-tử muốn Đạo Đức người người đều như nhau, không thể có chỗ nào mà so sánh, nên không thấy có Nghĩa, có Nhân. Nếu Nhân Nghĩa phát sinh ra, ấy là giữa người với người không còn bình đẳng về phương diện tinh thần, do vậy mới có so đo và sự sai biệt giữa hai đường: Nhân cùng Bất-Nhân, Nghĩa cùng Bất-Nghĩa.

o o

PHỤ CHÚ.— Ta cũng có thể coi như chương này chống lại Đạo Không và những cố gắng xây dựng một nền luân lý của Không-tử. Khi muôn vật đều sống tự nhiên theo bản tính, không có con người ra tay can thiệp, không có sự gượng gạo gò ép, thì không có lý do cần phải thực hành các đức: Nhân, Nghĩa, Từ, Hiếu, Trung vừa nói ở trên.

Các đức « hữu vi » ấy phạm vào tư chất thiên nhiên của loài người và chỉ phát sinh để đối lập lại với một xã hội trụy lạc bất lương: nó chứng tỏ Đạo đã mất rồi. Học thuật « nhân vi » từng được Tuân-tử đề cao vì Tuân-tử muốn đem lễ giáo cải thiện tâm hồn; thứ văn hóa « nhân tạo » ấy chính là « Ngụy » vậy.

1380

PHỤ-NỮ ĐÔNG-PHƯƠNG VỚI TINH-THẦN QUỐC-GIA

của CAO-NHÃ

À N giờ trang sử về phụ-nữ Đông-Phương, ta không khỏi cảm-kích trước tấm gương nghĩa liệt, chí hy-sinh và tài cảm-hóa của một số người sống trong lúc quốc-gia nguy-biến đã hăng-hái quyết làm tròn nhiệm-vụ công dân,

Đề chứng-minh lời nhận xét trên, xin lần lượt tạm trích dưới đây, mấy đoạn truyện ngắn về phụ nữ Đông-Phương riêng ở Nhật-Bản, Trung-Hoa và Việt-Nam. Ấu cũng là một cách nêu cao địa-vị quan-trọng của phụ-nữ trong việc phụng sự quốc-gia..

I.— Liều chết để chông để làm việc nước.

Năm 1904, Đông-phương sôi nổi về cuộc Nga-Nhật chiến-tranh, và hồi-hộp chưa rõ sự chiến thắng sẽ ngã về ai. Riêng ở Nhật-Bản, toàn dân sôi-nổi hơn ai hết, và nô-nữ đều nhau rèn luyện tinh-thần ái-quốc và thượng-võ. Một viên trung-úy Nhật Kokugan, con trai một vị đại-tướng vừa cưới vợ xong, liền được lệnh khẩn-cấp gọi nhập-ngũ. Đêm hôm sắp sửa biệt-ly chính lại là tối tân-hôn, viên trung-úy khỏi nào chàng bịn-rịn. Ngoài mặt, chàng vẫn vui-vẻ, gượng nở cười. Nara, người vợ mới cưới của chàng, hiểu ý, vẫn tươi tỉnh như hoa. Nàng âu-yếm đưa tặng chông một thanh bảo-kiếm sáng loáng, một di-sản quý nhất của thân-phụ nàng, và dịu dàng thưa: « Đây là thanh bảo-kiếm của thân-phụ em đã dùng lúc sinh thời. Mỗi khi ra trận, nhờ nó, thân-phụ em đã bách-chiến bách-thắng, đề đền nợ nước. Muốn đáp tạ tấm lòng tri-ngộ và thương nhớ của anh khi phải xa em, em xin cung-kính tặng anh thanh gươm báu, mà em coi là một bảo-vật quý giá nhất trong đời em, ngoài anh ra... Em thiết-tha ước mong anh sẽ vì em làm tăng giá-trị thanh bảo-kiếm và mỗi khi cầm nó trong tay, anh sẽ vui lòng nghĩ đến em là người vợ mới cưới, bao giờ cũng giữ một lòng thủy-chung tương nhớ đến anh... »

Trung-úy Kokugan cảm động và sung-sướng vô cùng, tay hơi run run đỡ lấy gươm, trí tưởng tượng như thấy uy-hùng và thanh-danh của nhạc-

1381

phụ hiện rõ trên lưới kiếm sáng quắc này. Suốt đêm hôm ấy, chàng vẫn trọc không ngủ. Sáng sớm, chàng vội bước sang buồng bên để đáp lễ vợ. Chàng tái mặt, vì thương ôi ! người vợ của chàng chiều hôm trước còn nói cười uyển chuyển, sớm nay đã thành người thiên-cò. Hồng-nhan đoán mệnh đến thế là cùng ! Chàng ngo ngác nhìn xa nhìn gần, chợt thấy trên bàn một phong thư để lại, vội mở ra xem, thấy mấy dòng sau đây :

Thưa Anh...

Được anh đoái thương, thật là một vinh-dự cho đời em. Em vẫn nhớ « xuất giá tòng phu » và « nhập-gia tùy tục » và em thiết-tha mong được hầu-hạ song-thân và anh. Tiếc thay ! em rất ân hận không thể làm trọn điều mong ước, mà đã vội lìa trần. Song anh ơi, đời ta không may gặp gỡ trong một thế-hệ đau thương, và giữa lúc quốc-gia hữu-biến, Em nghĩ nếu em ham sống, lòng anh bịn rịn đi sao cho đành... Em bèn tạm mượn cái dây áo rút ở chiếc áo anh tặng em, trộm phép kết-liều đời em để anh khỏi bận lòng. Tất nhiên, anh sẽ rộng đường vùi vẩy, bảo-vệ cho đất nước. Em rất quý anh và thiết-tha mong rằng mai đây anh sẽ lập công lớn giúp Tổ-quốc thân yêu.

Thương em, xin anh nhớ những lời em dặn và chắc hẳn không bao giờ anh để thanh bảo kiếm của thân phụ em, hiện ở trong tay anh gìn giữ, phải tủi nhục lần nào...

Tình thương mến kẻ sao cho xiết ! Em chỉ xin thành-kính hẹn tới kiếp sau, cùng anh tái-ngộ.

Em của anh.

... Vài năm sau, trận Nga-Nhật chiến-tranh kết-liều, nước Nhật đánh bại nước Nga, uy-danh vang động thế-giới. Đại-tá Kokugan, 28 tuổi, sau khi đã rửa hận cho đất nước và lập nhiều chiến-công lớn-lao và oanh-liệt, mới được thông thả trở về quê hương. Ngâm-ngùi nghĩ đến người xưa, chàng trào lên đời núi Urakami thăm phần mộ nàng Nara. Có xanh mọc đã phủ kín. Chàng tê tái, nuốt lệ nghĩ lại truyện xưa, và nghiêng mình đứng trước nơi an nghỉ cuối cùng của trang liệt-nữ. Chàng có cảm-tưởng là kẻ chiến-bại đứng tạ lỗi trước người vợ hiền-hòa. Có ngờ đâu nàng đã lấy sự hy sinh đau thương, để dạy cho chồng một bài học ái-quốc vô cùng thấm thía, và nhân đó quất mạnh vào chí-khí của người chiến-sĩ biết phụng-sự quốc-gia. Nếu không có bài học cứu-quốc kia, biết đâu chàng đã sớm có sự chiến thắng rực rỡ ngày nay !...

II.— Sống sao cho xứng đáng là người

Đời Xuân-Thu bên Trung-quốc, có nàng Bá-Doanh. Nàng là vợ vua Bình-vương, mẹ vua Chiêu-vương nước Sở, nhan-sắc tuyệt vời. Hồi đó, nước Sở đương suy nhược, nhà vua hãy còn nhỏ, chưa biết đạo trị dân. Quân nước Ngô sang xâm lấn nước Sở, vào đến tận quốc-đô. Sở-Chiêu-vương phải trốn chạy. Vua Ngô Phù-Sai là kẻ hiếu-sắc, khi vào nước Sở, cứ lần lượt đi đến từng cung, cưỡng-bách các phi-tần hầu hạ. Khi tới cung nàng Bá-Doanh, Ngô-Vương lại muốn gả ngay trở cũ... Bá-Doanh tay cầm sẵn một con dao sắc và nhọn, nghiêm giọng nói : « Thiếp tôi vẫn nghe miệng đời nói sống mà nhục, không bằng thác mà vinh. Nếu nhà vua bỏ những điều lẽ nghĩa làm tiêu-biểu cho dân, không xứng đáng là vua thì lấy gì để trị nước ? Nếu thiếp tôi phải mang tiếng dâm-ô, không xứng đáng là người, thì lấy gì mà sống ở đời, Thế là làm một việc mà nhục cả đời bên, không những thiếp tôi nhục mà nhà vua cũng nhục cả phần còn hơn... Bởi vậy, thiếp tôi xin cố chết giữ-gìn, để tránh khỏi những điều nhục ấy và cũng vì vậy, thiếp tôi không dám phụng-mệnh nhà vua. »

Nghe lời khảng-khái, Ngô-vương hồ-thẹn lui ra, ... Truyện lan ra ngoài, dân nước Sở rất thần phục về hành-vi của nàng Bá-Doanh và càng rõ nghĩa về chữ vinh-nhục trong đời. Dân-tâm phấn-khởi, gây một cơ hội tốt cho vua Sở, không bao lâu khôi-phục được nước. Sở-Chiêu-vương lại về, mẹ với con, nhà với nước, lại được như xưa, biết đâu không phải do ảnh-hưởng về bài học vinh-nhục của Bá-Doanh ?

III.— Vì nước theo chồng,

Bà Phan-thị-Thuần, tên chữ là Băng-Nữ, người huyện Thạch-Hà, là vợ lẽ ông Ngô-cảnh-Hoàn, người đồng-huyện ở làng Trảo-Nha.

Ông Ngô-cảnh-Hoàn làm chức đô-thống dưới đời Cảnh-Hưng, nhà Hậu-Lê. Gặp lúc vận nước suy-vi, ông thường ngày ngâm-ngùi, than-thở. Bà thừa khi nhàn-hạ, có hỏi ông : « Tướng-quân vì sao gần đây kém vui, hay là quốc-gia có trọng-sự gì mà lo như thế chẳng ? » Ông đáp : « Quân Tây Sơn ngày càng mạnh, việc đời ngày càng biến đổi, ta chịu ơn nước đã nhiều, thế nào cũng phải lấy cái chết mà đền ơn nước ». Bà khóc rằng : « Tướng-quân hể thác vì nước, thiếp tôi cũng xin chết theo tướng-quân ».

Không bao lâu, quân Tây-Sơn từ sông Vij-Hoàng (thuộc Nam-Định) kéo thẳng lên bến Thủy-Ái, thủy-quân của chúa Trịnh chạy tán-loạn, không dám giao-tranh. Duy có ông Ngô-cảnh-Hoàn, cùng vài chục tên quân dấn ở mũi thuyền, chống cự đến cùng. Không may ông bị địch quân bắn ngã xuống sông mà chết (1).

Tin buồn đưa về, cả nhà đều khóc-lóc. Riêng bà Phan-thị-Thuần, ra vào vẫn bình-thản tự-nhiên. Bà không chịu đội lấy áo tang, nhưng thường ngày vẫn hầu hạ trước linh-tọa, khi cúng cơm, khi trải nệm, không khác gì lúc chồng còn sống. Trước thái-độ như vậy, họ hàng làng xóm có nhiều người lên tiếng mỉa-mai, chê-trách. Bà làm lơ như không nghe tiếng.

Chờ đến ngày lễ bách-nhật, bà mời tất cả người trong họ đến thưa: « Tôi được hầu hạ tướng quân đã lâu. Nay tướng-quân hết lòng trung với nước mà chết, thì tôi cũng phải trọn nghĩa với chồng mà chết theo. Điều này, lúc trước tôi đã hẹn với tướng-quân, nay không dám sai ước. Và lại, tướng-quân chết ở sông Thủy-Ái, lấy nước sông làm quan, lấy cát sông làm quách, nay tôi cũng xin gửi thân cho dòng sông ấy, hạp may được hóa làm cỏ chi cỏ lan ở bến sông, để lại có dịp gần gũi tướng-quân ».

Nghe lời bà ngờ ý muốn tuân-tiết theo chồng, cả họ đều tỏ vẻ kinh-ngạc và hết sức khuyên ngăn. Bà nhất-định không nghe, thẳng bước ra bến sông Thủy-Ái, lập đàn tế chồng và tụng kinh niệm phật luôn ba ngày đêm. Gần xa nghe tin tới xem rất đông.

Lập xong đàn tế, sáng hôm thứ tư, bà vận bộ quần áo rất đẹp, cùng vài đứa thị-nữ, cho chèo thuyền ra giữa sông. Bà đứng ở đầu mũi thuyền, trông lên bờ chấp tay vái biệt họ hàng, lại quay về phía làng cha mẹ để lạy mấy lạy, rồi nhẩy xuống sông mà chết.

Dân làng Thủy-Ái cảm lòng tiết-nghĩa của bà có lập miếu thờ, đến nay hương khói vẫn còn. Đời sau, rất nhiều thi-gia, khi qua miếu thờ, để vịnh đề lòng tỏ sùng bái một vị liệt phụ hiếm có, đã treo cao gương tiết nghĩa. Xin lược trích mấy vần dưới đây:

**Kháng khái tông vương dị,
Thung-dung trư nghĩa nan. (2)**

(1) Có sách chép: « Biết thế quân suy yếu không thể cầm cự được, ông nhẩy xuống sông mà chết. »

(2) Háng-khái theo việc nhà vua thì dễ, thung-dung chết vì việc nước thì khó.

*Phận bọt bèo xiết nổi khách hồng-nhan,
Lòng vàng đá dễ thua ông Tiêu-Trạch.
Trung sơ sự (1), chàng đành kiệt-lực,
Nhất nhi chung (2), nàng vẹn chữ tông.
Lấy áo xiêm mà trả nợ non sông,
Đem lòng trắng giải cang bích-thủy.*

*Nhi-hà phong trích cương thường lễ,
Thủy-Ái ba đào tiết nghĩa thân (3)*

*Người liệt-nữ, kẻ trung-thần,
Gương trước đề soi chung lai-thế.*

Nào ai kẻ trung-thần nghĩa-sĩ?

*Đề cương-thường một đấng phụ-nhân.
Đùn-đùn khỏi tòa giang-tân...*

IV. — Khuyên con biết đường giúp nước

Cuối đời Hậu Lê, vua Lê-chiều-Thống đem hoàng-hậu và thái-tử cùng một số quân quan chạy xa kinh thành Thăng-Long, kéo nhau sang Tàu, xin vua Thanh cho đem binh mã sang cứu giúp, để đánh đuổi Tây-Sơn. Hồi bấy giờ, nhân tâm nao động, giặc cướp nổi dậy như ong. Tại làng Thọ-Xương (thuộc Hà-nội bây giờ), nhà họ Hà có hai anh em, anh là Hà-Dần, em là Hà-Ngọc, đều là học trò. Gặp thời loạn, hai anh em phải xếp bút nghiên, tính việc giữ đất nước, và lo sự an ninh cho dân, nên đứng ra tập hợp các tráng-dinh trong làng, tổ chức thành một đoàn, gọi là Thọ-Xương nghĩa-đoàn, để giữ gìn cho làng xóm khỏi bị giặc cướp tràn lan.

Nghĩa-đoàn này lập được hơn một năm, thời xảy ra việc vua Lê chạy sang Tàu, Nhân-dân nhiều người muốn đi theo. Anh em họ Hà lưỡng lự cũng muốn thế, song còn do-dự chưa quyết hẳn. Bà mẹ biết truyền, liền cho gọi hai con đến trước mặt, dẫn-dụ những điều hơn thiệt: « Đây hai con! Các con đã cần nhắc kỹ những việc làm trong lúc này chưa. Các con đọc sách thánh hiền, há lại chẳng từng nghe câu: « *Thức thờ-vụ giá ư tuân-kết* » ư? Hai con đã nhận rõ tình-hình nước ta ra sao chưa, mà đã lăm le chạy theo vua Chiếu-Thống định làm trò gì? Các con muốn dựng chút công-nghiệp ở đời, cần phải nghĩ đến Tổ-quốc, chứ nên khu khu nghĩ riêng tới một nhà... Nhà Lê đối với dân ta ân-trạch từ xưa rất nhiều, nhưng các đời vua sau đã nhu-nhược và thiếu sáng suốt, trước để họ Mạc chiếm đoạt ngôi vua, sau khi phục-hưng, vẫn không biết tình-ngộ, lại để Chúa Trịnh kiếm chế uy-quyền, việc

(1) Hết lòng với người của mình thờ.

(2) Theo một người cho đến suốt đời.

(3) Dở giọt nước mắt vì cương thường ở trước mũi giáo lưỡi gươm trên sông Nhi-hà; liều tâm thân tiết nghĩa ở trong cơn sóng gió bến Thủy-Ái.

(4) Nghĩa là: Có biết rõ thời thế mới là người tuân-kết.

giữ nước trị dân lo không nổi, đề ngày nay đại loạn. Đã không tìm cách tự cứu lấy mình, lấy dân, lấy nước, lại bỏ kinh-thành chạy sang Tàu, đi rước quân Thanh đề mong khôi-phục ngôi vua, có biết đâu đã tính một nước cờ rất thấp, bỏ ông tay áo, rước voi dày mỡ... Rước quân Thanh sang đây, đâu nó chịu tồn tướng hao binh giúp không cho nước ta. Rất may là nó bị quân Tây-sơn đánh thua chạy về nước; phòng thủ nó thắng trận, tất nó sẽ thừa cơ xâm chiếm, chia đất nước ta làm quận huyện của nó, đời nào chịu trả lại cho vua Lê. Điều đó hễ ai có đôi chút kiến thức, đều nhận rõ như thế. Vua tôi nhà Lê sao không nghĩ tới, vội đi đón giặc về, bây giờ nó thua bỏ chạy, sao không tính-ngộ còn đất dũi chạy theo? Các con nghĩ đó mà coi, ta dám quyết phen này vua tôi nhà Lê không trở về nước nữa, vì quân Thanh đại bại, tất chốt dạ nản chí không dám sang. Nó không sang, tất kiếm cơ giữ vua tôi nhà Lê ở lại, thế là tự đem mình vào cạm bẫy, còn mong gỡ thoát cách nào? Như vậy, nếu các con vẫn còn hăm-hở theo đi, chẳng hóa ngu-dộn lắm sao? Các con nên nghe ta, bây giờ hãy tìm cách tự-lập, nhận xem có ai là bậc anh-hùng hào kiệt, có đủ tài đức, cơ mưu, sẽ qui-phục và hợp tác cùng người, dẹp yên cuộc đại-loạn cho dân nước, cái công nghiệp ấy mới thực đáng kể. Nhược bằng chưa gặp được người cùng khởi-nghĩa, các con cũng nên ở lại nước nhà, đem tài-lực nhỏ mọn mà giúp đời trong phạm-vi hoạt-dộng của mình. Đương lúc việc nước khó khăn, tình dân cơ cực, giúp một làng là phúc cho một làng, giúp một tỉnh là phúc cho một tỉnh. Biết đối phó như vậy, mới nên sự-nghiệp, mới đáng gọi là người tuấn-kiệt”.

Nghe lời mẹ dạy, hai anh em họ Hà tỉnh-ngộ, quyết chí ở lại đất Thọ-Xương, hăng hái đứng đốc xuất nghĩa đoàn đề trông nom gìn-giữ dân làng như trước. Mỗi khi có việc nan-giải, hai anh em lại vấn-kế bà mẹ. Nhờ đó, mọi việc dù khó khăn đến đâu, cũng giải quyết được xong. Dân làng rất cảm-mến lòng vị nghĩa và tài thao-lược của Hà Dần, Hà Ngộ; xa gần ai cũng vui theo răm rắp. Các bọn giặc cướp nghe uy-danh, đều khiếp sợ. Không những một làng Thọ-Xương, mà vùng chung quanh đều nhờ uy-thể của hai anh em họ Hà mà đều được an-cư lạc-nghiệp. Không bao lâu, tiếng đồn đến vua Quang-Trung nhà Tây-Sơn. Nhà vua sai sứ đến triệu. Hai anh em họ Hà, nghe theo mẹ, liền đem quân nghĩa-đoàn ra qui-thuận, và đều được phong-chức-Tả-hữu Tham-tán.

Lập nên sự-nghiệp vẻ-vang, anh em Hà Dần, Hà Ngộ chính thực đã nhờ có sự thấm-nhuần những lời huấn-thị sáng suốt của mẹ hiền, giàu kiến-thức hơn người, có lẽ hơn cả một số sĩ-phu thời xưa và thời nay..

KẾT LUẬN

Lược-thuật mấy truyện ngắn trên đây, chúng tôi có cảm-tưởng nhận thấy trong việc bảo-vệ và kiến-thiết quốc-gia, gái cũng như trai, bất cứ ở nước nào, thời xưa cũng như thời nay, ai ai cũng đều gánh chung một nghĩa-vụ, và đều phải cố gắng làm sáng tỏ đạo lý ở đời.

Đành rằng mỗi phái (nam giới và nữ-lưu) phận-sự quốc-gia tùy khả năng, địa-vị và hoàn-cảnh của mình, song chân-giá-trị của bậc hào-kiệt anh-thư là có tính-thần hy-sinh và phục-vụ, biết đem tài-trí, khí-tiết và đức-độ giúp cho quốc-gia đi đến chỗ thịnh-cường. Còn có khi, như mấy vị trên đây, nữ-lưu có thể sánh vai các bậc thánh-hiền tiết nghĩa, biết dùng cái chết thích-dáng hay dùng lời nói khảng khái và hợp lý, đề nêu cao chính nghĩa hoặc đề khuyến khích lẫn nhau làm tròn nhiệm-vụ con người với gia-đình tổ-quốc.

Đối với các bậc này, ta có thể ngâm mấy câu thơ sau đây, của Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu, đề tỏ lòng sùng bái :

Ấy các vị thánh-hiền,

Cũng trong làng quần thoa.

Đất nước dầu Nam, Bắc,

Đạo-lý không quan hà.

Mong nhờ cơn gió mát,

Hương thơm đưa gần xa...

Muốn chấn-hưng văn-hóa và xây đắp trong-lai, hãy mua :

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

do Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất-bản

1 số (giá bán toàn-quốc) 24\$

1 năm (10 số) 240\$

CHÚ THÍCH — 1) Đối với các tư nhân, lệ mua tạp chí phải trả tiền trước (Chỉ gửi tạp-chí khi nhận được ngân-phiếu).

2) Thư-từ mua V.H.N.S., xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục (số 266, đường Công-Lý, Saigon).

3) Bài soạn cũng gửi về Nha Văn-Hóa (Không có lệ trả lại bản thảo).

BENJAMIN FRANKLIN (1706-1790)

của ANH-VINH

CÁCH đây đúng 250 năm (1706), một cậu bé ra chào đời trong một khung cảnh rất tầm thường tại Boston, nước Mỹ.

Đó là cậu Benjamin Franklin, con một người Anh đã dời bỏ quê hương sang sinh cơ lập nghiệp tại Boston và trở nên chủ nhân một cửa hàng làm nến và xà phòng nhỏ nhỏ. Cha cậu Benjamin Franklin muốn cho con trở nên một vị mục-sư, nên cố gắng cho con đi học, nhưng vì quá nghèo túng, nên tới năm cậu lên mười, cũng đành phải cho về theo người anh là James để học nghề in sinh sống!

Cậu rất hiếu học và chỉ còn có một cách là học lấy một mình! Nhà văn hào Mark Twain đã từng nói về cậu như sau: « Cậu Benjamin Franklin chịu được kham khổ, bán khổ nước lã cũng xong, nhưng bao nhiêu sách vở về thiên văn cậu cũng ngốn cho kỳ hết, có lẽ bù vào chỗ thiếu ăn! Cậu làm cho bao nhiêu triệu thanh niên Mỹ sau này đã phải khổ sở, chỉ vì cha mẹ họ đã đọc tiểu sử tai-hại của cậu, mà nầy ra ý nghĩ ép con bắt chước! ».

Cậu học nghề sắp chữ rất chóng thành thạo, đó cũng là một dịp tốt cho cậu làm quen với nhiều tác phẩm. Trong hai năm trường, Benjamin Franklin giúp anh trông nom một tờ báo tên là « New England Courant ». (1) Tới 1723, nhân bất bình với James, cậu liền bỏ trốn tới Philadelphia, tất cả vốn liếng chỉ còn một đô la, một nghề trong tay và rất nhiều tự tin!

Năm năm sau, Benjamin đã nghiêm nhiên là chủ nhân ông một nhà in và điều khiển tờ báo « Pennsylvania Gazette » (2). Tờ báo này hiện nay cũng vẫn còn tiếp tục xuất bản tại Mỹ quốc dưới một tên khác: tờ « Saturday Evening Post ». (3)

(1) Phong-trào tại nước Anh mới.

(2) Báo Pennsylvania.

(3) Tuần-báo chiều thứ bảy.

Trong một phần tư thế kỷ, ông cho xuất bản đều đều cuốn lịch « Poor Richard's Almanach », (1) nó đã làm cho mọi người bên Mỹ, từ kẻ nghèo, đến người giàu, đều biết tiếng ông. Cuốn sách này không những làm giàu cho ông, nó lại là cuốn-sách đầu tiên được dịch ra tiếng Nga nữa.

Ông đã từng thiết lập nào câu lạc bộ, thư viện, nhà thương, nào hãng bảo hiểm hỏa hoạn, dân quân, viện hàn lâm khoa học v.v..

Bất cứ ngành hoạt động nào cũng được ông đề ý tới, bất luận vấn đề quan trọng hay không. Thậm chí, ông đã dụng công phát minh ra cả một thứ lò đun nhẹ và tiện mang theo, hiện nay vẫn còn đội tên ông.

Trong hai năm 1746 và 1747, nhân nghiên-cứu về điện và phát-mình ra thu lôi, ông đã trở nên nhân-vật Mỹ được nhiều người biết tiếng nhất dưới trời Âu. Các nhà bác-học danh tiếng đương thời thần phục; và những cơ-quan chính-thức như Đại-Học Viện Oxford, Hội Hoàng-gia tại Luân-đôn, Viện Hàn-lâm Khoa-học Pháp v.v... đều mở rộng cửa để đón ông.

Nhưng, nếu cho Benjamin Franklin chỉ là một nhà bác-học uyên-thâm thời không đúng vì ông còn có một đời sống chính-trị vô cùng sôi-nổi nữa.

Hồi 1754, ông từng nêu thuyết hội hợp các tiểu-bang lại thành một liên-bang, nhưng lời kêu gọi của ông không có kết-quả.

Sau đó, vì sự bành trướng kỹ-nghệ tại các thuộc quốc của Anh có thể đe dọa nền kỹ-nghệ của chính-quốc, nên nước Anh đặt ra nhiều thứ thuế « con niêm » cực-kỳ ngặt nghèo để làm khó dễ. Chính ông lại là người được chọn để đạt tới chính quyền, lời phản-kháng của dân-chúng về đạo-luật đó. Tuy ông phản đối đạo-luật « con niêm » và ông là người có công hơn cả để sau này làm cho nó bị bãi hãn, nhưng tiếc thay thái-độ của ông đối với đạo-luật này không được người ta hiểu rõ cho lắm, nên có nhiều kẻ đã không cảm ơn ông, mà còn chỉ trích ông là khác.

Ông từng hoài-bào ý tưởng tốt đẹp làm sao cho nước Mỹ được trở nên độc-lập tự-do, và thành trung-tâm của Đế-quốc Anh, hầu tránh một cuộc cách-mạng bạo-dộng tất nhiên sẽ đổ máu và cực-kỳ khốc-liệt. Nhưng sau mười năm đảng đảng, hy-sinh cả địa-vị, tương-lai, sự-nghiệp cùng cảnh gia-đình ảm-cúng để mưu-toan một thỏa-hiệp giữa chính-quốc và thuộc-địa, ông đã thất-bại đau-dớn và đành trở về nước Mỹ.

Nhân dịp này, Bác-sĩ Rush đã nghĩ ông là có danh-tiếng nhưng không

(1) Niên-lịch của anh chàng Richard.

có chân-tài, nên nói về ông, một cách mỉa-mai : " Dân Mỹ chúng ta rất mến chuộng bác-sĩ Franklin, tất cả chúng ta sẽ đi đón ông với lòng hâm mộ nhiệt-thành, và sẽ hoan-ngheh ông nhiệt-liệt. Nhưng mong ông sẽ không nhận một chức vụ gì trong chính-quyền : vì nếu nhận thì danh tiếng của một nhân-vật hiếm có trên hoàn-cầu như ông, sẽ không sao tồn-tại được ".

Bác Sĩ Rush đã nhầm lớn. Năm 1774 không phải là năm sáng tỏ cuối cùng của Benjamin Franklin mà lại chính là năm quyết định cho đời chính trị của ông. Ông tiếp tục tham gia chính quyền, sẽ nhận những chức vụ trọng đại, mà chẳng hề tổn hại chút nào đến danh tiếng lẫy lừng sẵn có của ông hết.

Ông được bầu vào Quốc Hội và đã cùng Jefferson, John Adams, thảo bản Tuyên Ngôn Độc-Lập.

Trận chiến tranh giữa nước ông, lúc đó còn là thuộc địa của Anh, và chính quốc, đã làm cho ông phải chịu nhiều nỗi đau lòng, gia đình ông chia xé : Ông thời hy-sinh tất cả của cải cho Quốc Hội Mỹ, dứt mọi liên-lạc với chính quốc, thay đổi cả quan niệm, và cực lực tán thành một cuộc liên minh với nước Pháp, thời chính con ông là Williams lại thiên về chính quốc nên đã đòi bỏ ông mà về ở hẳn bên Anh.

Tuổi già cũng không hề làm ông nhụt lòng vì nước vì dân. Năm 1776, tuy đã ngoại thất tuần, ông vẫn bắt chắp mùa đông lạnh lẽo và tàu chiến Anh quốc đang lừng trên mặt bể, vượt trùng dương một lần nữa để du-thuyết, khiến nước Pháp giúp đỡ nền Tự Do của Mỹ quốc. Tuy chỉ là đại diện của một nhóm thuộc địa đang làm phản chính quốc, ông đã tỏ cho mọi người rõ ông là một nhà ngoại giao ít người sánh kịp trong lịch sử.

Tại Pháp, danh tiếng ông nổi lên như sóng cồn, và các giới tranh nhau đón tiếp con người kỳ lạ đó. Là nhà chánh trị khôn khéo, ông được Triều đình tại Versailles coi như hiện thân của sự kháng chiến chống nước Anh, còn dân chúng Paris thời lại cho ông là tiêu biểu của nền Dân Chủ. Đối với Diderot và Voltaire, ông là một nhà bác học hữu danh, trong khi các môn đệ của J. J. Rousseau lại tìm thấy nơi ông, vị đại-diện xứng đáng của Nhân Loại. Người ta mến ông, đến nỗi đua nhau bắt chước cả lối y-phục giản-dị của ông !

Ông nói chuyện rất có duyên, có tài ngoại giao tế-nhị, tính tình hồn hậu và thâm trầm, ông lại rất biết chịu truyen, kể cả đối với các bà, nên không ai là không biết đến và không mến chuộng

cái ông giữ, hình dáng đã nặng nhọc, nhưng còn giữ được đôi mắt tinh nhanh đó !

Trở về Mỹ năm 1785, ông được nhiệt-liệt hoan-hô. Chuông, còi, đại bác, xen lẫn tiếng nhau, đón chào vị đại-dien xứng đáng của tân quốc gia. Nghị hội Pensylvanie đã đưa ông lên địa vị chủ-tịch Tiểu Bang và tới năm 1786, ông tham gia thảo hiến pháp cho Liên Bang Mỹ, một hình thức Liên Bang mà ông đã từng mong ước cho nước ông từ hơn ba chục năm !

Khi đó ông đã nhiều tuổi, nhưng vẫn không ngừng tranh đấu cho tự-do. Ông không quan niệm rằng cuộc cách mạng tại Mỹ lại chỉ có một ý nghĩa nhỏ hẹp là cởi bỏ những hạn chế về thương mại mà thôi. Nó còn phải tạo ra một xã-hội Mỹ, trong một trật-tự mới, chân chính dân chủ nữa.

Ông lập một chương trình cải thiện đời sống những người da đen đã được giải phóng. Ông thù ghét chế độ nô lệ dã-man tới nỗi bản văn kiện cuối cùng được ông gửi cho ban hiến pháp Tiểu Bang, cũng lại là một bản trần tình dã-phá chế-độ đó.

o°o

Benjamin Franklin đã sống chết với nền tự-do và sự thịnh-vượng của Tô-quốc, nên bây giờ không một ai lấy làm lạ khi thấy dân chúng Mỹ ghi tên ông bằng chữ vàng trong lịch sử oai hùng của họ.

Khi sinh thời, ông đã chinh phục không những người đồng bang mà ngay cả dân chúng các nước bạn. Chúng có hùng hồn hơn hết về lòng hâm mộ quốc tế đó, là khi được tin ông mất, nước Pháp đã ra lệnh để tang ông trong suốt ba ngày.

Tuy sinh trước chúng ta hơn hai thế kỷ, Benjamin Franklin vẫn gần chúng ta với lòng nhân đạo của ông, vẫn làm chúng ta phải chịu ơn về những phát minh khoa học, và vẫn nêu cho chúng ta một gương yêu nước cực kỳ vẻ vang trong sáng.



TU' TU'ỞNG QUỐC-GIA

(Trích ở Âm-Băng Văn-Tập)

Nam-Đán NGUYỄN-VĂN-BÌNH lược-dịch

H Ể nào là tu-tướng Quốc-gia ?

- 1') Đối với mình, mà biết có Quốc-gia.
- 2') Đối với Chính-phủ mà biết có Quốc-gia.
- 3') Đối với họ ngoài, mà biết có Quốc-gia.
- 4') Đối với Thế-giới, mà biết có Quốc-gia.

a) Thế nào là đối với mình mà biết có Quốc-gia

Người sở dĩ quý hơn giống vật là biết hợp-quần. Nếu lấy một mình đứng trọi trên mặt đất, thì bay không bằng loài chim, chạy không bằng giống thú, loài người tiêu-diệt đã lâu rồi, cho nên tự bề trong mà nói, thì đang lúc thái-bình, thông công dịch sự, phân nghiệp giúp nhau, tất không thể lấy một mình mà làm đủ trăm nghề ; tự bề ngoài mà nói thì trong khi hoạn nạn, gom mưu góp sức, giữ thành chống địch càng không thể lấy một mình mà bảo toàn được thân. Bởi thế mà sinh ra Quốc-gia. Lập ra Quốc-gia là do sự bất-đắc-dĩ, tức là ai ai cũng tự biết rằng không thể chỉ cậy ở một mình được, mà phải tìm đường với kẻ khác, đoàn-kết với nhau, giúp đỡ nhau, bênh vực nhau, lợi-ích chung nhau. Mà muốn cho sự đoàn-kết mãi không tan, giúp đỡ mãi không thiếu, bênh vực mãi không lỡ, lợi-ích mãi không cùng, thì ai ai cũng phải biết trên một thân mình, lại còn có sự lớn lao thiết yếu hơn nữa, hễ lo một điều, nói một câu, làm một việc, tất phải chú ý chỗ trên một mình. (đó là chủ-nghĩa kiêm-ái mà cho là chủ-nghĩa vị-ngã cũng có thể được vì không lợi cho đàn-thì không lợi cho mình được, là công-lệ của thiê-hạ). Nếu không như vậy, thì đoàn thể không thể thành, mà nhân-đạo cũng hầu hết, đó là điều thứ nhất trong tư-tướng Quốc-gia.

b) Thế nào là đối với Chính-Phủ mà biết có Quốc-gia ?

Quốc-gia như một Công ty, Chính-phủ là sở làm việc. Công-ty mà nhà

cầm quyền là người Tổng-vụ của sở làm việc ; Quốc-gia như một thôn thị, cơ-quan Chính-phủ là nhà Hội-quán của thôn thị, mà nhà cầm-quyền là người biện-lý của Hội-quán. Vậy thì sở làm việc vì Công-ty mà lập ư ? Hay Công-ty vì sở làm việc mà lập ư ? Nhà Hội-quán vì thôn thị mà đặt ư ? Hay thôn thị vì Hội-quán mà lập ư ? Không cần biện-thuyết cũng đủ biết. Hai điều đó tính chất không giống nhau mà sự lớn, nhỏ, khinh, trọng tự khắc không vượt nhau được, cho nên vua Lê-Dịch thứ XIV nói « Ta là Quốc-gia ». Đến nay cho là đại-nghịch bất-đạo, những trẻ con ở Âu-Mỹ nghe thấy, không ai là không nhò bợt mắng nhiếc. Lấy tâm con mắt người Trung-quốc mà xem. Hoặc cho là không lạ gì.

Tuy nhiên, thí dụ có người Tổng-vụ ở một Công-ty mà nói rằng : « Ta là Công-ty » người Biện-lý ở một thôn thị mà nói rằng : « Ta là thôn thị » thử nghĩ những cơ-phần ở công-ty, những cứ dân ở thôn thị có chịu được không ? Than ôi ! Nước vốn không thể không có chính-phủ cho nên thường suy lòng yêu nước mà yêu đến chính-phủ, đó cũng là yêu người nghĩ tới ngôi nhà, yêu nhà nghĩ tới quạ vậy. Còn như cho quạ là nhà, cho nhà là người là cho sự yêu nhà, yêu quạ tức là yêu người đó. Ví dụ yêu quạ mà quên nhà, yêu nhà mà quên người, tức là người diên.

c) Thế nào là đối với họ ngoài mà biết có Quốc-gia ?

Quốc-gia là danh-từ đối ngoại. Nếu Thế-giới chỉ có một nước, thì danh-từ Quốc-gia đã không có ; cho nên thân đối với thân cùng hàng mà có thân ta, nhà đối với nhà cùng tiếp mà có nhà ta, nước đối với nước cùng đứng mà có nước ta. Loài người từ nghìn muôn năm trước sinh ở các nơi, đều tự phát đạt, từ ngôn ngữ, phong tục cho đến tư-tướng, pháp-chế, hình-chất khác, tinh-thần khác mà không thể không tự-lập thành nước được. Theo công-lệ « vật cạnh thiên trạch » thì người với người không thể cạnh-tranh, nước với nước không thể không cạnh-tranh, cái tên Quốc-gia lập ra để ứng phó với bọn khác đó. Cho nên người thực yêu nước đâu nước ngoài có bậc Thần thánh, Hiền triết nhưng cũng không muốn phục tùng ở dưới chủ quyền ấy, thà rằng cả nước đầm máu, tan xác, không còn mống nào, nhưng cũng không chịu đem một mảy lợi quyền nhường cho giống khác, vì không như thế thì những dụng-cụ làm nên nước bị mất trước vậy. Ví như một nhà, đầu nhà nghèo rỗng tuếch, cũng chưa ai muốn để người khác đến ở. Biết có mình đó, cho nên mình còn. Đó là điều thứ ba trong tư-tướng Quốc-gia.

d) Thế nào là đời với Thế-giới mà biết có Quốc gia ?

Các nhà Tôn-giáo bàn luận, thường nói là « Thiên quốc », nói là « Đại-đồng », nói là « nhất thiết chúng sinh », gọi là chủ nghĩa « Bác-ái », chủ nghĩa « Thế-giới », há chẳng nhân đức lắm ru ? Tuy nhiên, những chủ-nghĩa đó, có thể mong thoát ly tu-tướng giới mà sâu vào thực-tế-giới được không ? Việc đó, hoặc phải đợi đến vài muôn năm sau, ta không dám biết. Còn như ngày nay thì dùng làm gì ? Ôi ! Cảnh tranh là mẹ đẻ ra văn-minh, cạnh tranh mà ngừng lại một ngày, thì đường tiến văn minh phải ngừng lại ngay. Từ một mình cạnh tranh mà làm một nhà, một nhà mà làm một hương-tộc, từ một hương-tộc mà làm một nước, một nước đó là khuôn rất lớn của Đoàn-thể và sóng rất cao của cạnh-tranh vậy. Nếu đem phá hết cả Quốc-giới đi, không kè việc đó không thành, nếu có thành nữa, mà sự cạnh-tranh phải tuyệt, chẳng hóa văn-minh cũng theo mà tuyệt ư ? Huống chi tính người không phải không có cạnh-tranh được ; vậy thời sau đời Đại-đồng, không nháy mắt lại/nhận việc khác mà gây cạnh tranh ở trong Thiên-quốc. Đó là khiến thiên-hạ lại quay về thời dã-man vậy.

Học-già đời nay, không phải không biết chủ-nghĩa ấy là hay, nhưng cho là cái hay của tâm-giới, chứ không phải cái hay trên lịch-sử, cho nên ấn-định lấy Quốc-gia làm quốc-thể rất cao, mà không lấy thế-giới làm Đoàn-thể rất cao, tức là bởi đó. Vậy thì nói về bác-ái là diệt cái riêng của một mình để yêu một nhà là phải, diệt cái riêng một nhà để yêu một hương-tộc là phải, diệt cái riêng của một mình, một nhà, một hương-tộc để yêu một nước là phải. Nước ấy là bản-vị Tự-ái, mà cực-diêm bác-ái không tới nơi, đó là dã-man. Hơn thế nữa cũng là dã-man.

Đó là điều thứ tư trong tư tưởng Quốc-gia.

NHÂN KHÁCH LẠ

(tập Kiêu)

*Ngẫm từ gây cuộc binh đao,
Hại nhân nhân hạt, sự nào tại ta.
Xin chàng kịp trở lại nhà.
Lần lần theo bóng trăng tà về tây.*

Tú-tài TẾ-XUYỀN

MUSTAPHA KÉMAL

VI ANH-HÙNG CỨU-QUỐC

của ANH-NGUYỄN

D U Ớ I triều đại vua Medmed VI, nước Thổ nhĩ-kỳ ở trong một tình-trạng sút kém. Quốc vương đóng vai bù nhìn, còn các nhà cầm quyền chỉ say mê danh-lợi. Giữa lúc nước Thổ nghiêng ngửa như vậy, một vị anh hùng cứu quốc xuất hiện, tượng trưng cho tinh thần quốc gia : Mustapha Kémal.

Sinh tại Salonique năm 1881, Mustapha đã thụ giáo tại trường Chems Effendi, một trường tổ chức theo tân học. Chẳng bao lâu thân phụ Mustapha mất ; không còn tiền theo học, cậu phải trở về quê giúp việc người chú, nhưng mẹ Mustapha là một hiền mẫu không chịu để cho con mang tiếng thất học. Bà nhờ một người thân thuộc ở Salonique trông nom hộ đừa con trai, nguồn hy vọng của bà. Cũng vì vậy mà cậu bé Mustapha lại được tiếp tục công việc đèn sách.

Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, Mustapha đã tỏ ra là người có khí phách. Khi lớn lên Mustapha xin vào học trường võ bị, và tỏ ra có khiếu về nghề binh. Trong những môn dạy ở trường, Mustapha thích nhất toán pháp. Tại đây, Mustapha gặp được một thầy dạy tốt, và chính vị giáo sư này đã đặt thêm cho Mustapha chữ Kémal nữa có nghĩa là toàn thiện. Sau một thời gian dài mài binh thư, Mustapha được nhận vào học trường cao đẳng võ bị ở Dancaldi. Tuy còn là một sinh viên, Mustapha thường lưu tâm đến thời cục, và cực lực phản đối chính sách thối nát của quốc vương Abul Hamid hồi đó.

Năm 1904, Mustapha Kémal rời trường cao-đẳng võ-bị với cấp bậc đại-úy. Lúc này, Mustapha lại càng tỏ vẻ ham thích chính-trị hơn và cũng vì vậy mà Kémal bị Ủy-ban điều-tra tại Yidiz phạt 3 tháng giam cầm. Sau khi mãn hạn, Mustapha được lệnh đổi sang Syrie. Lợi-dụng cơ-hội, Mustapha lập nhiều tiểu-tổ của hội « Tô-quốc » tại những tỉnh như Beyrouth, Jaffa Jérusalem. Được dân-chúng hưởng-ứng, như rồng thêm

chân, Mustapha còn tổ-chức thêm ở Salonique một hội nữa mục-dịch cũng không khác hội trên. Lúc này ở Constantinople nhà chức-trách đã đề ý đến hành-dộng của ông. Thấy động, Mustapha phải trốn ra khỏi biên-giới ở Sinai. Ba năm sau, câu chuyện trước đã nhạt, Mustapha lại trở về Salonique giúp việc bộ Tổng-tư-lệnh. Đến nơi hoạt-dộng cũ, việc đầu tiên của Mustapha là đổi tên đảng chính-trị trước của ông ra « Đoàn-kết và Tiến-bộ ». Nhờ sự thúc-dẩy không ngừng của nhà ái-quốc Mustapha, mấy năm sau, đảng nói trên đã gây nên một cuộc vận-dộng cách-mạng, đưa một số đồng-chí của Mustapha lên nắm chính-quyền.

Trận đại-chiến 1914 bùng nổ, Thổ-nhĩ-kỳ đứng với phe Đức, vị anh-hùng cứu-quốc Thổ được cử ra trông nom đạo binh thứ 19 chống với quân Đồng-minh ở Aerebourmou. Sau khi thắng trận ở Anaforta, Mustapha được thăng chức Đại-tướng chỉ-huy đạo quân quan-trọng ở Mésopotamie. Không bao lâu, nước Đức thất trận, khiến Thổ-nhĩ-kỳ phải ký hiệp-định đình-chiến ở Moudras ngày 30 tháng 10 năm 1918. Ở Constantinople, ai cũng chán nản, duy Mustapha vẫn vững lòng tin ở tương-lai Tổ-quốc. Nhận được tin đình-chiến, đáng lẽ Mustapha phải giải-tán quân-đội, nhưng ông lại thu-thập một số tân-binh tổ chức một lực-lượng quốc-gia hùng-hậu, chống với kẻ địch khi cần đến. Trước sự không công nhận của các nhà cầm quyền ở Constantinople, Kémal từ chức đại-tướng, lập ra một chính-phủ ở Angora, và đóng một đồn binh thật cao trên đồi. Ông chỉ tự nhận mình là lãnh-tụ quốc-gia mà thôi.

Hội-nghị hòa-bình nhóm họp ngày 14 tháng 5 năm 1919 muốn phế bỏ chính-phủ Constantinople bên giao cho Hoa-kỳ Constantinople và Arménie, Hy-lạp miền bờ biển mà Syurne là trung-tâm, Ý-dại-lợi miền nam Anatolie, Pháp miền bắc Anatolie (miền này có Brousse và Angora). Nhiều cuộc biểu-tình của dân Thổ được rầm rộ tổ-chức phản-đối sự chia xẻ lãnh-thổ của họ giữa các cường quốc thắng trận. Ở Anatolie, lòng dân cũng vô cùng sùng-phần khi thấy nước Thổ thân yêu của họ đã bị phân chia làm nhiều mảnh. Ai cũng muốn tuốt gươm cầm súng chống lại những kẻ đã làm nước Thổ mất sự thống-nhất. Ai cũng chỉ trông mong vào có một ngôi sao sáng trên nền trời Thổ : Mustapha Kémal, người điều-khiển cả một lực-lượng quốc-gia, tuy không đầy đủ phương-tiện, nhưng rất tin-tưởng vào tương-lai tốt đẹp, sẵn sàng thống-nhất quê-hương.

o°o

Sau khi hiệp định nhục nhã Serrès được ký kết giữa Đồng minh và Thổ vào ngày 16 tháng 8 năm 1920, cách đây chừng nửa tháng, cả dân

tộc Thổ can đảm trở dậy dưới quyền lãnh đạo của Mustapha. Đề quyết định một phương pháp hành động chung cho toàn quốc, một ủy ban được thành lập ở Sivas và những người yêu nước theo Kémal quyết định như sau :

« Thổ nhĩ kỳ quyết không hạ khí giới trước khi giải phóng xong lãnh thổ và định biên cương theo ý dân chúng. Một hội nghị quốc gia sẽ được bầu lên do dân cử người ra làm việc thay thế cho chính phủ phản bội Constantinople ».

Hội nghị đầu tiên nhóm họp tại Angora ngày 21 tháng 1 năm 1921. Trong cuộc bầu cử ở hội nghị này, Mustapha được chỉ định làm Chủ tịch. Trông vào hội nghị, ai cũng nhận rõ chính sách mà tân quốc gia chú trọng đến nhiều nhất về quyền lợi của dân, đã được đem ra áp dụng.

Tân quốc Thổ vừa thành lập thì gặp phải trở lực vô cùng khó khăn là lúc đó Đồng minh hết sức phá phong trào của Mustapha lãnh đạo, như trừ trước một ung nhọt nguy hiểm mai hậu. Người Arménie luôn quấy rối ở Caucase, người Anh ở Mésopotamie, người Pháp ở Cilésie.

Trước tình thế nguy hiểm, Mustapha thấy cần ký kết với Nga. Do lẽ này, hiệp ước ngày 21 tháng 3 năm 1921 được ký giữa Nga và Thổ. Nhờ việc nói trên, Mustapha có thể chuẩn bị đối phó với những việc sẽ xảy tới cho nước Thổ trong những ngày đen tối. Thời đó, cũng nhờ một số lớn quân nhu của quân Đức khi rút khỏi Anatolie để lại như mìn, lựu đạn, trọng pháo và hơn nữa, nhờ sự đoạt được kho khí giới của bộ binh Thổ ở miền Caucase do người Anh cầm giữ, nên lực lượng của Mustapha cũng khá hùng hậu.

Vào tháng 7 năm 1921, Hy Lạp tấn công Thổ nhưng bị quân đội của Kémal can thiệp ở hai cánh tả và hữu, rồi tới tháng 9 năm ấy, lực lượng cầm tử quân Thổ phản công kịch liệt khiến quân Hy Lạp phải rút lui hẳn. Sau trận đánh quyết liệt nửa vào tháng 9 năm 1922, quân Thổ thắng trận Ouchak bắt được chừng 5 vạn tù binh, 700 đại bác, 2000 liên thanh mới giải phóng hoàn toàn được Anatolie.

Trước sức tiến của Mustapha người Anh tập trung hết lực lượng hải quân ở Dardanelles và Bosphore ; nhưng Mustapha là một nhà chính trị có tài nên khi đã thu lại được Anatolie và Thrace, vui lòng ký kết một hiệp ước đình chiến tại Moudania vào ngày 11 tháng 10 năm 1922.

Nhờ những trận đánh quyết liệt đi đến thắng lợi, Thổ đã tỏ cho thế giới biết sức quật cường của mình dưới sự áp bức của các quốc gia hùng mạnh Âu châu, và cũng bắt đầu từ năm 1922, Thổ bước vào giai đoạn trưởng thành đứng ngang hàng với các nước trên thế giới.

Đề tỏ lòng biết ơn vị anh hùng cứu quốc, dân Thổ tôn Mustapha là El Ghazi, chữ đó có nghĩa là anh hùng khai quốc.

Muốn đề các cường quốc biết rằng nước Thổ yêu chuộng hòa bình và đây cũng là tài ngoại giao của Kémal, một hiệp ước hòa hảo được ký-kết thêm tại Lausanne với Đổng-minh; với hiệp ước này, một trang sử quan trọng bắt đầu với nước Thổ.

Theo quyết nghị của Hội Nghị Quốc Gia Thổ, tháng 8 năm 1923, Mustapha Kémal được toàn dân ủy nhiệm chức Tổng-Thống. Trong cuộc ra mắt, Mustapha đã tuyên bố đại khái như sau :

« Cuộc bầu cử ần nhip với giai đoạn mới trong lịch sử quốc gia, theo ý tôi, là một điều hay cho vận mệnh Tộc Quốc. Bốn năm chiến tranh đã dứt, và nay là thời kỳ thái bình thịnh trị của nước Thổ.

... Tôi được toàn dân tín nhiệm cử giữ chức Tổng-Thống cùng Tổng tư lệnh đội binh hùng mạnh quốc gia, thật là một sự vinh dự cho tôi. Tôi rất biết ơn và muốn xứng đáng với địa vị, tôi cam đoan sẽ cố lực việc đề mang hòa bình đến với xứ sở và trong công việc này, tôi cần nhờ toàn dân giúp sức ».

CHÍNH THỂ CỘNG HÒA THỔ NHỊ KỲ.

Ngày 29 tháng 10 năm 1923, Thổ nhị kỳ tuyên bố theo chính sách Cộng Hòa Dân Chủ. Với thể thức này, Hội Nghị Toàn Quốc Thổ bầu Tổng Thống chọn trong các nghị sĩ với nhiệm kỳ là 4 năm. Sau hạn kỳ đó, Tổng Thống có quyền được tái cử. Tổng Thống nước Thổ sẽ chỉ định một Thủ tướng coi Hội Nghị Tư Vấn và cất cử các vị Bộ Trưởng trong các hàng nghị sĩ. Buổi họp đầu tiên của nước Cộng Hòa Thổ nhị kỳ kéo dài tới 3 giờ sáng và 101 phát đại bác được bắn chào mừng một tân chính thể. Nhà thi sĩ danh tiếng Thổ Alaif đã soạn một bài thi ca mừng nền cộng hòa và độc lập Thổ, phổ thành nhạc coi như là Quốc ca của nước Thổ, trong đó, có câu :

« ... Tôi đã sống trong tự do muôn thuở và tự do mãi mãi ».

Mustapha được cử lên làm Tổng Thống; tuy việc trông nom quốc sự khác với việc chỉ huy quân sự, nhưng Kémal vẫn tỏ ra là một người có tài, rất ra hoạt động. Sau khi được giữ chức tối cao trong nước tân Cộng Hòa Thổ, Mustapha lập ra một lực lượng mới « Mặt trận quần chúng ».

NHỮNG SỰ KHÓ KHĂN ĐẦU TIÊN

Trong năm 1925, Thổ nhị Kỳ phải đối chọi với hai việc lớn, là loạn Kurde và vấn đề Mossoul.

Loạn Kurde là phản hưởng của cựu chế độ chống với tân chế độ Thổ, và đó cũng là phản lực của thời phong kiến lạc hậu đối với chính thể cộng hòa mới của Thổ.

Vấn đề Mossoul cũng khồng ngoài sự tranh chấp giữa Thổ và Anh về đầu hòa. Thổ nhận nhân-dân Kurdistan về Thổ, Anh nhận về Anh. Trong khi vấn đề này gay go thì dân Kurdistan nổi loạn chống lại Thổ. Nhiều trận đại chiến đã xảy ra ở Dja-bekir và Kharpout. Có khi phi-cơ Thổ phải bay oanh tạc Hani và Pirani trên trận tuyến dài tới 400 km.

Cũng nhờ toàn dân Thổ hợp thành một khối, đã sát cánh và trung thành với Mustapha nên mưu mô của nước Anh trong vụ này bị phá. Cũng nhờ mối đồng tâm ấy, trong cuộc tranh dành ở Mossoul, Thổ đã tránh một cuộc chiến tranh khốc hại với nước Anh.

Sở dĩ nước Anh đã coi vấn đề Mossoul là quan trọng vì nơi này có nhiều mỏ dầu hỏa và cũng là một diềm quân-sự đáng kể, vì các đường giao-thông giữa Thổ, Ba-tur, Caucase đều qua đây cả. Nhờ có Mossoul, Anh có thể uy hiếp được Thổ, Ba-tur, và thoát ra ngoài biển Caspienne để kiểm-soát cả miền Trung Á.

Vào tháng 5, 6 năm 1924, đại-biêu Thổ và Anh họp tại Constanti-nople, nhưng các vụ bàn cãi không đi đến đâu. Trong tình-trạng khó khăn như vậy, Thổ nên tuyên chiến hay là chịu nhin, đó là một quyết định quan trọng. Mustapha đã mất nhiều thời giờ tính toán và nhận thấy muốn đề cho dân giàu nước mạnh thì nên nhượng bộ, do đó mới có sự ký kết giữa Thổ với Anh. Một hiệp-ước ký-kết vào tháng 6 năm 1926 định rõ rằng Thổ không có quyền ở Mossoul nữa, nhưng trong vòng 25 năm, Thổ được lĩnh mỗi lợi là 10% trong số thâu ở nơi này về dầu hỏa,

THẮNG-LỢI NGOẠI-GIAO

Dưới sự điều-khiển của Mustapha Kémal, nước Cộng-hòa Thổ-nhị-kỳ theo một chính-sách hòa-hảo; ý chí đó đã được Isuret Pacha, Chủ-tịch ban Tư-vấn trình-bày trước hội nghị :

« Chính-sách của chúng ta là bảo tồn hòa-bình thực sự. Theo ý nghĩa đó, Thổ-nhị-kỳ không phải là sống theo vận-mệnh thế-giới, không tin-tưởng vào ngày mai, mà là sống tự-chủ theo sức tiến của nhân-loại. Như vậy, chúng ta chẳng làm phật ý một nước nào. »

Vào tháng 12 năm 1925, Thổ ký một hiệp-ước với Nga tại Ba-lê với điều-kiện giữ lập-trường trung-lập, khi chiến-tranh bột-phát không tuyên-chiến với nhau, và nhất là không dự vào một liên-minh hay mật-ước có tính cách chính-trị với một nước nào ngoài Nga-Sô. Ký kết như vậy, trên lập-trường bình-dạng, Thổ-nhĩ-kỳ vẫn giữ quan-diêm của mình là không thuộc ảnh-hưởng của Nga.

Cũng theo đường lối mới của Mustapha Kémal chủ trương hòa hoãn với các nước bạn, Thổ còn ký nhiều hiệp ước thân thiện với Ý đại Lợi, Ba tư, A phú Hãn.

Trong hiệp ước ký kết với Ý đại Lợi ngày 30 tháng 5 1928, có nhiều khoản tương tự với hiệp ước ký kết với Nga như đã nói trên. Cũng theo những điều kiện ký kết, Ý đại Lợi đã trút hẳn quyền lợi của Anh; đề nối chặt mối bang giao giữa hai nước, Grandi, Phó Đồng lý Bộ Ngoại Giao Ý sang viếng thăm Angora, và được Bộ Trưởng Ngoại Giao Thổ tiếp đón trọng thề.

Tuy Thổ nhĩ kỳ đã tiến gần kịp nhiều cường quốc Châu Âu, nhưng đối với các nước thuộc lân bang châu Á, Thổ vẫn cố gây tình thân thiện. Đề tỏ cho các thế giới rõ Thổ đã biết hợp tác để xây đắp một nền hòa bình trường cửu và giúp sự phục hưng của các lân quốc, hiệp ước giữa Thổ và Ba tư được ký kết với điều kiện là hai nước phải giữ trung lập nếu một trong hai nước đó lâm cảnh chiến tranh; tuy nhiên, sự trung lập cũng cho phép được giúp lẫn nhau một phần nào trong vấn đề binh bị thời bình.

Vào tháng 5 năm 1928, Thổ nhĩ kỳ lại ký kết với A phú Hãn, sau đó hai dân tộc Thổ và A sống với nhau một cách mật thiết. Rất nhiều bác học, kỹ sư chuyên viên được gửi giúp A phú Hãn và có nhiều sinh viên A sang theo học tại những trường thuộc Thổ nhĩ kỳ, với con số chừng 115 người.

NHỮNG CÔNG VIỆC CẢI CÁCH

Không những giữ địa vị Tổng Thống nước Cộng Hòa Thổ, Mustapha lại còn đảm nhiệm thêm chức Chủ tịch nhóm quốc dân. Trước khi hội nghị nhóm họp về vấn đề cải tổ luật pháp, Mustapha đã đọc một bài diễn văn dài, trong đó, có phần chỉ rõ đường lối tranh đấu của nước Cộng Hòa Thổ đề đi đến Độc lập hoàn toàn, và một tân quốc gia theo kịp các cường quốc khác.

Thấy thanh niên là những mầm non của Tộc quốc cần sàng hy sinh cho chính nghĩa, trong bài diễn văn ngày 20 tháng 10 năm 1927, Kémal đã kêu gọi các tầng lớp thanh niên như sau:

« Kết quả mà chúng ta đã đạt được ngày nay, là sự đền bù bao nhiêu đau khổ mà dân ta đã cam chịu trong vài thế kỷ gần đây; đó là thành-công rực-rỡ, sau khi đã hy-sinh biết bao xương máu.

Tôi trao phó kết quả đó cho từng lớp thanh-niên Thổ. Còn anh, anh là một trai tráng Thổ, bổn phận đầu tiên là phải giữ gìn và luôn luôn tranh đấu để duy trì nền độc-lập hoàn-toàn của nước Cộng-hòa Thổ.

... Anh là một tôi con đất Thổ, dù ở trường-học khó-khăn nào bổn phận của anh cũng phải cứu vãn lấy nền Độc-lập và Cộng-hòa Thổ-nhĩ-kỳ.

Tuy Mustapha đã đề Thổ ký nhiều hiệp-ước hòa-hảo với lân-quốc, nhưng vẫn không tránh được việc lôi thôi với Albanie vì chuyện không công nhận vua Zogou của nước này. Với nước Hy-lạp, tuy hồi trước là thù địch, nhưng Thổ vẫn chịu hy-sinh tìm cách thương-thuyết ký-kết nối chặt tình giao-hảo. Những sự cố gắng đó tỏ rõ rằng Mustapha đã tính kỹ vì nếu có chiến-tranh cũng có thể thắng được, nhưng sự tai hại không kể sao cho xiết. Tốt hơn cả là cố thực-hiện hòa-bình trên đất Thổ. Điều này đáng đề ý vì từ một quân nhân, Kémal đã biến thành một chính-trị-gia hòa-nhã chứ không nóng nảy đề đi đến những sự đáng tiếc.

Kémal nhận thấy nếu còn giữ những luật-lệ xưa không hợp với cuộc đời sống mới, hơn nữa toàn là hủ tục, thì nước Thổ không sao tiến được. Trước hết Mustapha đã cải cách về y phục. Lăn đầu tiên, người công chức Thổ hay những nhân-vật cao-cấp chính-phủ đều mang quần áo gọn gàng giống như người Tây-phương, nhất là khi thời công sở lại đề đầu trần, đó là một cải cách lớn lao với hủ tục xưa mà người Thổ vẫn theo, lúc nào trên đầu cũng mang một cái mũ chóp (kiểu mũ Fez).

Công việc mà Kémal theo đuổi một cách hăng hái hơn nữa, là giải phóng cho phụ-nữ như bỏ bộ mạng che mặt, bộ áo vừa dài vừa rộng may bằng thứ vải dày. So với những cải cách khác, sự vượt khỏi hủ tục này của người đàn bà Thổ, thực đã đánh dấu một cố gắng đáng kể của Mustapha.

Dưới sự che chở của Kémal, phụ nữ Thổ vượt qua rất nhiều thành kiến cổ xưa, bỏ hết xiềng xích bó buộc. Không những họ đua nhau trau dồi trí thức, lại còn cố noi gương các nước bạn khác. Năm 1917, một hội nghị phụ nữ họp tại Kagan, trong đó có nhiều đại biểu từ khắp các nơi tới dự, đã tranh luận đòi hỏi quyền lợi của họ trong gia đình so với

nam giới, bãi bỏ sự gả bán bắt buộc do cha mẹ định đoạt một cách vô lý, cấm tục đa thê và nhất là sự tảo hôn. Hội nghị thứ hai tiếp theo là hội-nghị miền Caucase trong đó có tới 262 người dự, họp từ 26 đến 31 tháng 5 năm 1922 mới bế mạc. Trong các cuộc bàn cãi sôi nổi, người ta nhắc đến quyền bầu-cử của phụ-nữ. Trong công cuộc giải phóng phụ-nữ nước Thổ, một nhân vật đáng đề ý là bà Halide Edib Hanoun một nữ sĩ, và cũng nhờ bà, từ năm 1919 trở đi, phụ nữ Thổ mới được tự do theo học bậc cao đẳng, sau nhiều lời hô hào nồng nhiệt. Năm 1929, Thổ đã có một nữ trạng sư là Nighiar Hanem được nhiều người kính nể vì cái rất giỏi và là nữ trạng sư đầu tiên. Sau những cải cách nói trên, phụ nữ Thổ lại được tham gia nhiều công việc tại các công sở. Đầu đầu nữ giới cũng tỏ lòng biết ơn Mustapha trong sự cải cách tục lệ và giải phóng phụ nữ khỏi mấy bức tường kín, sống theo lối cấm cung. Đáng-kê hơn cả, làng người đàn bà Thổ đã có thể vượt qua những điều cấm của thánh kinh tới dự những buổi khiêu vũ theo gương nhiều cường quốc Âu châu, và nhất là đối với nam giới không có những sự lép vế như trước. Người phụ nữ Thổ có thể đi ngang hàng với chồng khi dạo chơi trong thành phố, và được bỏ phiếu trong những vụ bầu cử. Nhờ Mustapha, phụ nữ Thổ đã tiến những bước vô cùng quan trọng trong sự theo đời sống mới, thích hợp với một nước Cộng Hòa, và nếu đem so sánh với phụ nữ các nước tiền tiến cũng không kém sút phần nào. Quan trọng hơn nữa là luật cấm tảo hôn. Con gái Thổ đến tuổi trưởng thành mới được phép lập gian đình; mà cuộc cưới xin lại không được quá xa xỉ. Theo cổ tục, hôn lễ ăn uống có khi lâu tới 8 ngày, khiến sự tốn kém không sao kể xiết. Với cải cách mới của Kémal, hôn lễ chỉ cử hành trong có một ngày. Mustapha đã tỏ cho các nước rõ sự cải cách rộng lớn của nước ông, trong bài diễn văn, đọc trước dân chúng và đã có câu như sau:

« Tầng lớp thanh niên tương lai của nền cộng hòa Thổ nhĩ Kỳ sẽ được hưởng một cuộc đời dễ dãi và thanh thú hơn chúng ta nhiều ».

Đề tỏ lòng biết ơn về những cải cách của nhà lãnh tụ Mustapha, một bức tượng vĩ nhân này được dựng lên tại Constantinople.

VIỆC CẢI - CÁCH NỀN GIÁO-DỤC

Nhận xét thấy vấn đề giáo dục rất cần thiết, Mustapha đã cố vượt khỏi ảnh hưởng văn hóa của ngoại quốc, và vạch ra một con đường riêng

biệt. Đã từ lâu, dân Thổ nuôi một ý chí tự quyết không còn sợ hãi nữa, khi tự xét cần phải canh tân.

Điều quan-hệ mà Mustapha mong muốn, là Thổ phải có một văn-phạm hân-hoi, không pha trộn bởi những tiếng ngoại-quốc. Đề bảo-vệ một nền văn-hóa chân-chính, cõi rễ thuần-túy của dân-tộc, Kémal cho nghiên-cứu văn-phạm cổ xưa và làm sống lại những ngôn-ngữ bị dân-chúng lãng-quên.

Quốc-ngữ Thổ được dùng tại các Bộ, các công-sở, các ngành buôn, và nhất là những văn-tự khế-ước. Ngay từ năm 1927, đã có một đạo luật phạt tiền những người nào không dùng quốc-ngữ Thổ, trong việc ghi sổ sách và nếu tái-phạm sẽ không được theo đuổi nghề buôn nữa.

Cũng theo lệnh của nhà chức trách nước Cộng-hòa Thổ, các thực đơn phải ghi bằng quốc-ngữ Thổ cùng biển hàng và quảng-cáo. Nhiều yết thị được dán cho dân-chúng rõ nếu không theo quốc-ngữ, các chủ-nhân khách sạn, thương-gia hoặc giám-đốc tư-xưởng, sẽ bị phạt và những món tiền lớn.

Tại các trường học Thổ, mỗi tuần bắt buộc phải có 13 giờ về Sử-ký, Địa-lý và Văn-phạm Thổ, vì Mustapha muốn cho học-sinh ngay từ khi đi học, đã rõ lịch-sử cùng địa-lý của nước họ do tổ-tiên qua bao cuộc tranh-đấu gay go, đã để lại cho họ hưởng một giang-sơn gấm vóc. Học-sinh nào điếm số những môn đó kém thì phải học lại một năm nữa, rồi mới được lên lớp trên.

Thánh kinh Coran cũng được dịch ra bằng quốc-ngữ Thổ để toàn dân có thể đọc được. Năm 1928, một Hàn-lâm-viện được thiết-lập tại Thổ, gồm có 15 vị nhân-sĩ có tài được chọn lọc và đề cử. Năm 1929, sau nhiều tháng khảo xét, cuốn tự-điền văn-phạm Thổ đầu tiên ra đời, ghi dấu một thành công lớn lao cho nước Cộng-hòa Thổ.

Về thương-mại, nước Cộng-hòa Thổ, dưới quyền lãnh-đạo của Mustapha đã ghi những bước tiến quan-trọng. Hầu hết những phòng thương-mại ngoại quốc thiết-lập trên đất Thổ, đều bị bãi bỏ theo đạo-luật 1925, và Chính phủ Thổ chỉ nhìn nhận có phòng thương-mại quốc-gia mà thôi. Đạo-luật này đã nhằm vào những phòng thương-mại Pháp thành-lập từ khoảng 50 năm trên đất Thổ, cùng với những phòng thương-mại của Anh, Mỹ, Ý-đại-lợi và những phòng thương-mại hàng-hải hỗn-hợp đã mở trên lãnh-thò Thổ nhĩ kỳ.

Mustapha Kémal, vị anh-hùng dân-tộc của Thổ-nhĩ-kỳ, đã là tượng-trung của tinh-thần quốc-gia. Là một quân nhân có tài, Mustapha cũng lại còn là một nhà chính-trị khôn-khéo đưa nước Thổ tới đài vinh-quang. Những cải-cách của ông khiến cho nhiều cường quốc trên thế-giới trầm-trở khen-ngợi, nhất là trong cuộc giải-phóng phụ-nữ và bài-trừ những hủ tục làm cho Thổ-nhĩ-kỳ chậm tiến. Đáng kể hơn nữa, là nhờ có ông, nền quốc-học Thổ được hưng-vượng, quốc-ngữ được dùng làm căn-bản cho nền văn-hóa và văn-học quốc-gia. Với tài-ba của Mustapha Kémal, dân Thổ đã trở dậy trên bước tiến của thế-giới tự-do. Muốn đời sau, sử sách Thổ không quên ơn người đã có một tinh-thần quốc-gia mãnh-liệt, mà bức tượng tại Constanti-nople nhắc-nhở toàn dân nên noi theo gương sáng.



Tin lạ năm châu

MỘT LỖI IN MỚI

Một lỗi in mới bằng phương pháp chụp ảnh đã được hoàn thành, và đem lại rất nhiều hứa hẹn cho công cuộc chống nạn mù chữ tại Á-châu. Nhiều hãng của Mỹ và Nhật hiện đang tìm cách áp dụng phương pháp đó, cho các thổ ngữ tại Á-châu.

Bộ máy này sắp chữ bằng ánh sáng, và hiện dùng cho loại chữ « devanagari » cũng gọi là « Hindi » của Ấn độ, và rất được mọi người chú ý. Hindi là biến thể của phạn ngữ, và gồm một số chữ nhiều vô kể, trong đó, riêng chữ thường dùng cũng đã có từ 700 tới 1.000. Nhờ có lối sắp chữ bằng hình chụp, mà số chữ cần thiết kể cả các số và dấu, thu lại chỉ còn có 175 chữ thôi. Chiếc máy này trông giống máy đánh chữ thường, mỗi khi ta đánh vào chữ nào, thời một luồng ánh sáng được phát ra chiếu hình chữ đó, ghi lên một tấm phim chụp ảnh.

Người ta đang chế tạo một chiếc máy tương-tự dùng cho chữ Hán. Máy này sẽ chỉ có 26 phim chính thôi, và sẽ sắp chữ nhanh gấp trăm lần, lối sắp chữ thường bằng tay hiện nay.

(Rút ở tài liệu Unesco)

NGHI BA

MÀNH GƯƠNG ĐỜI

LỜI NÓI THẮNG TAM-QUÂN

TRẦN-TUẤN-KHAI

VUA nước Tùy mê hoặc về lời siểm nịnh của Thiệu-Sur, không nghe lời trung thành của Quý-Lương can gián, đến nỗi vua Sở nổi giận đem quân đến đánh. Lúc đó, Quý-Lương lại can vua Tùy rằng :

— Nước Sở vừa mới hợp các nước Hầu, nay đem đến đánh ta, khí thế rất hăng, quân ta khó lòng địch nổi. Vậy bất nhược ta cho người tạ từ xin lỗi, và xin định lại minh ước. Nếu Sở nghe ta thì tránh được cái nạn đao binh cho dân chúng, nhược bằng không nghe thì lỗi bởi tại Sở; quân ta tất đem lòng phấn uất hăng hái, bấy giờ sẽ thừa cơ tiến đánh, may ra còn có thể gỡ được đôi phần...

Thiệu-Sur lại đứng bên cạnh day tay mồm miệng, quả quyết xin đánh, thế nào cũng toàn thắng. Vua Tùy lại hoặc về lời Thiệu-Sur, bèn sai Thiệu-Sur làm thượng-tướng và tự mình cùng Quý-Lương giữ trung-quân, kéo ra đàn trận ở dưới núi Thanh-Lâm để đối địch với quân Sở. Khi đó, Quý-Lương trèo lên chiến-xa nom sang phía quân Sở, rồi tâu vua Tùy rằng :

— Quân Sở chia làm hai cánh tả hữu, tục Sở xưa nay cho tả là trọng, tất vua Sở đứng bên tả và bao nhiêu quân tinh nhuệ, đều tụ ở đó. Vậy ta nên đánh cánh quân bên hữu của Sở, nếu quân hữu bị thua thì cánh tả quân cũng mất nhuệ khí, ta sẽ thừa thế đánh luôn, thế là có thể đánh được.

Thiệu-Sur lại ra dáng hùng hồ mà rằng :

— Nếu tránh vua Sở mà không dám đánh thẳng, thì dẫu có thắng cũng là mang tiếng hèn nhất ; chi bằng ta cứ đánh ngay bên tả là hơn.

Vua Tùy lại nghe lời Thiệu-Sur cho ra đánh ngay cánh quân bên tả của Sở. Thiệu-Sur vâng lệnh hùng hồ đi trước, vua Tùy dẫn quân theo sau, xông vào mặt trận. Bất đồ vừa vào tới cửa trận, thì quân phục của Sở đổ ra, rồi thấy tướng Sở là Đâu-Đan xông ra đón đánh Thiệu-

Sư. Thiếu-Sư lưỡng cuống đón đánh không kịp, bị Đẩu-Đan chém ngay trước trận, quân sĩ bị chết bị thương không biết bao nhiêu mà kể. Đoàn, quân Sở xúm vào vây đuổi vua Tỳ rất gấp. Vua Tỳ sợ hãi cuống cuồng, phải trút cả mũ máng, vớ quần áo lính thường, mặc vào theo Quý-Lương dẫn đường chạy thoát lấy thân. Khi ra được khỏi vòng vây, vua Tỳ nghe tin Thiếu-Sư đã bị tử trận, thì thở dài ra dáng than tiếc. Quý-Lương gạt đi mà rằng :

— Con người hại nước, hại vua như thế còn tiếc làm chi ? Cái việc thương khàn bây giờ là phải lập tức cầu hòa với Sở nếu không tất là đại họa đến nơi.

Vua Tỳ lúc đó mới thở dài than rằng :

— Ta hối không nghe lời đại-phu, đến nỗi nhục nhã thế này. Bây giờ, xin đem toàn quốc để tùy ý đại-phu xử trí.

Quý-Lương, được lời ủy thác đó, mới đi sang quân dinh nước Sở đề cầu hòa. Vua Sở thấy Quý-Lương đến, nổi giận dửng dưng quát lên rằng :

— Vua tôi nhà ngươi, phụ lời minh ước, bỏ việc hội hợp, đem quân ra đánh cự ta ; nay bị thua trận lại đến đây giảng hòa thì còn gì là thành tâm nữa ?

Quý-Lương vẫn điềm nhiên ung dung nói với Sở-vương :

— Trước đây vì kẻ gian thần là Thiếu-Sư, ngu ngoan tham xuân, xui cho nhà vua những việc bội phản chiến tranh, thực ra chúng tôi đâu có ý đó. Nay kẻ gian thần đã chết, chúng tôi sang đây xin tạ, nếu nhà vua tha thứ bao dong thì sau đây chúng tôi xin xướng suất các nước Hán-dông đến làm phiên thuộc. Nền chẳng, tùy ở nhà Vua.

Vua Sở nghe nói còn do dự chưa quyết. Tướng Sở là Đẩu-Bá-Tý thấy khí sắc Quý-Lương vẫn đàng hoàng chừng chắc, bắt giặc cảm động nói với vua Sở :

— Nước Tỳ còn có những hạng hiền thần như thế, ý Trời, chưa diệt nước Tỳ, vậy ta cũng không nên trái cương ý Trời và cho Tỳ được giảng hòa để cố kết các nước Hán-dông thế là hơn cả.

Vua Sở nghe câu đó, lại nhân có ý nể về thái độ của Quý-Lương, nên cũng ưng lời cho Tỳ giảng hòa và lập tức hạ lệnh triệu quân không đánh Tỳ nữa.

Cho hay : Việc nước cần mưu ở triết-nhân,
Một lời sáng-suốt thắng tam-quân.
Những ai chức trọng quyền cao đó,
Nhận rõ ngay gian, kéo nữa làm...



LA TERRE NATALE

- Pourquoi le prononcer, ce nom de la patrie ?
Dans son brillant exil mon cœur en a frémi ;
Il résonne de loin dans mon âme attendrie,
Comme les pas connus ou la voix d'un ami.
- Montagnes que volait le brouillard de l'automne,
Vallons que tapissait le givre du matin,
Saules dont l'émondeur effeuillait la couronne,
Vieilles tours que le soir dorait dans le lointain,
- Murs noircis par les ans, coteaux, sentier rapide,
Fontaine où les pasteurs accroupis tour à tour,
Attendaient goutte à goutte une eau rare et limpide,
Et, leur urne à la main, s'entretenaient du jour,
- Chaumière où du foyer étincelait la flamme,
Toit que le pèlerin aimait à voir fumer,
Objets inanimés, avez-vous donc une âme,
Qui s'attache à notre âme et la force d'aimer ?

Lamartine

BẢN DỊCH (2 bài)

CỔ-HƯƠNG

I

- Tiếng cổ-hương vì sao cứ nhắc,
Nơi lữ-du thắc-mắc trăm đường.
Tiếng đâu gọi nổi nhớ thương,
Gót hài người cũ, tiếng vàng bạn xưa.
- Trái nút thắm, thu mờ sương ám,
Đất lũng sâu khi sớm tuyết gieo,
Ngọn dương còn vết lưới tiều,
Lầu xưa vàng nhạt, bóng chiều thướt - tha,

- *Tường rêu cũ, gò xa, đường dốc,
Suối trong veo trẻ mực vui chơi,
Nước trong từng giọt nhẹ rơi,
Nghiêng bình hứng nước, thành-thời chuyện trò.*
- *Nhà cỏ tranh, trơ lò lửa cháy,
Khách lữ-hành mong thấy khói bay.
Vô-tri mọi vật xưa nay,
Có sao để bận lòng này nhớ thương ?*

HOÀNG-KHÔI dịch

II

- *Tiếng cổ-hương, vì sao nhắc mãi ?
Khách cảm-thu tẻ-tái bên trời.
Vắng nghe say lĩnh hồn ai,
Tiếng chân hay để tiếng người bạn quê...*
- *Rặng non cao, thu về sương ám,
Khè lũng sâu, tuyết sớm nhẹ rơi.
Liễu xanh ngọn xén chồi tươi,
Lầu xưa xa ngắm, chiều phơi bóng vàng.*
- *Tường rêu phủ, ngồn-ngang gò dốc,
Ven suối trong, đàn mực ưa ngời.
Trước sau, đợi giọt nước rơi,
Tay nghiêng bình hứng, nói cười nhỏ to,*
- *Dưới mái tranh, ánh lò lửa cháy,
Khách xa về mừng thấy khói tuôn...
Vô-tri vật để có hồn ?
Vương tơ sao buộc lòng son thân-thờ...*

HOÀI-QUANG dịch



LE VILLAGE NATAL

- *Je voudrais, les ailes ouvertes,
Comme l'oiseau qui fend les airs,
Voir des monts blancs, des plaines vertes,
Et visiter tout l'univers.*
- *Avec des bottes de sept lieues,
Qui m'arriveraient aux genoux,
Je voudrais passer les mers bleues,
Et m'en aller loin de chez nous !*
- *Je voudrais, sous la voile ronde,
D'un vaisseau léger, gracieux,
Faire trois fois le tour du monde,
Et naviguer sous d'autres cieux.*
- *Pars, mais tu reviendras, ô mousse,
En disant, comme tes aînés :
« Aucune terre n'est plus douce
Que la terre où nous sommes nés ».*

O. Aubert

BẢN DỊCH

QUÊ NHÀ

- *Ta ước mong như chim tung cánh,
Lướt ngàn mây ngắm cảnh thiên-nhiên.
Đồng xanh núi tuyết băng miền,
Dọc ngang vũ-trụ, vui quên tháng ngày.*
- *Ta ước mong mai đây sẽ có,
Đôi hia thần cưỡi gió như chơi.
Vượt qua ngàn dặm bề khơi,
Xa nơi tử-lý, thành-thời giang-hồ.*
- *Ta ước mong hải-chu sẵn đấy,
Nhẹ và xinh, chèo lấy thong-dong.
Ngoan-du trái đất ba vòng,
Thăm tìm thắng-cảnh non bông tiêu-giao.*

— Thủy-binh hỡi! Chú ao-tróc vậy,
Đi rồi về, sẽ thấy như ai...
Đàn anh chú nói không sai:
« Năm châu, lục-cánh kếm nơi quê nhà ».

H. QUANG dịch

DỊCH THƠ ĐƯƠNG

TÔNG-QUÂN HÀNH

Phong hỏa chiếu Tây-kinh,
Tâm trung tự bất bình.
Nha-chương tử phượng-khuyết,
Thiết-ky nhiều long-thành.
Tuyết ám điêu kỳ sắc,
Phong đa tạp cổ thanh.
Ninh vi bách phu trường,
Thăng tác nhất thư-sinh.

ĐƯƠNG-QUỲNH

Đã dịch

BÀI HÁT TÔNG-QUÂN

I

Lửa đỏ rực Tây-kinh,
Lòng ta xông bất bình.
Án ngữ từ trước bệ,
Ngựa sắt điêu bên thành.
Tuyết đậm cờ phai sắc,
Gió gào trống lẫn canh.
Thà làm anh đội trưởng,
Bằng mấy chú thư-sinh.

II

Ai châm ngọn lửa Tây-kinh,
Riêng bầu máu nóng bất - bình nổi xông.
Án ngữ lính chức tiên - phong,
Kéo đoàn kỵ-mã ruồi rong bên thành.
Ngọn cờ tuyết phủ long-lanh,
Gió gào lẫn tiếng trống canh ải ngoài.
Thanh gươm yên ngựa như ai,
Còn hơn nghìn bút đóng vai anh đồ.

NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM dịch

Dịch thơ Nhật-bản

BÀY THƯỚC NAM - NHỊ

TIÊU-DẪN— Trong trận chiến-tranh Nga Nhật (1904-1905), đội thủy-quân nước Nhật mới ra đời, đã có vẻ hùng-hậu vô cùng, đủ sức tranh đấu với bất cứ đội thủy-quân nào trên thế-giới. Nhân dịp này, tinh-thần thượng-vô được nêu cao khắp nước. Toàn - dân hưởng-ứng rất mạnh. Lệnh Thiên-Hoàng đưa ra muốn chiêu-mộ thêm nhiều thủy-binh và lục-quân. Lập tức, thanh-niên trong nước đua nhau ứng-mộ rất đông, đông đến nỗi khi tàu nhỏ neo, còn nhiều người, vì chậm chân, không có dịp may cùng ra đi với các chiến-sĩ. Họ liều nhẩy xuống bè, cố bơi theo cho kịp những chiếc thuyền đương từ từ ra khơi... Máy chiếc thuyền này ra đi, có mang theo bốn câu thơ « THẮT SANH » in sau đây, do những người đi tiễn chân đã viết lên mạn tàu, trước khi tàu vượt biển, tranh đấu với địch-quân, để quyết - tâm đem chữ Vinh-quang về đất nước...

NGUYỄN-TÁC

THẮT-SANH

Thắt sanh báo-quốc,
Nhất tử tâm kiên.
Tái kỳ thành-hiệu,
Hàm-tiểu thượng-thuyền.

BẢN DỊCH

I

Bày thước thân trai thích vẫy - vùng,
Liều thân vì nước mới anh-hùng.
Ra đi quyết-thắng, bền gan đá,
Mim mệnh đời chân chẳng ngại-ngùng.

II

Ngang-tàng bày thước nam-nhị,
Tứ-sinh coi nhẹ, chính vì non sông.
Ra đi ta quyết thành-công,
Lên thuyền, liếc mắt vui trông mim cười...

B. Q. Khánh dịch



A. - TIN TRONG NƯỚC

I - HOẠT-ĐỘNG CỦA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

1 - VIỆN BẢO-TÀNG QUỐC-GIA VIỆT-NAM

ÔNG Bộ Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục vừa ký nghị-định ngày 16-5-56 thay tên viện Bảo-tàng tại vườn Bách-thảo, trước là Musée Blanchard de la Brosse, nay gọi là Viện Bảo-tàng Quốc-gia Việt-Nam.

Viện Bảo-tàng Quốc-gia Việt-Nam, từ nay có nhiệm-vụ nghiên-cứu và trưng bày các di-tích và tài-liệu về mỹ-thuật, lịch-sử, cổ-học và nhân chủng-học. Viện đặt dưới quyền điều-khiển của một Giám-thủ và quyền kiểm-soát của Viện Khảo-cổ.

2 - VỀ VIỆC SINH-VIÊN VIỆT-NAM

(từ 18 tuổi trở lên)

Muốn xin tự-túc xuất-ngoại du-học

(về niên học 1956-57)

Trong khuôn khổ kế-hoạch huấn-luyện thanh-niên nước nhà tại ngoại quốc, để trở nên thành tài về giúp ích cho công cuộc kiến-thiết quốc-

gia, các sinh-viên từ 18 tuổi trở lên có đủ điều-kiện ấn-định dưới đây, được phép xin tự-túc xuất-ngoại du-học ;

- 1) Phải xin theo học một trường, hay một lớp không có tương đương ở nước nhà, và xét ra môn học ấy là cần ích.
- 2) Phải có thể kiểm-tra quân-sự.
- 3) Phải có giấy chứng nhận đã theo học lớp huấn-luyện quân-sự.
- 4) Phải cam đoan không được dời môn học đã ghi trong đơn, trừ trường-hợp đặc-biệt, và ngoài ý muốn.
- 5) Phải cam đoan trở về nước ngay, khi có lệnh gọi.

Chi - tiết về việc lập hồ-sơ du-học

Ngoài các giấy tờ ấn-định trên, hồ-sơ xin du-học còn cần phải có :

- Đơn (làm 2 bản, theo kiểu mẫu* hỏi tại Bộ Giáo-Dục) ;
- Giấy cho phép xuất-ngoại du-học của cha, hay người đỡ đầu (nếu sinh-viên dưới 21 tuổi).
- Giấy cam kết của người đứng làm bảo chứng cho sinh-viên (cần ghi rõ họ tên, ngày sinh và địa-chỉ của người bảo chứng ; chữ ký phải được hành-chánh quyền thị thực).
- Giấy cho phép cư ngụ có Cảnh sát Trường chứng thực ; người đứng ký giấy cư-ngụ có thể chứa chấp sinh viên được (nếu người đứng làm bảo chứng, cũng nhận cho sinh-viên cư-ngụ nữa, phải ghi rõ).
- Chứng chỉ nhập học (có ghi rõ lớp theo học).
- Chứng chỉ học trình trong năm vừa qua.
- Bản sao bằng-cấp nếu có.
- Giấy khám sức khỏe (có ghi riêng về bộ phận hô-hấp).
- Giấy rao lục khai-sanh.
- 2 tấm ảnh eãn-cược.
- Tư-pháp Lý-lịch.

Hồ-sơ đầy đủ, có thể nộp tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục (số 70, đường Lê-thánh-Tôn Saigon) kể từ ngày 15-5-1956 đến ngày 15-7-1956, hạn cuối cùng.

3 - TÍNH-DƯƠNG-ĐƯỜNG

Phái-bộ Văn-hóa Pháp vừa chuyên-giao sang Viện Đại-học Quốc-gia Việt-Nam, một tòa nhà ở Hanh-Thông-Tây (Gia-dinh). Viện Đại-học đã được Ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, cho phép dự-trừ sửa-sang trụ-sở ấy, thành một « Tinh-dương đường sinh-viên Việt-Nam ».

4 - TỬ-TÀI KỸ-THUẬT

Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã định rằng : bậc trung-học kỹ-thuật sẽ kết thúc bằng kỳ thi lấy văn-bằng kỹ-thuật, xếp ngang hàng với bằng tú-tài toán. Kỳ thi văn-bằng tú-tài kỹ-thuật cũng chia làm hai phần : phần thứ nhất và phần thứ hai.

5 - ÔNG BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC ĐI KINH-LÝ HUẾ VÀ QUI-NHƠN

Ngày 22-5, ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, đã kinh-lý Huế và Qui-nhơn bằng phi-cơ Beechcraft của Bộ Quốc-phòng. Cùng đi với Ông, có bốn vị tùy-tùng.

Tại phi-trường Phú-Bài, ông Đại-biêu Chính-phủ tại Trung-việt, và ông Giám-đốc Học-chánh Trung-việt, đón tiếp.

Sau khi duyệt toán quân danh-dự, ông Bộ-trưởng tới hỏi han các Giáo-sư và Giáo-viên đến đón chào. Nhiều Đại-biêu học-sinh các trường công tư ở Huế, cũng có mặt tại phi-trường.

Ngày 22, ông Bộ-trưởng đã tới thăm Toà Đại-biêu Chính-phủ, rồi đã cùng ông Đại-biêu tới trường Trung-Học Ngô-dình-Diệm, ở đó 15.000 học-sinh các trường công, tư đã chờ để hoan-nginh Ông Bộ-trưởng.

Ông Giám-đốc Học-chính Trung-việt đại-diện toàn-thê giáo-chức, chúc mừng Ông Bộ-trưởng và trình bày tình-hình giáo-dục và những nhu-cầu của các trường học miền Trung. Tiếp theo, một đại-diện học-sinh tỏ lời cảm ơn Ông Bộ-trưởng về những cố-gắng và hoạt-động để mở-mang nền học-vấn và cải-thiện phương-pháp giáo-dục, dưới sự lãnh-đạo của Ngô Tổng-thống. Rồi đại-diện học-sinh hứa-hẹn sẽ hết sức học-hành, trau dồi đức hạnh để giúp ích Quốc-gia sau này.

Ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn đã đáp từ như sau :

« ... Đã từ lâu, tôi có ý về thăm chốn cố-đô, nơi mà hơn một trăm năm về trước đã từng là một trung-tâm văn-hóa huy-hoàng của Tổ-quốc Việt-Nam. Những danh-nhân như Hoàng-Diệu phụng-sự nước nhà đến hy-sinh thân-thể, như Nguyễn-văn-Siêu vượt ải Nam-quan để giữ vững uy-danh đất nước trước một ngoại-bang lớn rộng, hay Phan-Sào-Nam, dùng ngọn bút nêu cao tinh-thần tự-cường của Dân-tộc, đều đã nhiều lần in bóng, ghi hình tại trường Quốc-tử-Giám, hay dưới mái Nghè nơi Đình thí của đất này.

Tới đây hôm nay, tôi muốn xem xét tại chỗ tình-hình ngành Giáo-dục và cùng Quý vị bàn thêm về những biện-pháp thích-nghị để khuếch-

trương học-dường, mở-mang việc giáo-huấn, ngõ hầu mai sau chúng ta sẽ có được những tinh-hoa sán-lạn có thể theo gương các danh-nhân thuở trước, làm cho non sông Việt-Nam lại hùng-cường.

Tôi nhận thấy rằng trong hai năm nay, nhờ sự sốt-sắng giúp đỡ của Quý Đại-biêu Chánh-phủ, nhờ sự tận-tâm phục-vụ của toàn-thê Giáo-chức và với sự cố-gắng học-hành của các em thanh-niên nam, nữ học-sinh, ngành Giáo-dục tại miền Trung, đã tiến-triển một cách khả-quan. Số trường, số lớp từ Bình-dân Giáo-dục đến Chuyên-nghiệp và Chuyên-khoa, đã tăng lên rất nhiều, theo như ông Giám-đốc Học-chánh vừa mới trình bày cùng quý vị.

Tuy nhiên, trong ngành giáo-huấn, đứng trước những nhu-cầu mỗi ngày một tăng, về phẩm-cấp như về lượng, sự mở-mang vừa thực-hiện được, mới chỉ là một phần nhỏ trong chương-trình của Ngô Tổng-Thống đề kiến-thiết đất nước về ba phương-diện chính-trị, kinh-tế, và xã-hội. Trong vòng hơn một năm nay, bộ Giáo-Dục đã xây cất được một số trường mới như trường Quốc-gia Sư-phạm, trường Cao-đẳng Mỹ-thuật, Trường Võ-tuyển-điện, trường Việt-Nam Hàng-hải, trường Cán-sự Y-tế tại Saigon, cùng tu-sửa hay xây thêm trường ở khắp mọi nơi.

Ngoài ra, một chương-trình mở-mang trong 5 năm, cũng được hoạch-định để làm sao cho từ nay đến hết năm 1960, mỗi một tỉnh phải có ít nhất một trường Trung-học đầy đủ các lớp và mỗi một làng phải có một trường Tiểu-học.

Riêng ở Huế, nơi cố-đô của đất nước, để mở-mang nền Quốc-học, thiết-lập một vài trường Cao-đẳng ở đây cũng là một việc rất đáng được chú-ý, ngay sau khi Viện Đại-học quốc-gia được xây-dựng gần xong tại Thủ-đô Saigon.

Thưa Quý Vị,

Đây mới chỉ là sự mở-mang về số lượng. Muốn cho học-dường làm tròn nhiệm-vụ giáo-hóa, chúng ta có bốn-phần kiến-tạo cho xứ-sở một nền giáo-dục kiên-khang, khá-đi làm phát-huy được cá-tính của dân-tộc, và cung-cấp được cho Quốc-gia những khối óc tinh-anh sẵn-sàng đem kiến-thức đã thâu-lượm được để phụng-sự nước nhà một cách tận-tâm và hiệu-quả.

Đề đạt được mục-dịch ấy, chúng ta cần phải tìm cách cải-thiện chương-trình học-vấn hiện-hữu, để cho được hoàn-bj và thích-hợp hơn. Công việc này sẽ ảnh-hưởng sâu rộng đến tương-lai của dân-tộc. Vì vậy, tôi thiết-tha kêu gọi sự nhiệt-liệt tham-gia của tất cả các vị đã hăng quan-

tâm đến tiền-đồ của đất nước. Bộ Giáo-Dục bao giờ cũng sẵn-sàng tiếp nhận những ý-kiến về việc cải-cách nền giáo-dục quốc-gia rất cần-thiết, để tiếp-tục và hoàn-thành công cuộc cách-mệnh mà Ngô Tổng-Thống đang lãnh đạo.

Theo tinh thần ấy, trong hai năm nay, những việc sửa đổi chương-trình học-vấn ở các bậc, cũng như việc xây dựng nền học chuyên-nghiệp Kỹ-thuật và Kỹ-nghệ, cùng việc thiết-lập những quy-chế mới cho Giáo-chức các cấp, để khuyến-kích thanh-niên vào nghề dạy học, đều là những công việc được quyết-định sau khi đã tham-khảo các ý-kiến một cách rất rộng rãi.

Các em Nam-Nữ học-sinh,

Chính-phủ luôn luôn suy-nghĩ và lo-lắng để làm sao cho tất cả các em có hoàn-cảnh thuận-tiện mà phát-triển tài-năng, đức-độ, ngõ hầu trở nên những công-dân hữu-ích cho nước nhà.

Các em sống gần nơi ranh giới. Nếu nhìn sang bên kia Bến-hải, các em nhận thấy rõ rằng các em đã được may - mắn hơn những đồng-bào hiện đương quân-quại trong cảnh lầm-than áp-bức của chế-độ độc-tài Cộng-sản. Sự may mắn đó nhắc nhở các em, đã cố-gắng phải cố-gắng hơn nữa, trước là để đền đáp công ơn của các chiến-sĩ quốc-gia đã hy-sinh tính mạng để tranh đấu cho Tự-do Độc-lập và Dân-chủ, sau là để tỏ ra xứng đáng với lòng-ưu-ái của Tổng-thống Ngô-Đình-Diệm, luôn luôn vì các thế-hệ thanh-niên mà đấu tranh chống bao thế-lực bạo-tàn. Tôi đặt nhiều hy-vọng vào các em. »

Sau cuộc mệt-tinh, ông Bộ-trưởng đã do ông Giám-đốc Học-chánh hướng-dẫn đi thăm những trường Tiểu-học Trần quốc-Toàn, Đoàn-thị-Điễm, trường Cộng-đồng dân-đạo Xuân-lộc, và những trường Kỹ-thuật.

Ngày hôm sau, Ông Bộ-trưởng đã tiếp tục đi thăm các trường Trung-học công và tư Ngô-đình-Diệm, Pellerin, Đồng-Khánh, Providence, Jeanne d'Arc và Nguyễn-tri-Phương.

Buổi trưa, ông Bộ-trưởng thị sát các trường Trung-học Bồ-Đề và Bình-minh. Rồi lại ghé thăm Viện Bảo-tàng, nơi đây những công việc sửa chữa và cải-thiện hành chính đã được đặc biệt chú-ý.

Ngày 24-5, ông Bộ-trưởng đã rời Huế đi Qui-nhơn.

Tại tỉnh-lỵ Qui-nhơn, ông Tỉnh-trưởng và Trung-tá chỉ-huy Tiểu-quân-khu tiếp đón.

Qui-nhơn là một tỉnh mới thoát khỏi ách Cộng - sản được 9 tháng nay. Trước khi rút lui, Việt-cộng đã phá hoại tất cả. Nhưng chỉ trong vòng vài ba tháng, trường Trung-học Cường-Đề với 400 học-sinh, và nhiều trường Tiểu-học, đã được thiết-lập. Dân chúng, mặc dầu bị kiệt quệ sau 4 năm khói lửa, đã tham gia hăng-hái công cuộc kiến-thiết học đường.

Tiếp sau bài diễn-từ của ông Hiệu-trưởng trường Trung-học, một đại-diện phụ-huynh học-sinh đọc diễn-văn xin ông Bộ-trưởng cho mở thêm những trường Tiểu-học 5 lớp tại các làng và ấn-định số lượng tối thiểu cho Giáo-chức.

« Ông Bộ-trưởng đáp từ:

Tôi lấy làm vui mừng khi tới Qui-nhơn, một tỉnh non biên hùng-vĩ, vừa mới thoát ách bạo-tàn của chế-độ cộng-sản và tôi thành-thực cảm ơn ông Tỉnh-trưởng, Trung-tá Tiểu-khu trưởng cùng quý vị đã dành cho tôi một cuộc đón tiếp trang trọng và thân-mật.

Thưa Quý Vị,

Các em Nam, Nữ học-sinh,

« Tôi chuyên đến đồng-bào tại đây và riêng đến Giáo-chức và học-sinh các trường, mới ân-cần săn-sóc của Ngô Tổng-Thống, luôn luôn lo cho mọi người được ấm-no và được hưởng-thụ an-ninh để có phương-tiện trau-giồi tài-năng, đức-độ.

Lúc này, giữa lúc toàn-dân đang cố-gắng phục-hưng xứ sở điều-linh vì tám chín năm ly loạn, Chính-phủ thấy cần phải tôn-cường giáo-dục quốc-gia hiệu-nghiệm, nhất là tại các miền mới thu-hồi, trước là để đào-tạo những công-dân đầy-đủ khả-năng tham-dự một cách đặc-lực vào các công cuộc kiến-thiết, sau là để xóa bỏ những ý-kiến thiên-lệch do tà-thuyết duy-vật độc-tôn đã gây ra trong tâm-trí thanh, thiếu-niên.

Vì vậy, ngay sau khi tiếp thu tỉnh Qui-nhơn, mặc dầu còn là đồng tro tàn gạch vụn, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã trù-liệu tái-lập trường trung-học và đầu niên-khoá 1955-56 các thanh-niên đã có hoàn-cảnh thuận-tiện để học-hành. Mang tên Cường-Đề, một nhà cách-mạng suốt đời bốn-ba hải-ngoại, coi nhẹ cảnh phú-quí an-nhàn để cứu vãn quê-hương đương lâm than trong áp-bức, trường Trung-học này ắt phải là một nơi đào-tạo những thanh-niên anh-tuấn, lúc nào cũng sẵn-sàng làm tròn bổn-phận đối với quốc-gia.

Đề ý đến hoàn-cảnh tại nơi này trong những năm vừa qua, Bộ Giáo-Dục đã dành cho nhà trường mọi sự để dài khi tuyển nhận học-sinh.

Hơn nữa, muốn cho các thanh-niên khỏi phải gián-đoạn việc học-hành, những biện-pháp khoan-hồng đã được áp-dụng đối với những học-sinh mới thoát được ách Việt-cộng, và những kỳ thi tương-dương để nâng hơn những kỳ thi chính-thức đã được thiết-lập. Nhưng, để giữ vững và nâng cao trình-độ học-vấn, tôi muốn rằng, trong khung cảnh an-ninh trật-tự của nền Cộng-Hòa, các em học-sinh cố gắng hết sức, để học hành cho xứng đáng với lòng ưu-ái của Ngô Tổng-Thống và sự kỳ-vọng của quốc-dân đồng-bào.

Đề khuyến-kích các em, đến niên-khoá tới, tôi sẽ trích một ngân-khoản lớn để xây cất cho các em một trường Trung-học khang-trang và nhiều trường Tiểu-học cao ráo.

Đồng thời với việc mở-mang và tăng thêm trường học, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã sửa đổi nhiều điều trong chương-trình học-vấn tại các cấp. Ở bậc Tiểu-học, bên cạnh những bài giảng dạy về kiến-thức phổ-thông, có thêm môn thủ-công, trồng-tiêu thực-nghiệm, và chăn nuôi theo khoa-học mới. Nữ-sinh, ngoài môn gia-chánh-thêu-thùa, còn học qua cả khoa dưỡng-nhi. Rồi đây, tỉnh Qui-Nhon cũng sẽ có đủ các loại trường về ngành học phổ-thông và công-nghệ. Như thế, trường học sẽ không còn là nơi đào-tạo những công-chức bàn giấy. Việc chính lúc này phải làm, là việc kiến-tạo xã-hội bằng dụng cụ của người thợ và tài-năng của các kỹ-sư.

Về bậc Trung-học, đề thanh-niên có thể sau này theo dõi và thấu hiểu những hoạt-động của các nước Văn-minh tiên-tiến, thể-lệ thi sinh-ngữ ở cấp Tú-tài đã được sửa-đổi: từ niên-học sắp đến, ngoài tiếng Pháp hay tiếng Anh, học-sinh còn có thể tùy-tiện chọn tiếng Đức hoặc tiếng Ý, Nhật, Y-pha-Nho. Thêm vào đây, đề bồi-bổ nền Quốc-học, chương-trình Hán-tự cũng đang được cải-thiện.

Về việc huấn-luyện Cán-bộ, để có những nhân-viên giáo-huấn đầy đủ khả-năng, Bộ đã cải-tô trường Cao-đẳng Sư-phạm và tại trường Quốc-gia Sư-phạm, đã tuyển trên 300 thanh-niên có bằng Trung-học đệ-nhất cấp theo học lớp một năm hay ba năm. Năm tới, số sinh-viên và giáo-sinh lấy vào học, sẽ còn tăng thêm nữa. Ngoài ra, ở các tỉnh, Bộ sẽ cho mở thêm những lớp Sư-phạm một năm. Như vậy, việc thiếu Giáo-sư và Giáo-viên, được giải-quyết trong một thời-gian ngắn.

Tuy nhiên, mặc dầu những sự cố-gắng ấy, nhu-cầu giáo-dục của chúng ta, một dân-tộc đã từng có tiếng là hiếu học, không bao giờ được thỏa-mãn hoàn-toàn, nếu không có sự tham-gia của mọi tầng lớp dân-

chúng. Chính-Phủ đã ra nghị-định thiết-lập một loại trường gọi là trường bán-công, một hình-thức mới - mẻ và cụ-thể, của sự hợp-tác giữa công-quyền và nhân-dân. Tôi hy-vọng rằng một vài trường mới này sẽ chóng được khai-giảng tại nơi đây, để có nhiều chỗ cho trẻ em học tập.

Với sự tận-tâm của ông Tỉnh-trưởng và của Trung-tá, với sự tích-cực tham-gia của đồng-bào, lại thêm sự viện-trợ sốt-sắng của các nước bạn trong khối tự-do, tôi tin rằng những nguyện-vọng của giới thanh-niên ham học, sẽ dần dần được thực-hiện ở đây, cũng như ở mọi nơi khác. Trước khi ngừng lời, tôi chúc rằng nền thịnh-vượng của tỉnh này sẽ chóng được phục-hồi, để mọi người an hưởng cảnh thái-bình hạnh-phúc, của chế-độ Cộng-hòa ngày ngày đang tiến-triển. »

o°o

Buổi trưa vào 2 giờ 30, ông Bộ-trưởng đã tới thăm các trường Trung-Tiểu-học Việt-Nam và Hoa-kiều. Tại Ty Thanh-tra Tiểu-học, sau khi chú-ý nghe một đại-diện giáo-chức trình-bày về hoàn-cảnh thiếu thốn về vật-chất, ông Bộ-trưởng hứa hẹn rằng mọi sự bất công, vô lý, trong một thời gian ngắn, sẽ được xóa bỏ dưới chính-thể Cộng-hòa, và dưới sự lãnh-đạo tối cao của Ngô Tổng-Thống. Ông khuyến mọi người nên cố-gắng làm tròn nhiệm-vụ.

5 giờ chiều, ông Bộ-trưởng rời Qui-nhon trở về Saigon, trước lời hoan-hô của nhân-dân và học-sinh.

II. — HỘI NGHIỆP ĐIỆN-ẢNH

Chiều 26-5-56, một số nghệ-sĩ nhiếp-ảnh có tên tuổi, đã hội-hop tại Câu-lạc-bộ Văn-nghệ, Saigon, để tru-liệu việc sáng-lập Hội Nghiệp-điện-ảnh tài-tử, Saigon. Một ban quản-trị lâm-thời đã được bầu-cử.

III. — TỰ-DO BÁO-CHÍ

Ngày 3-6-1956, nghiệp-đoàn Ký-giả Việt-Nam đã tổ-chức một buổi nói chuyện tại trụ-sở nghiệp-đoàn, 14, đường Lê-văn-Duyệt, Saigon, về tự do báo-chí. Diễn-giả là ông Văn-Hoàn; chủ-tịch nghiệp-đoàn.

IV. — LO CHO TRẺ EM

Sáng chủ-nhật 10-6-56, Hội Phụ-nữ Việt-Nam đã tổ-chức tại rạp Trung-trương hí-viện, đường Lê-Lai, Saigon, một buổi nói chuyện về: « Tại sao cần phải lo cho trẻ em » ?

Buổi hội-hop đặt dưới quyền bảo-trợ của ông Bộ-Trưởng Bộ Y-tế và Xã-hội; và tiếp sau cuộc nói chuyện, ban văn-nghệ Hội Phụ-nữ đã trình bày nhiều màn ca-nhạc giúp vui.

V. — PHÁI-ĐOÀN BÁO-CHÍ THỦ-ĐỒ TẠI CAO-NGUYỄN MIỀN-NAM

Ngày 14-6-56, Phái-đoàn Báo-chí thủ-đồ, dưới sự hướng-dẫn của Trung-tá Bùi-quang-Dinh, đặc-nhiệm tại Tổng-Thống Phủ, đã tới Boun-ma-Thuật, để nghiên-cứu tại chỗ những triển-vọng kinh-tế của Cao-Nguyễn miền Nam, nhất là của các khu-vực thuộc tỉnh Darlac. Một cuộc nhóm họp báo chí đã được tổ-chức tại tòa Tỉnh-trưởng Boun-ma-Thuật.

VI. — PHÁI-ĐOÀN THANH-NIÊN KỸ-THUẬT

Ngày 16-6, Ngô Tổng-Thống đã tiếp Phái-đoàn Thanh-niên Kỹ-thuật Việt-Nam, tốt-nghệp ở ngoại-quốc, hiện đang tòng sự tại các Bộ, Nha, Sở. Tổng-Thống đã cho huấn-từ, tóm-tắt như sau : « Với sự tận-tâm cộng-tác của anh em kỹ-thuật gia, Chính-phủ sẽ tìm ra một kế-hoạch để chương-trình quốc-gia mang lại kết-quả phong-phú ; và vấn-đề thù lao tương xứng với công-nghiệp của anh em, cũng được giải quyết một cách tốt đẹp, đúng với quan-niệm nhân-vị và cộng-đồng. »

o°o

B — TIN NGOẠI NƯ'ỐC

I. — NHẬT-BÁO VIỆT-NGŨ

Bộ Thông-tin Cao-miền đã cấp giấy phép cho một nhật-báo Việt-ngũ, nhan-đề là : « Hồn Việt » của ông Phan-vĩnh-Tông.

Báo sẽ bắt đầu phát-hành ngày 1-6, khổ thường, giá 3 đồng.

II. — HỘI-NHỊ VẤN-HÓA Á-MỸ

Thờ lời mời của Ủy-ban quốc-gia Hoa-kỳ trong Cơ-quan Văn-hóa Liên-hiệp-quốc, mười đại-diện văn-hóa các nước Á-châu, đã hội-hợp với các nhà chuyên-môn văn-hóa và khoa-học Mỹ, tại Hoa-thịnh-Đốn, trong tháng 5 d. l. mới rồi. Đại-diện của nước Việt tự-do là ông Nguyễn-quang-Trinh, Viện-trưởng Đại-học quốc-gia Việt-Nam.

Các hội-viên đã chia làm hai nhóm, để đi thăm các thành-phố và trường Đại-học Hoa-kỳ, rồi sau cùng, đã gặp nhau, trong buổi họp lần cuối, vào ngày 15-5-56. Mục-dích của Hội-nghị là giúp các đại-diện Á-châu hiểu biết thêm Hoa-kỳ, và dân-chúng Mỹ biết rõ hơn các nền văn-hóa Á-châu.

III. — TỈNH HỮU-NHỊ.

Ngày 1-6-1956, tại Hoa-Thịnh-Đốn, các vị lãnh-đạo trong Chính-phủ, thuộc ngành kỹ-nghệ và giáo-dục Mỹ-quốc đã tham-dự một Hội-nghị, để thảo-luận về « mục-tiêu của Hoa-Kỳ tại Việt-Nam ». Trung-tướng John W O'Daniel, chủ tịch Hội « Những người Mỹ bạn của Việt-Nam », sau bản diễn-văn khai-mạc, đã đọc một công-diệp của Tổng-Thống Eisenhower gửi tới Hội-nghị, trong đó có câu : « Cuộc hội họp này sẽ làm cho dân chúng Hoa-Kỳ lưu ý tới những tiến bộ mà nền Cộng-Hòa Việt-Nam đã thực-hiện được, và đồng thời, thắt chặt thêm tình hữu nghị giữa hai dân tộc chúng ta ». Ông Trần văn Chương, đại sứ Việt-Nam tại Hoa-kỳ, cũng đọc một bức thông-diệp của Tổng-thống Ngô đình Diệm gửi Hội-nghị, trong đó có đoạn : « Chúng tôi mong muốn trở nên một dân-tộc tự-do và hùng-cường ; và chúng tôi nhất định bảo-vệ những tin-tưởng và văn hóa của chúng tôi, đấu rằng có phải hy sinh cả tính mạng. Như vậy, chúng tôi cần đến tình hữu nghị của các bạn, nghĩa là đến tình thân hữu biết của các bạn ».

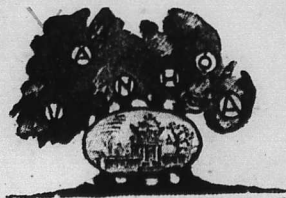
IV. — PHÁI-ĐOÀN BÁO-CHÍ VIỆT-NAM

Ngày 4-6-56, thờ theo lời mời của Chính phủ Anh, một phái đoàn báo chí Việt-Nam, do ông Trần-ngọc-Liên hướng dẫn, đã đáp phi cơ đi Tân gia-ba, rồi từ đó, đã qua Mã-lai và Anh-quốc. Phái đoàn đã đi quan sát kinh thành Luân-đôn, cùng các địa-phương nước Anh.

V. — VĂN-PHẦM

Một nhà văn Việt-Nam, ông Cung-giục-Nguyên, mới cho xuất bản ở Ba-lê một cuốn tiểu-thuyết dày hơn 200 trang viết bằng tiếng Pháp, nhan đề là : « Le Fils de la baleine ». Sách này đã được nhà Hàn-lâm Daniel Rops và các báo chí ngợi khen.





GIÁ BÁN TOÀN QU

1 số.

1 năm (10 số).